

**THERAVĀDA**

*Mười Ba Câu  
Vấn Đáp Phật Pháp*



*A Manual Of the Dhamma  
Dhamma Dīpanī*

Tác giả: **Venerable Ledi Sayādaw**

Biên dịch: **Pháp Triêu**

**PL: 2567**

**DL: 2023**



**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

## LỄ BÁI TAM BẢO

--ooOoo--

*Pūritadasapāramitaṃ,  
Taṃ vande'nadhivaraṃ mahesimuniṃ;  
Saṃsārā nesi janamaṃ,  
Satthā yo sabbasattānaṃ.*

Con xin đánh lễ Đức Thế Tôn, bậc Đại Sĩ, người đã viên mãn mười pháp Ba-la-mật, bậc Thầy của tất cả chúng sanh, Ngài đã hướng dẫn họ thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

*Muninā sudesitaṃ dhammaṃ,  
Taṃ vande'hipassikaṃ sukhumaṃ;  
Bhāventā yaṃ bahusattā  
Nibbānam'aciraṃ pattā.*

Con xin đánh lễ Giáo Pháp, được bậc Đại Sĩ khéo thuyết giảng, vô cùng vi diệu và khai mở cho tất cả đều biết; nhiều chúng sanh khi thực hành Giáo Pháp không bao lâu đã chứng ngộ Níp-bàn.

*Suppaṭipannaṃ saṅghaṃ,  
Taṃ vande'pacitam'uttamamaṇi'hi;  
Adhisīlacittapaññaṃ,  
Samijjhi yassa guṇaṇātassa.*

Con xin đánh lễ Tăng Đoàn, những bậc đã thực hành nghiêm chỉnh đúng theo lời giáo huấn của Đức Phật, một bảo vật vô thượng đáng được tôn kính, có danh tiếng lẫy lừng (được biết đến bởi ân đức) và đã hoàn thiện Tam Học.

# Hôi Hương

--ooOoo—

Nông Văn Hằng

Trần Thị Quế Anh

# Mười Ba Câu Vấn Đáp Phật Pháp

*(A Manual of the Dhamma – Dhamma Dīpanī)*

*Nguyên Tác Tiếng Anh của Venerable Ledi Sayadaw*

*Bản Dịch Tiếng Việt của Pháp Triều*

# Lời Nói Đầu

--ooOoo--

Ledi Sayadaw là một tu sĩ và học giả Miến Điện kỳ tài. Không những thông suốt về Pháp học, ngài còn là một thiền sư nổi tiếng và được ghi nhận là đã có những sự chứng đắc. Trong suốt cuộc đời của mình, Ledi Sayadaw đã viết rất nhiều (hơn 100 đầu sách) những tài liệu chú thích, phân tích và giảng giải những lời dạy của Đức Phật. Không ít những tài liệu này đã được chuyển ngữ sang tiếng Anh. Tập sách “Mười Ba Câu Vấn Đáp Phật Pháp” này là bản dịch từ tác phẩm “A Manual of the Dhamma” bằng tiếng Anh, vốn đã được chuyển ngữ từ nguyên tác “Dhamma Dīpanī” bằng tiếng Miến.

Tầm quan trọng và tính thiết yếu của những vấn đề được đề cập đến trong tác phẩm có thể được ghi nhận thông qua “Lời Nói Đầu Của Dịch Giả Từ Tiếng Miến Sang Tiếng Anh” cũng như “Lời Nói Đầu Của Biên Tập Viên Bản Tiếng Anh”. Chúng tôi không còn gì để nói thêm, chỉ muốn bày tỏ lòng hoan hỷ vô hạn khi hoàn thành được việc biên dịch tập sách sang tiếng Việt và chia sẻ bản dịch với hàng tu Phật Việt Nam vì nhận thấy được tính thực dụng và vô cùng hữu ích của tập sách.

Phước thiện này đã không thể được thành tựu viên mãn nếu không nhờ vào sự động viên, hỗ trợ và giúp đỡ nhiệt tâm của các vị thầy và của rất nhiều đạo hữu. Chúng tôi xin đặc biệt tri ân Sayadaw Sūriya đã giúp đỡ chúng tôi tra cứu một

số tài liệu tiếng Miến. Đạo hữu Thiện Tuệ đóng vai trò chính yếu trong việc đọc kỹ bản thảo và góp ý chỉnh sửa lời văn. Đạo hữu cũng là người trình bày bản thảo và là người đại diện chúng tôi liên hệ với nhà xuất bản và nhà in. Các đạo hữu Tâm Lan, Vũ Thị Châu Giang và Lê Xuân Phi đã dành rất nhiều thời gian và công sức kêu gọi hùn phước và giúp lưu hành ấn phẩm đến tay độc giả. Chúng tôi vô cùng tri ân sự quan tâm và hỗ trợ quý báu của tất cả các đạo hữu. Chúng tôi cũng xin ghi nhận và tán dương công đức của tất cả các đạo hữu trong nước và hải ngoại đã đóng góp tịnh tài hùn phước in ấn và vận chuyển tác phẩm đến tay độc giả. Nguyện cầu hồng ân Tam Bảo hộ trì cho các đạo hữu thân tâm thường an lạc và vững bước trên đường tu học.

Dẫu cẩn thận đến mức nào, chúng tôi vẫn khó có thể tránh khỏi những sai sót trong quá trình biên dịch. Kính mong các bậc tôn túc trưởng thượng và quý độc giả lượng tình bỏ qua và chỉ bảo, chúng tôi sẽ tiếp nhận bằng sự tri ân.

Chúng tôi xin chia đều phần phước phát sanh từ việc thiện này đến thầy tổ, gia quyến và tất cả chúng sanh trong tam giới, đặc biệt là cổ song thân của chúng tôi. Mong cầu phước thiện này hãy hộ trì cho tất cả luôn được an vui, có trí tuệ và tu hành tinh tấn chóng đến ngày giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Pháp Thí Thắng Mọi Thí (Sabbadānaṃ Dhammādānaṃ Jīnāti). Chúng tôi nguyện cầu do phước thiện này,

quả vị Phật Chánh Đẳng Giác sẽ trở thành hiện thực cho chúng tôi trong ngày vị lai.

Homy'āgāmikāle,

Jminā kusalena kammunā sa jino;

Mār'āsannaṃ na tiṇā-

Y'api yo maññi vijay'āsanno.

JTBMU, ngày 26 tháng 06 năm 2023

*Pháp Triều*

## Lời Nói Đầu

### Của Biên Tập Viên Bản Tiếng Anh

Như dịch giả (từ tiếng Miến sang tiếng Anh) có nói, sự trong sạch của Tăng chúng (Saṅgha) là một vấn đề cấp bách ngày nay vì sự phớt lờ những giới điều của Luật (Vinaya) đã trở nên bình thường. Hơn nữa, như Sayadaw có nói: “Nếu một tu sĩ được giáo dưỡng tốt đẹp trong Giới Luật (Vinaya) có nhiều tín đồ và thu nhận được nhiều tài lộc, vị đó có thể gây ra hư hại lớn và nhiều cho Giáo Pháp của Đức Phật, không giống như một vị tu sĩ dốt nát.” Do đó, những tài liệu như tập sách này là thiết yếu.

Vì Đức Phật đã không còn nữa, nên việc duy trì những tiêu chuẩn về phẩm hạnh đáng được chấp nhận của những tu sĩ là một điều khó khăn, thậm chí khi có sự đồng ý trên diện rộng về những tiêu chuẩn đó là gì. Những tu sĩ cần được kiểm chế lại là những người khó giáo dưỡng nhất. Trong thời Kiết Tập Tam Tạng Lần Đầu Tiên, thậm chí 500 vị A-la-hán (Arahant) cũng không thể nhất trí với nhau những vi phạm nào là nhỏ (Vin, ii, 288). Mi Tiên Vấn Đáp (Milindapañha) có nói rằng những vi phạm như tác ác (dukkata) và ác ngữ (dubbhāsita) là những vi phạm nhỏ. Điều này có lý vì những vi phạm căn thú tội (pācittiya = ưng đối trị) hoặc thú tội cùng với xả bỏ (nissaggiyā pācittiya = ưng xả đối trị) bao gồm: giết thú vật, uống chất say, cố tình nói dối, chửi rủa tu sĩ, đánh đập tu sĩ, ăn sái giờ và sử dụng tiền. Tất cả những điều này đi ngược lại với những giới điều được hành trì bởi cư sĩ và sa-di. Do đó, chúng ta không thể xem chúng là nhỏ được, trừ trường hợp so sánh chúng với những vi phạm nặng nề như hành dâm, trộm cướp và giết người. Chúng ta có thể xem những hành vi như phiếm luận, chế nhạo hoặc nói với miệng đầy thức ăn là những vi phạm nhỏ, nhưng những tu sĩ cần



trọng sẽ hành trì cả những giới điều nhỏ này vì lòng tôn kính đến Đức Phật.

Những tài liệu như tập sách này là thiết yếu. Do thiếu kiến thức, những cư sĩ sẽ phi báng những tu sĩ, những tu sĩ vô liêm sỉ sẽ chửi rủa những tu sĩ cẩn trọng, những tu sĩ cẩn trọng sẽ có những suy nghĩ xấu về những tu sĩ vô liêm sỉ, và nhiều người có thể sẽ tái sanh vào địa ngục (vì những hành vi này).

Như Sayadaw vạch rõ, có nhiều phương thức khéo léo chỉ trích hành vi sai trái của những tu sĩ vô liêm sỉ mà không tạo nghiệp bất thiện. Những cư sĩ khôn khéo có thể tạo phước đức bằng cách dâng cúng những vật dụng hợp luật và cung kính những tu sĩ vô liêm sỉ. Nếu được đề nghị dâng cúng những thứ không hợp luật, họ có thể lịch sự hỏi lại: “Thứ đó có hợp luật không ạ?” để nhắc nhở vị tu sĩ vô liêm sỉ điều sơ suất của vị đó mà không chỉ trích một cách trực tiếp. Có rất nhiều giới điều phải được trì giữ; cho nên, thậm chí vị tu sĩ cẩn trọng nhất vẫn đôi lúc lỡ bỏ qua một vài vi phạm. Một cư sĩ có thể thỉnh cầu xem vị tu sĩ cần gì và rồi dâng cúng tịnh tài đến người thị giả tại gia. Nếu vị cư sĩ dâng cúng tịnh tài hoặc những thứ không hợp luật đến tu sĩ, vị cư sĩ sẽ chỉ thực hiện tội lỗi mà thôi<sup>1</sup>. Vị thị giả sống phụ thuộc vào vị tu sĩ, nên vị thị giả nên tuân thủ

---

<sup>1</sup> “Yampi so Tathāgataṃ vā Tathāgatasāvakaṃ vā akappiyena āsādeti, iminā pañcamena thānena bahuṃ apuññaṃ pasavati” (Jīvakasutta, M.i.369), có nghĩa là: “Bất kỳ ai lăng mạ Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai với thứ không hợp luật, với trường hợp thứ năm này, người đó tích lũy nhiều tội lỗi.” Từ ‘āsādeti’ có nghĩa là ‘thỉnh mời’; do đó, vị cư sĩ tạo tội lỗi thậm chí nếu vị tu sĩ chân chính từ chối nhận tiền bạc. Bất kỳ người chân thật nào cũng cảm thấy bị lăng mạ nếu người khác đưa tiền dứt lót cho họ. Do đó, dâng cúng tiền bạc đến tu sĩ cũng là một sự lăng mạ.

theo những chỉ dẫn của vị tu sĩ, nhưng vị cư sĩ thì không cần phải làm như vậy.

Đối với giới hạnh của bản thân, mọi người không nên để sơ suất đầu là những lỗi lầm nhỏ nhất, nhưng đối với giới hạnh của người khác, mọi người nên vun bồi tâm từ bi vô lượng và tính chịu đựng, hoặc thực hành sự xả bỏ, không dính mắc. Khi tiếp xúc hay giao kết với những kẻ thiếu trí, tức là những người không hành trì những hạnh kiểm cơ bản, mọi người nên bảo hộ tâm trí cũng như ngôn từ của chính bản thân; nếu không, chúng ta sẽ dễ dàng và chắc chắn thực hiện những nghiệp bất thiện. Kim cương, ngọc quý có giá trị vô cùng vì tính quý hiếm của chúng. Nếu chúng ta không thể tìm thấy những bảo vật quý hiếm như vậy, thì chúng ta phải thỏa mãn và biết đủ với những loại cẩm thạch tầm thường hơn – thậm chí đá sỏi cũng có thể được dùng để mài dao kéo.

Chúng ta đang sống vào thời kỳ vô cùng quý hiếm. Giáo Pháp của Đức Phật là cực kỳ quý hiếm, nhưng nó đang bị suy tàn theo thời gian. Tất cả Phật tử nên nỗ lực để duy trì Chánh Pháp, nhưng họ cần phải có kiến thức và trí tuệ thích ứng để phân biệt giữa Chánh Pháp và pháp suy đồi. Giới luật (Vinaya) suy đồi dẫn đến giáo pháp suy đồi; giáo pháp suy đồi dẫn đến giới luật suy đồi. Do đó, họ nên đọc những tài liệu như tập sách này một cách cẩn thận, và suy ngẫm sâu xa về giới hạnh đạo đức và sự trong sạch tinh thần của chính mình. Họ nên thực hành thiền chỉ tịnh và thiền minh sát để kiểm soát được những đam mê. Nếu hàng tại gia có được kiến thức chín muồi và trưởng thành về Pháp (Dhamma) và Luật (Vinaya), họ sẽ giúp kéo dài tuổi thọ của Giáo Pháp của Đức Phật. Với lòng nhân từ sâu rộng, họ nên thúc đẩy và khuyến khích những tu sĩ đê cao, nâng đỡ những hoạt động nền tảng như nghiên cứu kinh sách hoặc thực hành thiền minh sát,

thay vì cứ cúng dâng cúng tịnh tài hoặc khuyến khích các tu sĩ thực hành chiêm tinh.

Dịch giả (từ tiếng Miến sang tiếng Anh) đã để nguyên, không chuyển ngữ những thuật ngữ chuyên môn, nhưng theo kinh nghiệm của tôi, một vài độc giả xem những thuật ngữ Pāli là một rào cản trong việc hiểu rõ ý nghĩa. Nếu cứ nhất tâm cho rằng dùng một từ tiếng Anh dành riêng cho một từ Pāli, thì việc duy trì nhất quán là rất khó khăn. Những thuật ngữ thiết yếu ở đây không nhiều, nhưng ý nghĩa của chúng thay đổi tùy theo ngữ cảnh. Ba từ Pāli tương đương ‘susīla’, ‘lajjī’ và ‘silavanta’ đều có thể được dịch là ‘có giới hạnh’ hoặc là ‘có đức hạnh’. Để chỉ ra rằng, từ ‘lajjī’ có nghĩa đối lập với từ ‘alajjī’ (vô tâm), tôi (ND: biên tập viên của bản dịch tiếng Miến sang tiếng Anh) đã dùng từ ‘ngần ngại, chu đáo’, nhưng trong những ngữ cảnh khác, ý nghĩa ‘có giới hạnh’ hoặc ‘có đức hạnh’ là thích hợp hơn. Trong Luật (Vinaya), ‘dussīla’ (đôi bại) có ý nghĩa đặc biệt, chỉ cho người không còn là tu sĩ nữa do vi phạm trọng tội, tức là tội nghiêm trọng nhất; do đó, từ này phải được dùng một cách cẩn thận.

Vì các giới điều trong Luật (Vinaya) chỉ có liên quan đến những vi phạm thân và ngữ, một tu sĩ giữ giới hạnh nghiêm túc (tức là có sự chu đáo và ngần ngại) vẫn có thể thiếu đức hạnh. Điều đó hoàn toàn phụ thuộc vào tác ý trì hành giới luật của vị đó. Nếu việc trì hành chỉ với mục đích có được sự tôn vinh và lợi lộc, thì nó sẽ chẳng mang lại gì nhiều thực chất. Tuy nhiên, nếu vị đó tôn kính Đức Phật và hành trì giới luật vì tôn trọng mệnh lệnh của Đức Phật, thì vị đó chân chánh xứng đáng được gọi là một tu sĩ có đức hạnh, chứ không chỉ là chu đáo và ngần ngại. Mọi người không nên cho vị đó là cung cách hoặc khó khăn chỉ vì vị đó không dễ dãi và có tâm, có úy. Một tu sĩ có giới hạnh đôi lúc có thể vi phạm giới luật do mất niệm

hoặc do phiền não áp đảo; nhưng một khi vị đó nhận ra được tội lỗi của mình, hoặc nếu có bạn đồng phạm hạnh nhắc nhở, vị đó ngay lập tức thú nhận lỗi và chỉnh sửa theo đúng quy trình được vạch ra trong Luật (Vinaya).

Mặt khác, một vị tu sĩ không có tâm không có úy có thể là thông thái theo nghĩa học hiểu rộng về Thắng Pháp (Abhidhamma), Kinh (Sutta) và Luật (Vinaya), nhưng vị đó lại thiếu vắng những phẩm hạnh chân thật. Vị đó thường hay phạm luật một cách có chủ tâm, không có một chút gì đắn đo hoặc e ngại. Mặc dầu biết mình phạm luật một cách rõ ràng, nhưng vị đó lại không thừa nhận rằng mình đã có những sai sót trong việc vi phạm những luật cấm của Đức Phật. Nếu bạn đồng tu chỉ ra những vi phạm, vị đó xoay lại tố cáo những tội phạm của họ, trốn tránh bằng cách thay đổi đề tài hoặc chỉ hành theo luật khi có người khác ở gần bên. Những tu sĩ vô tâm vô úy hoàn toàn như vậy thiếu vắng liêm chính đạo đức. Họ không chỉ yếu kém hoặc lơ đãng mà còn thật sự nguy hiểm.

Những tu sĩ thời nay, do thiếu vắng sự huấn luyện thích hợp, không thể biết rõ ràng cái gì là vi phạm, cái gì là không vi phạm. Họ chỉ làm theo những gì thầy tế độ, giáo thọ sư và bạn đồng môn của họ thực hiện. Những tu sĩ như vậy là vô tâm, vô úy và ngu dốt, mặc dầu đôi lúc họ có thể có bản chất tốt. Sau khi trở thành tu sĩ, một người phải nên hiểu sự tu tập mình đang thực hiện. Nếu vị đó đọc những điều luật Pāṭimokkha cơ bản, vị đó sẽ biết được ngay là thầy tế độ hoặc giáo thọ sư của mình là vô tâm vô úy hay không. Một vị tu sĩ mới xuất gia không ở trong cương vị chỉnh sửa thầy tế độ hoặc giáo thọ sư vô tâm vô úy. Vị đó sẽ phải xả y và xin thọ giới xuất gia ở nơi khác, hoặc phải tìm kiếm xin tu học với một vị thầy nổi tiếng hoặc một thiền sư. Nếu vị đó lơ đãng hoặc cầu thả, vị đó sẽ chắc chắn trở nên vô tâm vô úy như thầy của mình.

Những gì Sayadaw trình bày ở đây cũng áp dụng cho hàng cư sĩ. Các cư sĩ cũng có thể được phân loại thành có giới hạnh hoặc không có giới hạnh, thông thái hoặc ngu dốt, tốt hoặc xấu. Kinh sách trình bày rất nhiều những hướng dẫn dành cho hàng cư sĩ để trở thành những người có giới đức, thông thái và tốt. Giống như tu sĩ có trách nhiệm phải học và hành theo giới luật của tu sĩ, cư sĩ cũng có trách nhiệm học và hành theo giới luật cả cư sĩ. Hướng dẫn chi tiết có thể được tìm thấy trong các bài kinh như *Sīṅgāla*, *Maṅgala* và *Sāleyyaka*<sup>1</sup>. Hàng cư sĩ cũng nên tham dự những khóa hành thiền minh sát vì minh sát là không thể thiếu được trong việc đạt đến thanh tịnh về giới hạnh. Nếu cả hàng tu sĩ và hàng cư sĩ nỗ lực cố gắng học và hành Pháp (Dhamma) và Luật (Vinaya), Giáo Pháp của Đức Phật sẽ được duy trì và bảo tồn theo sự tinh khiết ban sơ của nó. Chỉ cần người tốt không làm gì cả, tội ác và xấu xa sẽ thắng hoa.

---

<sup>1</sup> ND: Độc giả xem Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt (Trường Bộ Kinh), Hạnh Phúc Kinh (Tiểu Bộ Kinh), và Kinh Saleyyaka (Trung Bộ Kinh)

## **Lời Nói Đầu Của Dịch Giả Từ Tiếng Miến Sang Tiếng Anh**

Tôi nghĩ rằng Dhamma Dīpanī (Cẩm Nang Pháp Bảo) do ngài Ledi Sayadaw, một học giả cũng như một thiền sư nổi tiếng, viết bằng tiếng Miến, là tác phẩm hay nhất trong số nhiều tác phẩm của ngài. Cẩm nang này có liên quan đến Luật (Vinaya). Sự tồn tại của Giáo Pháp của Đức Phật phụ thuộc vào sự tồn tại của Luật (Vinaya). Sayadaw đã trả lời mười ba câu hỏi do các cư sĩ đệ trình vào năm 1901. Hàng cư sĩ muốn được thấy những tu sĩ có giới đức hướng dẫn Phật tử và phục vụ Giáo Pháp một cách có hiệu lực, vì Tăng chúng (Saṅgha) là trụ cột của Giáo Pháp của Đức Phật. Để Giáo Pháp của Đức Phật được trường tồn, tất cả những người khôn ngoan ước muốn thanh lọc Tăng chúng (Saṅgha) bằng cách đè nén, bãi bỏ những tu sĩ đôi bại. Ngày nay, việc thanh lọc Tăng chúng (Saṅgha) là một vấn đề bức bách vì việc sao nhãng hay bỏ bê những giới điều trong Luật (Vinaya) đã trở thành bình thường.

Hơn nữa, những tu sĩ nghiêm trì giới luật (Vinaya) là những vị tốt nhất hướng dẫn hàng tại gia trong việc chúng đạt những phúc lợi cao thượng nhất. Chẳng có gì ngạc nhiên khi hàng tại gia không muốn những tu sĩ giả tạo được thịnh vượng và có tầm ảnh hưởng lớn trong giới cư sĩ thiếu hiểu biết. Do đó, những quy cách của Tăng chúng (Saṅgha), đặc biệt là những hướng dẫn về các mối quan hệ tăng tục, được quan tâm rất nhiều. Tất cả Phật tử nên suy ngẫm về những câu hỏi và những câu trả lời trong tập sách này. Vì chúng khá là vi tế, các Phật tử nên chiêm nghiệm về chúng một cách kỹ lưỡng.

Vì tầm quan trọng của những vấn đề này có tính nền tảng cũng như thực tế cho cả hàng tại gia và hàng xuất gia (Saṅgha), vị thuyết giảng phải sở hữu một cái nhìn sâu

sắc và một kiến thức rộng rãi về Luật (Vinaya). May mắn thay, ngài Ledi Sayadaw có đầy đủ những phẩm chất này. Những thuyết giảng của ngài thể hiện không chỉ sự thấu suốt về kinh sách mà còn thiên hướng thực tiễn của ngài. Mặc dầu kiến thức hay sự hiểu biết là quan trọng, nhưng chỉ đơn thuần trí văn chẳng đưa chúng ta đến đâu cả. Những câu trả lời với lý luận chặt chẽ của ngài cùng với những trích dẫn thích hợp từ kinh sách cho thấy ngài có khả năng về nhiều mặt.

Đối với những vấn đề có liên quan đến giới luật tu viện, kiến thức không trọn vẹn và những giải pháp dễ dãi sẽ chỉ làm hại đến Giáo Pháp của Đức Phật, vốn có Tăng chúng (Saṅgha) đóng vai trò then chốt. Chính nhờ những vị tu sĩ tôn trọng Giới Luật (Vinaya) mà Chánh Pháp và Chánh Đạo đưa đến giải thoát vẫn còn tồn tại. Một vài người cho rằng, Luật (Vinaya) là không quan trọng; việc giữ gìn nhiều giới điều như vậy nên được chỉnh sửa. Những người như vậy không có sự hiểu biết đúng đắn về uy quyền của Đức Phật trong việc chế định các điều học. Họ không ghi nhận được bản chất thâm sâu của uy quyền của Đức Phật và sự thiêng liêng của nó. Nếu họ nghiên cứu đầy đủ và chi tiết năm bộ sách Luật (Vinaya) cùng với những Sớ Giải tương ứng, đức tin mạnh mẽ vào Luật (Vinaya) sẽ sanh khởi. Sự tự tin là nền tảng đối với các tu sĩ, và kiến thức trên diện rộng là thiết yếu đối với các học giả.

Độc giả sẽ tìm thấy những suy nghĩ sâu sắc trong từng câu trả lời của Sayadaw. Mặc dầu là thâm sâu, nhưng những lý giải rất rõ ràng. Sayadaw giải thích những phân loại về các loại tu sĩ, trong quá khứ cũng như trong hiện tại. Độc giả sẽ thu nhận được rất nhiều những thông tin hữu ích cũng như những hướng dẫn khôn ngoan từ tập sách này vì nó cũng có liên quan đến những khó khăn của hàng tại gia. Sự thiếu hiểu biết về Luật (Vinaya) trong

hàng tại gia đẩy nhanh sự suy thoái về tiêu chuẩn giới hạnh của hàng xuất gia. Những cư sĩ sáng trí nên quảng bá những tiêu chuẩn tốt đẹp bằng những hành động có kỹ năng như được giải thích trong tập sách.

Vì ý nghĩa lớn lao của mười ba câu hỏi này, ngài giáo chủ của phái Shwegyin, tức là ngài Mahāvisuddhārāma Sayadaw ở Mandalay, đã đề nghị ngài Ledi Sayadaw trả lời chúng. Sau khi xem xét kỹ lưỡng tạng Luật (Vinaya) cùng với các Sở giải và Phụ sở giải, ngài Ledi Sayadaw đã trình bày những câu trả lời súc tích một cách chính xác và khôn khéo, vì ngài đã phân tích những vấn đề một cách sâu sắc. Những ai đã từng có những thái độ không thiện xảo đối với những tu sĩ giới hạnh (lajjī) cũng như đối với những tu sĩ vô tâm vô úy (alajjī) và những tu sĩ đồi bại (dussila) sẽ điều chỉnh quan điểm của mình sau khi đọc kỹ tập sách với những trình bày này.

Phúc lợi to lớn của tập sách này được chứa đựng trong những lời khuyên, những sự thận trọng và những cảnh báo. Hơn nữa, những phương thức khéo léo để ứng xử với tất cả các loại tu sĩ được trình bày để mang lại lợi ích cho hàng cư sĩ. Tôi nghĩ điểm quan trọng nhất nằm trong sự phân loại các hạng tu sĩ vốn được định nghĩa rất tốt cùng với những yếu tố và đặc tính cần thiết để đánh giá một vị tu sĩ nhất định nào đó. Sự thâm sâu và tính thiêng liêng của Phật, Pháp và Tăng cũng được giải thích kỹ lưỡng cho hàng tại gia. Các tu sĩ cũng sẽ có được cái nhìn thấu suốt nếu họ ghi nhận và coi trọng năng lực nội tại của Luật (Vinaya), làm hiện bày ra quyền năng tối thượng của Đức Phật. Rồi từ đó, những hành vi và phẩm mạo của họ sẽ được cải thiện.

Vì tập sách này có liên quan đến những vấn đề giới luật (Vinaya), việc chuyển ngữ một vài thuật ngữ là không đơn giản. Để tránh hiểu nhầm, tôi đã cố ý để nguyên thuật



ngữ Pāli và những phân loại luật (Vinaya). Sau khi được nghiên cứu nhiều lần, tôi hy vọng những thuật ngữ cơ bản này sẽ trở nên quen thuộc và có ý nghĩa đầy đủ, giống như những thuật ngữ Pāli như kusala (thiện), akusala (bất thiện), Dhamma (Pháp), Saṅgha (Tăng), hoặc kamma (nghiệp), vốn đã trở nên thông dụng. Những thuật ngữ này đã được dùng phổ biến trong nhiều quốc gia và giữ nguyên ý nghĩa nguyên thủy của chúng mà không cần phải giải thích gì thêm nữa.

Trong quá trình chuyển dịch, tôi đã cố gắng bám sát bản gốc tiếng Miến để trung thành với những câu trả lời thâm sâu cũng như những cảnh báo, những điểm lưu ý, những chỉ dẫn của tác giả. Tuy nhiên, đối với một tài liệu mang tính chuyên môn như thế này, những sai sót về dịch thuật là không thể tránh khỏi; tôi hy vọng độc giả hoan hỷ xả bỏ. Hoàn thiện là một công việc không có điểm cuối, nhưng chúng ta phải kết thúc vào một lúc nào đó. Tôi đã cố gắng thực hiện bản dịch sao cho vừa chính xác vừa dễ đọc. Độc giả phổ thông có thể xem thêm những bản dịch khác về Luật (Vinaya), nhưng những chuyên gia có thể ước muốn nghiên cứu thêm. Những Số Giải của Tạng Luật (Vinaya) sẽ giúp ích rất nhiều.

Tôi phải cảm ơn James Ross đã khẩn cấp cũng như liên tục yêu cầu tôi dịch tác phẩm quan trọng này của ngài Ledi Sayadaw, vị tu sĩ học giả mang tầm cấp quốc tế. Đội ngũ nhân viên thư viện của ban tôn giáo tại Kaba-Aye, Yangon, đã trợ giúp kiểm tra các nguồn kinh sách và các trích dẫn. Tôi thật sự mang ơn họ.

Tôi chắc rằng Giáo Pháp này sẽ tiếp tục tỏa sáng ở nhiều quốc gia cùng với sự phổ cập các văn bản Luật (Vinaya) nguyên gốc và những tài liệu hướng dẫn như thế này. Phật giáo đã thu hút nhiều sinh viên và học giả mọi nơi. Đặc biệt, những nhà khoa học đang nghiên cứu Phật

giáo vì Phật giáo phù hợp với những nguyên tắc và phương pháp khoa học. Nếu họ tu tập giới, định và tuệ thì họ sẽ có được cảm giác hân hoan sâu sắc, vốn sanh khởi từ phẩm hạnh cao quý và siêu phàm.

# MỤC LỤC

--ooOoo--

Lễ Bái Tam Bảo .....	1
Lời Nói Đầu .....	i
Lời Nói Đầu Của Biên Tập Viên Bản Tiếng Anh.....	iv
Lời Nói Đầu Của Dịch Giả Từ Tiếng Miến Sang Tiếng Anh .....	x
Mười Ba Câu Vấn Đáp Phật Pháp .....	1
Mười Ba Câu Hỏi.....	1
Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Nhất.....	4
Định Nghĩa Ba Loại Tu Sĩ.....	4
Bốn Loại Vi Phạm.....	9
Những Đặc Điểm Của Vị Tu Sĩ Không Có Giới Hạnh	15
Kết Tội Bất Cộng Trụ .....	15
Tình Trạng Pháp Lý Của Những Tu Sĩ Đồi Bại .....	18
Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Hai Và Thứ Ba.....	23
Chúng Ta Có Nên Tránh Xa Những Tu Sĩ Vô Liêm Sĩ Và Những Tu Sĩ Đồi Bại Không? .....	23
Ví Dụ Ngôi Nhà Tốt .....	30
Kinh Nền Hành Trì, Không Nên Hành Trì (Sevitabbāsevitabba Sutta).....	35
Kinh Hiền Ngu (Bālaṇḍita Sutta).....	35
Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Tư .....	38
Chúng Ta Có Nên Tôn Kính Những Tu Sĩ Vô Liêm Sĩ Và Những Tu Sĩ Đồi Bại Không? .....	38

Vô Tội Cho Đến Khi Bị Chứng Minh Là Có Tội.....	42
Sự Vi Diệu, Thâm Sâu Của Giới Luật (Vinaya) .....	45
Trí Tuệ Của Vua Saddhātissa .....	51
Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Năm.....	53
Chúng Ta Có Nên Lễ Bái Những Tu Sĩ Vô Liêm Si Và Những Tu Sĩ Đồi Bại Không? .....	53
Bốn Đối Tượng/Yếu Tố Đáng Được Tôn Trọng.....	55
Những Cách Cư Xử Văn Minh .....	57
Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Sáu.....	59
Chúng Ta Có Nên Chỉ Trích Những Tu Sĩ Vô Liêm Si Và Những Tu Sĩ Đồi Bại Không? .....	59
Câu Chuyện Về Trưởng Lão Koṇḍadhāna.....	64
Câu Chuyện Về Trưởng Lão Cittahattha .....	66
Khiển Trách Những Cá Nhân Một Cách Trực Tiếp... ..	68
Khiển Trách Theo Ngôn Từ Chung Chung.....	69
Cốt Lõi Của Tam Tạng (Tipiṭaka).....	73
Sự Cuồng Dại Của Những Người Si Mê.....	76
Cái Gì Là Giới Hạnh Bền Vững?.....	77
Nhiệm Vụ Khẩn Cấp Nhất .....	79
Chỉ Công Kích Những Pháp Bất Thiện .....	82
Phương Pháp Chỉ Trích “Dhamma Saṃvega” .....	85
Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Bảy.....	88
Một Tu Sĩ Vô Liêm Si Có Thể Trở Nên Chu Đáo Và Cần Trọng Không? .....	88
Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Tám Và Thứ Chín .....	90

Cư Sĩ Có Nên Học Và Nghiên Cứu Luật (Vinaya) Không? .....	90
Nghiệp Trộn Lẫn Cho Quả Trộn Lẫn .....	95
Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Mười .....	101
Tứ Thanh Tịnh Giới .....	101
Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Mười Một .....	104
Những Hậu Quả Của Việc Vi Phạm Giới Hạnh Là Gì? .....	104
Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Mười Hai .....	107
Các Yếu Tố Của Tăng Thí (Saṅghikadāna) Là Gì? ...	107
Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Mười Ba.....	123
Loại Cúng Dường Nào Có Phúc Lợi Nhất?.....	123
Vun Bồi Một Thái Độ Điều Luyện, Thuần Thục .....	128
Ví Dụ Về Con Rùa Mù.....	128
Ví Dụ về Người Được Vua Yêu Mến .....	131
Năm Điều Hiếm Có .....	132
Ví Dụ Về Tàu Chìm .....	141
Chọn Đạo Lộ Đúng .....	144
Ví Dụ Về Những Con Chim.....	146
Phương Danh Thí Chủ .....	149
Địa Chỉ Phân Phối .....	153

*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa*

## **Mười Ba Câu Vấn Đáp Phật Pháp**

Vào tháng Bảy năm 1901, có bảy cư sĩ từ làng Okkan đã đệ trình mười ba câu hỏi và thỉnh cầu tôi giải đáp. Họ là những cư sĩ mộ đạo, bao gồm trưởng làng Taka có tên gọi là Maung Po O, người dâng cúng nhà nghỉ có tên gọi là Shwe La, người xây dựng chùa có tên gọi là U Baw, người dâng cúng chùa có tên gọi là Saya Saing, người dâng cúng chùa có tên gọi là Maung Htut, người dâng cúng tháp có tên gọi là Maung Shwe Ye, và người hộ trì Tam Bảo có tên gọi là Maung Nge. Họ và những cư dân trong làng đã đặt ra mười ba câu hỏi có liên quan đến những vấn đề về phẩm mạo tu sĩ và mối quan hệ của nó đối với hàng tại gia cư sĩ. Bây giờ, tôi sẽ trình bày những câu trả lời ngắn gọn nhưng súc tích cho những câu hỏi đó.

### **Mười Ba Câu Hỏi**

1. Ngày nay, trong giáo pháp của Đức Phật, có ba loại tu sĩ, được gọi tên là: *lajjī* (vị liêm sỉ, có tầm và úy), *alajjī* (vị vô liêm sỉ, không có tầm và úy) và *dussīla* (vị đồi bại, không có giới hạnh). Cho nên, chúng tôi ước mong được biết những yếu tố, tức là những đặc tính, miêu tả mỗi loại như được nhắc đến trong Kinh Điển *Pāli*, *Sớ Giải* và *Phụ Sớ Giải*. Xin ngài hãy trình bày cho chúng tôi những yếu tố phân định từng loại.

2. Đối với những người biết rõ sự thật về những tu sĩ không có tầm và úy cũng như những tu sĩ không có giới hạnh, họ có nên tránh xa, không quan hệ cũng như không tôn kính những tu sĩ đó không? Điều này có đúng với câu kệ trong Hạnh Phúc Kinh (*Maṅgala Sutta*), vốn khuyên chúng ta nên không thân cận với kẻ ngu (*asevanā ca*

*bālānaṃ*), không? Một cư sĩ thể hiện sự không quan tâm bằng cách phớt lờ đi những tu sĩ xấu xa như vậy, thì có phải là đang hành theo lời giáo huấn của *Maṅgala Dhamma* (Pháp Hạnh Phúc) không? Chúng tôi ước mong được biết các dẫn chứng và ví dụ trong Kinh Điển về những quả xấu hoặc tốt từ hành động này.

3. Đối với những người biết rõ sự thật về những tu sĩ không có tâm và úy cũng như những tu sĩ không có giới hạnh, họ có nên tiếp tục cung kính và dâng cúng các món vật dụng nhu yếu không? Họ có phải là đang hành theo *Maṅgala Dhamma* (Pháp Hạnh Phúc), vốn khuyên chúng ta nên gần gũi bậc trí (*paṇḍitānañca sevā*), không? Hành vi này có phải là đúng với lời khuyên được trình bày trong Hạnh Phúc Kinh (*Maṅgala Sutta*) hay không? Xin ngài hãy cung cấp dẫn chứng và những trường hợp cụ thể về quả xấu hoặc tốt từ hành động này.

4. Nếu một người dâng cúng bốn món nhu yếu phẩm như vật thực, vân vân, đến vị tu sĩ, tuy biết rằng vị đó là không có tâm và úy hoặc là không có giới hạnh, thì việc làm này có được xem là làm đúng theo *Maṅgala Dhamma* (Pháp Hạnh Phúc), tức là khuyên dạy chúng ta nên tôn kính những bậc đáng tôn kính (*pūjā ca pūjaneyyānaṃ*), không? Hay việc làm này là trái nghịch với điều khuyên dạy đó? Xin ngài hãy cho chúng tôi biết về quả tốt hay xấu cùng với những dẫn chứng và các trường hợp cụ thể thích hợp.

5. Nếu một người tôn trọng và kính lễ một vị tu sĩ bằng cách chào hỏi, đánh lễ, vân vân, (tuy) biết rằng vị đó là không có tâm và úy hoặc không có giới hạnh, thì người đó có làm đúng theo *Maṅgala Dhamma* (Pháp Hạnh Phúc), vốn dạy rằng một người phải kính lễ những bậc đáng kính lễ (*gāraṇa*)? Hành vi của người đó có tuân theo lời kinh, vốn dạy rằng chúng ta nên chỉ kính lễ những ai

có sở hữu giới hạnh, không? Lời kinh ám chỉ ở đây là bài kinh trong Tương Ưng *Kosala* (*Kosala Saṃyutta*)<sup>1</sup>. Bằng việc kính lễ những tu sĩ xấu xa, chúng ta có thành đạt việc nường nhờ vào nơi đáng tin cậy không? Xin ngài hãy trình bày những dẫn chứng hoặc các ví dụ để vạch ra đường lối đúng đắn có liên quan đến việc kính lễ những tu sĩ xấu xa.

6. Nếu một người chê bai hoặc chỉ trích một tu sĩ, trực tiếp hoặc gián tiếp, khi biết rằng vị đó là không có tâm và úy hoặc không có giới hạnh, thì người đó có gánh chịu mười tội lỗi hoặc mười quả ác hay không? Người đó có tránh thoát tội lỗi với hành vi này không?

7. Nếu một tu sĩ vô tâm và vô úy trở nên kinh sợ sự khổ đau trong vòng luân hồi (*saṃsāra*), hoặc nếu vị đó cảm giác kinh sợ tội lỗi, thì bằng cách nào vị đó có thể trở thành một tu sĩ có tâm và úy? Việc vị đó trở thành một tu sĩ có tâm và úy có khả thi không?

8. Hàng tại gia cư sĩ có nên học hỏi Giới Luật (*vinaya*) của tu sĩ không? Loại học hỏi này có đúng theo *Maṅgala Dhamma* (Pháp Hạnh Phúc), vốn khuyến dạy chúng ta nên được khéo huấn luyện/giáo dưỡng trong/về giới luật (*vinayo ca susikkhito*)? Những quả tốt hoặc xấu của hành động này là gì? Xin ngài hãy trình bày dẫn chứng hoặc các ví dụ để minh chứng cho điều xác thực.

9. Một tu sĩ có nên dạy giới luật của tu sĩ cho cư sĩ không? Các quả tốt hoặc xấu của việc làm này là gì? Xin ngài hãy cung cấp dẫn chứng.

10. Xin ngài hãy trình bày những yếu tố hoặc những đặc tính chi tiết của từng loại một trong Tứ Thanh Tịnh Giới (*pārisuddhi sīla*). Đối với từng loại, xin ngài hãy nêu

---

<sup>1</sup> ND: Tương Ưng Bộ, Thiên Có Kệ, Tương Ưng Kosala, Phẩm Thứ Nhất, Tuổi Trẻ.



lên đặc tính, chức năng, sự biểu hiện và nguyên nhân gần của nó.

11. Trong Tứ Thanh Tịnh Giới, nếu một tu sĩ vi phạm Biệt Biệt Giải Thoát Thu Thúc Giới (*Pāṭimokkhasaṃvarasīla*), thì những hậu quả xấu (vị đó phải gánh chịu) là gì? Nếu vị tu sĩ trì giữ nó (một cách tốt đẹp), thì kết quả tốt là gì? Xin ngài hãy từ bi giải thích ba loại giới còn lại cùng với các kết quả tốt và hậu quả xấu có thể được/bị gây ra nếu chúng được trì giữ hoặc bị vi phạm.

12. Các yếu tố của việc cúng dường đến Tăng chúng (*saṅghikadāna*) là gì? Làm sao chúng ta có thể thực hiện hoặc tiến hành loại dâng cúng này?

13. Trong hai loại cúng dường: cúng dường đến Tăng chúng và cúng dường đến Đức Phật, loại nào có phúc lợi nhiều hơn?

## **Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Nhất**

### **Định Nghĩa Ba Loại Tu Sĩ**

Các cư sĩ đã hỏi câu hỏi này với ý như sau: hiện tại chúng ta có thể tìm thấy nhiều loại tu sĩ khác nhau: vị liêm sĩ, có tâm và úy (*lajjī*); vị vô liêm sĩ, không có tâm và úy (*alajjī*); và vị đồi bại, không có giới hạnh (*dussīla*). Những cư sĩ này muốn biết những đặc tính cơ bản chính yếu của từng loại để phân loại dựa theo Kinh Điển *Pāḷi*, Số Giải và Phụ Số Giải.

Ba loại tu sĩ này được nhắc đến trong Phần Tập Yếu (*Parivāra Pāḷi*) của Tạng Luật (*Vinaya Piṭaka*) như sau:

“*Sañcicca āpattiṃ nāpajjati, āpattiṃ napaṇigūhati.*”

*Agatigamañña nagacchati, ediso vuccati lajjī puggalo.*<sup>1</sup>

Đoạn văn Pāli này có nghĩa là: “Họ biết về các điều luật (*Vinaya*) và, không có ý nghĩ vi phạm, họ tránh xa việc vi phạm chúng. Nếu họ lỡ vi phạm một vài điều luật do bởi sự yếu đuối trần tục, thì họ không bao giờ che giấu những vi phạm đó. Hơn nữa, họ không đi theo bốn con đường sai trái (*agati*)<sup>2</sup>. Những tu sĩ như vậy được gọi là những người liêm sĩ (*lajjī puggala*) – tức là những tu sĩ có tâm và úy.”<sup>3</sup> Đây là ba yếu tố hoặc ba đặc tính của một tu sĩ liêm sĩ. Sự phân loại là như sau:

1. Khi một tu sĩ liêm sĩ biết rằng một hành vi nào đó là vi phạm những điều luật (*Vinaya*), vị đó tránh xa, không làm.

2. Tuy nhiên, vị đó đôi lúc có thể vi phạm một vài điều luật vô tình hoặc cố ý do bởi tâm trí chưa được tu luyện (hoàn hảo, thuần thực). Vị đó không bao giờ che giấu sự thật và luôn luôn ngay lập tức thanh lọc giới hạnh của mình theo đúng các điều luật ngay trong ngày đó (tức là ngày vi phạm luật).

3. Khi vị đó phải phân chia tứ vật dụng hoặc quyết định các trường hợp tranh chấp hoặc phân định đúng sai, vị đó tránh bốn con đường sai trái, tức là vị đó luôn luôn thi hành hoặc quyết định một cách đúng đắn, chính trực và không thiên vị.

---

<sup>1</sup> ND: Luật Tập Yếu, Tập II của Tỳ khưu Indacanda: “Vị không cố ý phạm tội, không giấu diếm tội vi phạm, kẻ không đi sai đường, hạng như thế ấy được gọi là người liêm sĩ.”

<sup>2</sup> Đi theo con đường sai trái thông qua dục (*chandāgati*), thông qua sân (*dosāgati*), thông qua si (*mohāgati*) hoặc thông qua sợ hãi (*bhayāgati*).

<sup>3</sup> Từ đây về sau sẽ gọi là những tu sĩ liêm sĩ.

Một tu sĩ có ba yếu tố hoặc ba đặc tính này thì được gọi là liêm sĩ. Đây là ý nghĩa của câu văn Pāli trích dẫn ở trên.

Ba yếu tố hoặc ba đặc tính của một tu sĩ không có tâm và úy được trình bày trong Phần Tập Yếu (*Parivāra*) như sau:

“*Sañicca āpattiṃ āpajjati, āpattiṃ parigūhati.*

*Agatigamañca gacchati, ediso vuccati alajjī puggalo.*”<sup>1</sup>

Đoạn văn Pāli này nói rằng vị tu sĩ không có tâm và úy là người, (tuy rằng) có kiến thức về các điều luật (*Vinaya*), vi phạm chúng và thực hành tội lỗi. Sau khi đã thực hành tội lỗi, vị đó lại che giấu những hành vi của mình. Hơn nữa, vị đó lại đi theo bốn con đường sai trái. Vị tu sĩ như vậy được gọi là không có tâm và úy, tức là vô liêm sĩ.

Ý nghĩa là như sau:

1. Một tu sĩ, (tuy) biết rằng một hành vi nào đó là trái ngược với điều luật (*Vinaya*), (nhưng vẫn) vi phạm các giới điều một cách có chủ ý.

2. Mặc dầu vị đó biết rằng mình đã phạm luật (*Vinaya*), nhưng vị đó vẫn che giấu những vi phạm của mình hoặc bằng sự hiểu biết của vị đó về Luật (*Vinaya*) hoặc bằng việc vị đó vi phạm thông qua sự thiếu hiểu biết. Tức là, vị đó không tiến hành việc thanh lọc các tội lỗi của mình theo phương cách đã được miêu tả hay đã được trình bày.

---

<sup>1</sup> ND: Luật Tập Yếu, Tập II của Tỳ khưu Indacanda: “Kẻ cố ý vi phạm tội, kẻ giấu diếm tội vi phạm, và kẻ đi đường sai trái, hạng như thế ấy được gọi là người vô liêm sĩ.”

3. Khi phân chia tứ vật dụng trong cộng đồng, hoặc khi quyết định các trường hợp tranh chấp hoặc phân định đúng sai, vị đó đi theo bốn con đường sai trái.

Nếu vị tu sĩ sở hữu thậm chí chỉ một trong ba yếu tố này, thì vị đó là vô liêm sĩ.

Ở đây cần phải được giải thích chi tiết một chút. Sớ Giải Tạng Luật nói rằng: “Một người vô liêm sĩ ngay từ lúc đầu là chuyện không có.” Như vậy, vấn đề vô liêm sĩ là chuyện vô thường. Nói một cách khác, không có tồn tại vị tu sĩ được gọi là người luôn luôn vô liêm sĩ. Sớ Giải nói rằng, tại lúc xuất gia, một tu sĩ không thể được phân loại là vô liêm sĩ, nhưng vị đó có thể trở thành vô liêm sĩ tùy theo thái độ tâm lý của vị đó tại bất kỳ thời điểm nào (khác sau đó). Không có vị tu sĩ nào là luôn luôn liêm sĩ hoặc luôn luôn vô liêm sĩ dựa vào tầng lớp xã hội, tôn giáo, quốc tịch, vân vân. Một tu sĩ có thể trở nên vô liêm sĩ mười lần, hoặc trở nên liêm sĩ mười lần trong vòng một vài phút ngắn ngủi. Trong khoảng thời gian của một lần ngồi xuống, việc một vị tu sĩ thay đổi qua lại mười lần từ một người vô liêm sĩ trở thành một người liêm sĩ và ngược lại là một điều có thể xảy ra.

Làm sao chuyện này có thể xảy ra? Một vài giới điều (*Vinaya*) có thể bị vi phạm lặp đi lặp lại nhiều lần trong vòng một thời gian ngắn ngủi; cho nên, vị tu sĩ có thể bị phân loại là vô liêm sĩ nhiều hơn mười lần. Thậm chí trong vòng một khoảng thời gian ngắn, hàng ngàn giới điều có thể là phải được trì giữ, nhưng một vài vị tu sĩ không biết. Do thái độ sai trái hoặc sự bất cẩn của mình, một tu sĩ có thể là vi phạm chúng một cách thường xuyên. Cho nên, trong thời gian đó, vị đó phải được phân loại là vô liêm sĩ. Mặt khác, nếu vị đó trở nên có tâm và úy bất kỳ khi nào vị đó vi phạm các giới điều, nhận ra lỗi của

mình, thú nhận tội, và quyết tâm là sẽ không vi phạm nữa, thì vị đó trở thành một tu sĩ liêm sỉ trở lại.

Rõ ràng là sự phân loại thành liêm sỉ và vô liêm sỉ không thể có liên quan với chủng tộc, tôn giáo hoặc nền văn hóa; cũng vậy, không có vị tu sĩ nào có thể được phân loại thành liêm sỉ hoặc vô liêm sỉ mãi mãi được. Tuy nhiên, nếu một tu sĩ suốt cả cuộc đời của mình không tuân thủ những nguyên tắc được đề ra trong giới luật, thì vị đó chắc chắn phải nên được phân loại là một vị tu sĩ vô liêm sỉ.

Sớ Giải Tạng Luật nói rằng một vị tu sĩ vô liêm sỉ vẫn là vô liêm sỉ chỉ khi nào tính vô liêm sỉ xuất hiện trong vị đó, và khi vị đó sở hữu một trong ba yếu tố (như đã được trình bày) mà không thú tội và không thanh lọc. Ngay khi vị đó thực hiện những điều này (tức là thú tội và thanh lọc), thì vị đó lập tức đạt lại được tình trạng hay danh vị một vị tu sĩ liêm sỉ. Trong Phụ Sớ Giải *Sāratthadīpanī*, đoạn giải thích quan trọng sau đây được tìm thấy:

*“Ādito paṭṭhāya hi alajjī nāma natthīti iminā ditṭhaditṭhesuyeva āsankhā na kātabbāti dasseti.”*

Ý nghĩa của câu văn *Pāli* trên là: “Ở đây, ‘một người vô liêm sỉ ngay từ lúc đầu là chuyện không có’ có nghĩa là chúng ta không được phép nghi hoặc hay ngờ vực một tu sĩ cứ mỗi lần chúng ta thấy vị đó, và nghĩ rằng vị đó là vô liêm sỉ. Chúng ta không nên có thái độ như vậy.” Đây là lời khuyên dạy của Phụ Sớ Giải.

Chỉ khi nào chúng ta thấy một tu sĩ đang thực hiện một hành động xấu xa đồi bại, chúng ta mới có thể phân loại vị đó là vô liêm sỉ tại lúc đó và tại nơi chốn đó, chứ không phải tại lúc khác hoặc ở nơi chốn khác. Hơn nữa, rồi chúng ta mới có thể nghi hoặc hành vi của vị đó, và rồi ngờ vực vị đó. Nếu chúng ta không thật sự thấy hành vi xấu xa đồi bại của vị đó, thì chúng ta không nên ngờ vực.

Đây là ý nghĩa của Chánh Văn *Pāli*, Sớ Giải và Phụ Sớ Giải.

### **Bốn Loại Vi Phạm**

Câu văn *Pāli* “*sañcicca āpattiṃ āpajjati*” có nghĩa là ‘cố tình vi phạm giới luật (*Vinaya*)’, tức là có kiến thức hay sự hiểu biết về giới luật. Nói chi tiết thì bốn phân loại sau bao hàm tất cả các loại vi phạm:

1. Vi phạm với kiến thức hay sự hiểu biết về điều luật,
2. Vi phạm mà không có kiến thức hay sự hiểu biết về điều luật,
3. Vi phạm có kiến thức hay sự hiểu biết về đối tượng (tức là vật dụng hoặc vấn đề bị vi phạm), và
4. Vi phạm mà không có kiến thức hay sự hiểu biết về đối tượng.

Sự diễn giải là như sau: Trong Tạng Luật (*Vinaya Piṭaka*), Đức Phật cấm các tu sĩ không được thọ thực mười loại thịt<sup>1</sup>. Nếu một tu sĩ không tuân thủ theo điều luật này, vị đó phạm tội. Vị đó không tuân thủ điều cấm kỵ này vốn được Đức Phật ban hành cho tất cả các tu sĩ. Nếu vị tu sĩ biết điều luật này, vị đó được xem là người có kiến thức hay sự hiểu biết về điều luật. Nếu vị đó không biết điều luật này, vị đó được phân loại là người không có kiến thức hay sự hiểu biết về điều luật. Cả hai điều trên liên quan đến điều luật trong lãnh vực ‘biết’ hoặc ‘không biết’. Khi vị tu sĩ không hiểu biết về loại thịt nào là được cho phép, thì trường hợp này có liên quan đến đối tượng (*vatthu*).

---

<sup>1</sup> Mười loại thịt là: thịt người (*manussa*), thịt voi (*hatthi*), thịt ngựa (*assa*), thịt chó (*sunakha*), thịt rắn (*ahi*), thịt sư tử (*sīha*), thịt hổ (*byaggha*), thịt beo (*dipi*), thịt gấu (*accha*) và thịt sói (*taraccha*).

Như vậy, trong trường hợp này, vị đó hoặc là có hoặc là không có kiến thức hay sự hiểu biết về đối tượng.

Cũng như vậy, về việc nhận vàng, bạc, và tiền, một tu sĩ có thể biết hoặc không biết về giới điều đó. Cho nên, vị đó có thể là có kiến thức, tức là sự hiểu biết về điều luật đó, hoặc là không có. Tương tự, về đối tượng nên được khước từ, sự phân loại cũng có hai trường hợp: kiến thức hay sự hiểu biết về đối tượng và mù tịt về đối tượng.

Trong Luật (*Vinaya*), thuật ngữ ‘*āpatti*’ có nghĩa là lỗi, phạm tội, vi phạm. Ở đây, hai loại phạm tội có thể được tìm thấy: phạm tội theo luật thế gian, và phạm tội theo các điều luật chế định trong Giới Luật (*Vinaya*). Loại thứ nhất bao gồm sát sanh, trộm cướp và vân vân. Những hành động bất chính này được xem là bất thiện ở mọi nơi, cho nên, sự vi phạm này được xem là sai phạm theo những quy luật đạo đức của thế gian. Đối với loại vi phạm thứ hai, nó có liên quan đến việc vi phạm các điều luật được chế định trong Tạng Luật (*Vinaya*) như là đào đất, cắt cây cỏ, vân vân. Những vi phạm như vậy, tuy là không có tội lỗi trên bình diện đạo đức của thế gian hằng ngày, nhưng lại là những sai phạm đối với giới luật chế định trong Phật giáo (*Vinaya*). Những điều luật của tu sĩ do Đức Phật chỉ dạy thì thuộc vào loại vi phạm theo các điều chế định trong Giới Luật (*Vinaya*) cho các tỳ-khưu.

Chúng ta cần phải thẩm định chi tiết hai loại vi phạm này. Một tu sĩ có sự hiểu biết và có chú ý vi phạm những điều cấm chế của thế gian thì trở thành một tu sĩ vô liêm sỉ. Nếu vị đó vi phạm một quy tắc đạo đức mà không biết, thì đôi lúc vị đó lại vẫn vi phạm luật (*Vinaya*) vì vị đó biết đối tượng của hành vi phạm tội. Và rồi, vị đó cũng trở thành vô liêm sỉ. Các ví dụ của những vi phạm (đưa đến) vô liêm sỉ là sát sanh, uống chất say, dùng thuốc nghiện, vân vân. Vị đó có tội lỗi trên cả hai bình diện – tội

lỗi thế gian và tội lỗi trong giới luật (*Vinaya*). Tuy nhiên, thi thoảng phá vỡ một vài học giới thì không đưa đến việc vi phạm luật (*Vinaya*). Vì một tu sĩ không vi phạm bất kỳ điều gì được nêu lên trong giới luật (*Vinaya*), vị đó không thể được phân loại là vô liêm si.

Hầu hết các học giới (*sekhiya*) và những điều ngăn cấm trong các bộ sách Đại Phẩm (*Mahāvagga*) và Tiểu Phẩm (*Cūlavagga*) thì không phải là những phạm tội nếu vị tu sĩ không biết về chúng, thậm chí nếu vị đó vi phạm điều luật. Nếu vị đó biết điều luật, nhưng lại không biết về đối tượng, thì nó là phạm tội đối với một vài điều luật, nhưng không phải là đối với tất cả. Trong trường hợp phá vỡ một giới điều mà không biết về đối tượng, mặc dầu vị tu sĩ đôi lúc vi phạm như vậy, nhưng vị đó không phải là vô liêm si ở đây. Ví dụ của điều này là uống chất say. Nếu vị tu sĩ không biết rằng vị đó đã dùng chất say, nghĩ rằng nó là thuốc, thì nó là một vi phạm. Tuy nhiên, vị đó không thể bị gọi là vô liêm si mặc dầu vị đó có phạm tội. Nếu một tu sĩ giết chết một chúng sanh, nhưng không biết rằng nó có sự sống, thì vị đó đã hủy diệt sự sống một cách không có chú ý. Trong trường hợp này, vị đó không vi phạm điều luật (*Vinaya*) và vị đó cũng không phải là vô liêm si.

Một tu sĩ trở nên vô liêm si chỉ khi nào vị đó có kiến thức, tức là sự hiểu biết, cả về điều luật và về đối tượng. Nếu phá vỡ điều luật khi có kiến thức về điều luật, nhưng lại không biết về đối tượng, thì vị đó không phải là vô liêm si. Cũng vậy, vị tu sĩ vẫn là liêm si nếu vị đó có kiến thức về đối tượng, nhưng lại không hiểu biết về điều luật. Vị đó không trở thành một tu sĩ vô liêm si. Nếu vị đó không biết cả về điều luật cũng như đối tượng, và phạm tội, thì vị đó không thể được gọi là vô liêm si.

Sự giải thích ở trên được trình bày để làm rõ ý nghĩa của cụm từ ‘vi phạm các điều luật (*Vinaya*) một cách có



chủ ý' (*sañcicca āpattiṃ āpajjati*), và để chỉ ra những đặc tính của một vị tu sĩ vô liêm sĩ.

Yếu tố thứ hai là “*āpattiṃ parigūhati*”, có nghĩa là khi vi phạm các điều luật (*Vinaya*), vị tu sĩ vô liêm sĩ che dấu tội lỗi của mình. Việc che dấu tội lỗi được miêu tả bằng mười yếu tố như sau:

1. Vi phạm điều luật (*Vinaya*) hoặc điều cấm,
2. Kiến thức hay sự hiểu biết về sự phạm luật hoặc về tội lỗi,
3. Sự có mặt của người chúc an lành (một tu sĩ) bên cạnh,
4. Sự có mặt của một tu sĩ kề cận trong đại chúng,
5. Sự vắng mặt của bất kỳ nguy hại nào,
6. Nhận thức hoặc hiểu biết rằng là không có nguy hại nào.
7. Cơ thể mạnh khỏe có khả năng thú tội và tiến hành thủ tục chữa trị hoặc thanh lọc điều vi phạm như được trình bày trong giới luật.
8. Nhận thức hoặc hiểu biết rằng cơ thể mạnh khỏe có khả năng thú tội và tiến hành thủ tục thanh lọc điều vi phạm.
9. Sự hiện hữu của một thái độ muốn che giấu điều vi phạm đó cho đến sau rạng đông.
10. Che giấu điều vi phạm đó cho đến sau rạng đông.

Nếu mười yếu tố trên có mặt cho đến sáng ngày hôm sau, thì vị tu sĩ lại phạm thêm một lỗi tác-ác (*dukkata*) cộng vào với vi phạm từ trước (đang cố che giấu). Hơn nữa, vị tu sĩ từ đó trở nên vô liêm sĩ. Tuy nhiên, nếu một trong số mười yếu tố trên không có mặt, thì vị tu sĩ không nên được gọi là vô liêm sĩ.

Lưu ý rằng nếu vị tu sĩ có đầy đủ tất cả những yếu tố cần thiết để thú tội của mình, nhưng lại không tiến hành thú tội, thì vị đó trở nên là vô liêm sỉ cho đến khi việc thú tội được thực hiện. Cho nên, vị tu sĩ có thể là vô liêm sỉ cả ngày, cả tháng, cả năm, suốt mười năm, vân vân, trừ phi vị đó tự giác thú tội và tiến hành thú tục (chữa trị hoặc thanh lọc) như được trình bày trong giới luật. Đây là một điểm quan trọng.

Yếu tố thứ hai, tức là “vị đó biết mình đã phạm các điều luật”, áp dụng cho những người không biết các điều luật (*Vinaya*). Trong số những tu sĩ không được đào tạo hoặc mê muội, nhiều vị sẽ không ý thức được tội lỗi của mình thậm chí nếu có phạm luật. Một số ít tu sĩ có lẽ là không biết một chút gì về các vi phạm, trong khi một số đông có lẽ không biết chi tiết về các điều luật. Nguyên nhân là do thiếu sót trong việc huấn luyện và giảng dạy về Luật (*Vinaya*). Các vi phạm thiếu hiểu biết của những tu sĩ đó thì không phải là phạm tội. Cho nên, không nên gán tội cho họ là vô liêm sỉ. Đây là sự giải thích cho yếu tố thứ hai “*āpattiṃ parigūhati*”.

Về yếu tố thứ ba “*agatigamañca gacchati*”, kinh sách nhắc đến bốn đặc điểm: vị đó không đi đường sai trái thông qua dục, ác ý (sân), mù quáng (si) hoặc kinh sợ. Bốn con đường sai trái này phải được suy xét, đặc biệt là trong vấn đề phân chia đồ khất thực và tài sản cộng đồng (*saṅghika*). Các tu sĩ liêm sỉ phải nên trong sạch, vô nhiễm khỏi bốn lỗi hay bốn khuyết điểm này như được giải thích trong các tài liệu Sớ Giải. Tuy nhiên, chúng ta nên lưu ý rằng thiên vị, thành kiến, đút lót, và tham nhũng chỉ liên quan đến những phạm tội mà thôi. Các Luật sư nói rằng bốn lỗi hay bốn khuyết điểm này chỉ sanh lên khi một người phá vỡ một điều luật trước, rồi đi theo đường sai trái do thiên hướng.

Tuy nhiên, việc sanh khởi của tội này rất là vi tế và mập mờ. Trong những trường hợp đòi hỏi quyết định có tội hoặc là vô tội, cả hai bên đều cố gắng hết sức để thắng ca kiện tụng với những trích dẫn từ Luật (*Vinaya*), Kinh (*Sutta*) và Thắng Pháp (*Abhidhamma*). Tuy nhiên, chuyện thường xảy ra là một bên, tuy biết rằng bên kia là đúng, vẫn không thừa nhận điều đó mà vẫn cố gắng tranh cãi để thiết lập lỗi của bên đó. Hành vi không may mắn này sanh lên do ngã mạn và chấp thủ. Một bên, do thiếu tính khiêm nhường, tuyên bố rằng quan điểm của mình là đúng theo Pháp, mặc dầu điều này không được chứng nhận. Tương tự, bên còn lại, do ngã mạn, tranh cãi rằng một điều vi phạm nào đó thật ra là không vi phạm. Hoặc hành động không phạm tội lại bị cho là phạm tội. Bằng những việc tranh cãi qua lại như vậy, cả hai bên đều phạm vào tội nói dối. Đây là sự vi phạm đi đường sai trái. Lỗi này thường sanh lên khi một người trích dẫn Luật (*Vinaya*), Kinh (*Sutta*) và Thắng Pháp (*Abhidhamma*) với mục đích tranh cãi, biện hộ cho mình, bất chấp sự thật. Cho nên, nói lời sai trái được phân loại là một hướng đi sai trái. Sự giải thích này có liên quan đến câu văn “*agatigamañca gacchati*” – đi theo con đường sai trái, tức là yếu tố thứ ba được nhắc đến ở trên.

Trong việc phân loại liêm sĩ và vô liêm sĩ, có hai nhóm tu sĩ cần lưu ý. Đối với những vị thiếu kiến thức về Luật (*Vinaya*), họ chỉ trì giữ một vài giới điều. Cho nên, những vị này rất ít có cơ hội trở thành vô liêm sĩ. Đối với những vị hiểu biết, thông suốt về Luật (*Vinaya*), họ đạt được địa vị cao trọng hoặc sự chu đáo, cẩn trọng trong giới hạnh. Tuy nhiên, nếu những vị đó không hành trì giới luật, thì cơ hội trở thành vô liêm sĩ là rất cao. Nếu một tu sĩ được giáo dưỡng tốt đẹp trong Giới Luật (*Vinaya*) có nhiều tín đồ và thu nhận được nhiều tài lộc, vị đó có thể gây ra hư hại lớn và nhiều cho Giáo Pháp của Đức Phật,

không giống như một vị tu sĩ dốt nát. Vị tu sĩ được giáo dục tốt này giống như một kẻ cướp có trang bị vũ khí đi vào một ngôi nhà có nhiều của quý và trộm cướp những của quý đó.

Đến đây đã kết thúc phần miêu tả một cách ngắn gọn về các đặc điểm của những tu sĩ liêm sĩ và tu sĩ vô liêm sĩ.

## **Những Đặc Điểm Của Vị Tu Sĩ Không Có Giới Hạnh**

Thuật ngữ ‘không có giới hạnh’ (*dussīla*) có nghĩa là một tu sĩ đôi bại, người đã vi phạm một trong bốn pháp Bất Cộng Trụ (*pārājika*). Học giới *Duṭṭhadosa Sikkhāpada* nói rằng: Nếu tu sĩ A, đang tức giận và muốn làm cho tu sĩ B xấu y, vu khống vị B phạm tội Bất Cộng Trụ, thì vị A phạm tội Tăng Tàn. Vị đó phạm một tội nghiêm trọng (*Saṅghādisesa* – Tăng Tàn) do bởi những cáo buộc vị tu sĩ đôi bại người đã vi phạm tội Bất Cộng Trụ. Nếu tu sĩ A, không phải với mục đích tấn xuất vị tu sĩ đôi bại B, chỉ cáo buộc hoặc sỉ nhục vị tu sĩ B để cho thanh danh và quyền lực của vị B bị giảm thiểu hoặc mất đi, thì vị A phạm tội Ưng Đối Trị (*pācittiya āpatti*). Thậm chí nếu vị A sỉ nhục hoặc nói xấu vị tu sĩ đôi bại B, thì vị A phạm tội Ưng Đối Trị (*pācittiya*).

### **Kết Tội Bất Cộng Trụ**

Sau đây là những câu nói kết tội một vị tu sĩ đôi bại rằng vị đó đã phạm tội Bất Cộng Trụ:

1. Ông đã vi phạm tội Bất Cộng Trụ.
2. Ông không sở hữu một chút giới hạnh nào.
3. Ông hoàn toàn không phải là một tu sĩ.
4. Ông không phải là con trai của dòng tộc Thích ca (*Sakya*).

Những câu nói này là những câu kết tội được trình bày trong Sớ Giải.

Thuật ngữ ‘vô liêm sỉ’ (*alajjī*) bao gồm vị tu sĩ phạm tội Bất Cộng Trụ. Tuy nhiên, các kinh sách nói rằng một vị vô liêm sỉ vi phạm những tội nhỏ (*dukkata*: Tác Ác). Như vậy, thuật ngữ ‘vô liêm sỉ’ bao hàm luôn cả những tội lớn và nhỏ. Do đó, nếu một tu sĩ nói xấu hay si nhục một vị khác là ‘vô liêm sỉ’, thì vị đó tránh được tội nghiêm trọng Tăng Tàn (*Saṅghādisesa*). Như Chánh Văn và các Sớ Giải của Tạng Luật (*Vinaya*) trình bày các ví dụ, chỉ những tu sĩ đã phạm tội Bất Cộng Trụ mới nên được phân loại là ‘đồi bại’ (*dussīla*).

Những tu sĩ không phạm tội Bất Cộng Trụ, nhưng thỉnh thoảng phạm những giới điều khác thì không phải là những tu sĩ đồi bại, mặc dầu họ là vô liêm sỉ nếu các yếu tố xác định có mặt đầy đủ. Ngoại trừ các tội Bất Cộng Trụ, những vi phạm khác không dẫn đến tình trạng ‘đồi bại’ (*dussīla*); cho nên, vị tu sĩ ‘vô liêm sỉ’ và vị tu sĩ ‘đồi bại’ là rõ ràng khá khác nhau. Các phân biệt thì đã được trình bày và giải thích.

Trong Sớ Giải Luật Tạng, thuật ngữ ‘*dummaṅku*’ (khó dạy, xấu xa) được dùng trong nhóm từ “*Dummaṅkūnaṃ puggalānaṃ niggaḥāya*”, có nghĩa là ‘cho việc đối trị những người xấu xa, khó dạy’. Như vậy, một tu sĩ vô liêm sỉ cũng có thể được gọi là người khó dạy, xấu xa. Trong số những tu sĩ vô liêm sỉ, hai loại rõ rệt cần được định nghĩa: đồi bại và vô liêm sỉ (*dussīla alajjī*), và vô liêm sỉ thông thường (*samañña alajjī*).

Vị tu sĩ phạm tội Bất Cộng Trụ phải được phân loại là đồi bại và vô liêm sỉ. Vị tu sĩ phạm những tội khác thì được phân loại là vô liêm sỉ thông thường, được gọi là khó dạy và xấu xa. Như vậy, vị phạm tội Bất Cộng Trụ thì đương nhiên là đồi bại, không chỉ là vô liêm sỉ.

Thuật ngữ ‘*dummaṅku*’ (khó dạy, xấu xa) được giải thích theo hai cách trong *Vimati Tikā*, một Phụ Sớ Giải của Tạng Luật (*Vinaya*). Trong đó giải thích rằng, sau khi phạm tội Bất Cộng Trụ, vị tu sĩ trở thành người hoàn toàn xấu – tức là hoàn toàn không còn giới hạnh gì cả. Nếu vị tu sĩ chỉ vi phạm những điều luật khác, thì vị đó vẫn còn một phần tốt. Nhãn hiệu ‘đôi bại hoàn toàn’ không thể gán cho vị đó được. Vị đó chỉ đôi bại ở một mức độ nào đó. Cho nên, vị đó là một phần đôi bại và một phần không đôi bại. Thậm chí những tu sĩ phạm những điều luật nhỏ như nói dối cũng bị rơi vào thể loại đôi bại (*dussīla*).

Theo Phụ Sớ Giải này, rõ ràng rằng một tu sĩ có thể dễ dàng trở thành đôi bại hơn là trở thành vô liêm sỉ. Cho nên, giải thích này không hợp lý. Giải thích này mâu thuẫn với những lời dạy trong các Đại Sớ Giải và những Phụ Sớ Giải nổi tiếng, vốn đồng loạt tuyên bố rằng một tu sĩ đôi bại thì không có giới hạnh – “*dussīlassāti nissīlassa dussīlo’ti*” (chú giải về từ ‘*nissīla*’). Tất cả các Đại Sớ Giải của Tạng Luật (*Vinaya*) khi chú thích các từ ‘*asamaṇo asakyaputtiyo*’ trong giới điều *Duṭṭhudosa Saṅghādisesa* đều đồng ý rằng một vị tu sĩ đôi bại thì hoàn toàn không có giới hạnh. Như vậy, những điều trình bày này của *Vimati Tikā* đi ngược với tinh thần của những Đại Sớ Giải và Phụ Sớ Giải. Cho nên, không có gì ngạc nhiên khi những giáo thọ sư xuất chúng về Luật (*Vinaya*) bác bỏ sự giải thích này của *Vimati Tikā*.

Thuật ngữ ‘*dussīla puggala*’ (một người đôi bại) có nghĩa là một tu sĩ đã vi phạm tội Bất Cộng Trụ (*Pārājika*) và do đó không còn giới hạnh gì cả – một vị tu sĩ bại trận. Nếu vị tu sĩ bại trận này không thú tội của mình mà vẫn giao kết với những tu sĩ đích thực, vẫn nhận vật thực và các nhu yếu phẩm khác, thì vị đó hiển nhiên và tự động được phân loại là đôi bại. Nếu vị đó thú tội, thì vị đó lập

tức thoát khỏi hạng phân loại đồi bại, và cũng không còn là một tu sĩ nữa.

### **Tình Trạng Pháp Lý Của Những Tu Sĩ Đồi Bại**

Một tu sĩ đồi bại, tại lúc thú tội, sẽ gỡ bỏ đi được nhãn hiệu ‘đồi bại’ bằng cách xả bỏ đi thân phận tu sĩ. Tuy nhiên, một tu sĩ đồi bại có thể từ chối không thú tội và tiếp tục sống như một tu sĩ. Vậy vị đó có vẫn là một tu sĩ không? Vị tu sĩ đồi bại này có vẫn còn là một tu sĩ trước thời điểm thú tội không? Câu trả lời là vị đó vẫn giữ phẩm mạo tu sĩ, nhưng với nhãn hiệu ‘đồi bại’. Vị đó vẫn là một tu sĩ, nhưng chỉ qua vẻ bên ngoài.

Câu trả lời này là đúng. Các bằng chứng có thể được tìm thấy trong Tạng Luật (*Vinaya Piṭaka*). Trong các điều luật về Tăng Tàn (*Saṅghādisesa*), một tu sĩ đồi bại có thể tuyên bố rằng mình vẫn là một tu sĩ, mặc dầu vị đó đã vi phạm giới Bất Cộng Trụ. Nếu vị đó không thú tội, vị đó vẫn sở hữu ‘*paṭiññā*’, tức là vị đó vẫn giữ ý tưởng “Tôi là một tu sĩ.” Nếu một tu sĩ khác không thấy, không nghe hoặc không nghi ngờ, buộc tội vị này là phạm tội Bất Cộng Trụ, thì vị tu sĩ buộc tội đó lại bị phạm tội Tăng Tàn (*Saṅghādisesa*) giống như là đang kết tội một vị tu sĩ liêm si. Nếu một tu sĩ thực hiện việc buộc tội tương tự đối với một vị sa-di đồi bại, thì vị tu sĩ lại bị phạm tội Tác Ác. Đây là bằng chứng thứ nhất cho sự đúng đắn của câu trả lời này.

Nếu một tu sĩ ngủ dưới cùng một mái nhà với một sa-di hoặc một nam cư sĩ hơn ba đêm, thì vị đó phạm tội Ưng Đối Trị (*pācittiya*). Tuy nhiên, nếu vị đó sống cùng nơi cư trú với một tu sĩ bại trận, thì không có phạm tội gì cả giống như là sống cùng với một tu sĩ đích thực. Lý do là vì diện mạo tu sĩ vẫn còn hiện diện trong vị tu sĩ đồi bại đó. Đây là bằng chứng thứ hai cho sự đúng đắn của câu trả lời đó.

Nếu một tu sĩ si nhục một sa-di hoặc một cư sĩ, vị đó vi phạm tội Tác Ác. Nếu một tu sĩ si nhục một vị tu sĩ bại trận, tức là người chưa thú tội, thì vị tu sĩ thực hiện việc si nhục phạm tội Ứng Đối Trị (*pācittiya*). Trong trường hợp này, si nhục một vị tu sĩ bại trận thì tương đương với si nhục một vị tu sĩ đích thực. Đây là một bằng chứng khác nữa minh họa tính xác đáng về tình trạng là tu sĩ của vị tu sĩ đôi bại.

Một vị sa-di cũng như một nam cư sĩ không thể đại diện một vị tu sĩ truyền gửi sự trong sạch của mình đến Tăng chúng (*chanda-parisuddhi*), nhưng một vị tu sĩ bại trận lại làm được việc này vì phẩm mạo tu sĩ bên ngoài vẫn còn hiện hữu. Đây lại là một dẫn chứng khác nữa.

Như vậy, điều rất rõ ràng là mặc dầu vị đó không phải là một tu sĩ đích thực, nhưng phẩm mạo bên ngoài (*liṅga*) hoặc ý tưởng (*paṭiññā*) vẫn còn tồn tại do năng lực của Luật (*Vinaya*). Mặc dầu một tu sĩ đôi bại, bị bại trận (vì) đã phạm một trong những tội nặng nề nhất, nhưng nếu vị đó vẫn tuyên bố rằng mình là một tu sĩ, thì địa vị hoặc thân thế của vị đó vẫn cứ như là một vị tu sĩ chính thực. Làm sao việc này lại có thể như vậy? Vị tu sĩ này đã nhận được năng lực và mệnh lệnh của Luật (*Vinaya*) của Đức Phật khi vị đó thỉnh cầu và nhận được những bộ y từ vị thầy tế độ vào lúc xuất gia. Chính điều này là một quyền lực về Luật (*Vinaya*) của Đức Phật. Hơn nữa, vị đó đã trải qua năm thủ tục của Luật (*Vinaya*), chẳng hạn như tuyên ngôn (*ñatti*) do Tăng chúng (*Saṅgha*) theo những điều luật được Đức Phật chế định. Cho nên, mặc dầu phá vỡ điều luật nặng nề nhất, vị đó vẫn giữ được diện mạo bên ngoài của tu sĩ do bởi hai đặc

---

<sup>1</sup> Nếu một vị tu sĩ bị bệnh quá nặng đến mức không thể tham dự lễ Uposatha, vị đó phải thông qua một tu sĩ khác gửi đến Tăng chúng lời tuyên bố trong sạch cũng như sự chấp thuận của mình.



trung vị đó đã nhận được từ các thủ tục theo Luật (*Vinaya*), và hai đặc trưng này duy trì năng lực của chúng cho đến khi vị đó tự thú (tội của mình).

Điều này khá bất ngờ, nhưng lại đúng. Khi một nam cư sĩ xin thỉnh và nhận được y từ vị thầy tế độ đúng theo các điều luật (*Vinaya*), vị đó ngay lập tức vượt qua địa vị thấp kém của một nam cư sĩ. Khi thọ Tam Quy và nhận y theo cách được miêu tả trong Luật (*Vinaya*), vị đó ngay lập tức trở thành một sa-di. Đây là do năng lực của mệnh lệnh của Đức Phật. Chỉ đơn giản việc thỉnh cầu và nhận y đã nâng vị đó lên một địa vị cao hơn một cư sĩ, thậm chí nếu vị đó không thọ Tam Quy đúng cách (tức là thọ Tam Quy không thành công) do lỗi thiếu vắng thầy tế độ thích hợp. Nếu vị đó duy trì phẩm mạo này, vị đó đáng tôn trọng hơn một cư sĩ vì do bởi thủ tục hay tiến trình này, vị đó đạt được những đặc trưng và địa vị của một người xuất gia.

Đối với xuất gia tỳ-khưu (*bhikkhu*), tụng đọc bốn *kammavācā* (tuyên ngôn)<sup>1</sup> là bắt buộc để đạt được phẩm mạo tỳ-khưu (*bhikkhu*) trọn vẹn. Tuy nhiên, chỉ tụng đọc một (*kammavācā*) tuyên ngôn là đủ để nâng đối tượng lên địa vị của một sa-di. Vị đó bây giờ, do bởi năng lực của tiến trình thủ tục và buổi lễ theo Luật (*Vinaya*), đạt được địa vị của một vị xuất gia. Cứ mỗi lần tụng đọc *kammavācā* (tuyên ngôn) được hoàn thành cho đến lần thứ tư, địa vị xuất gia của vị đó lại được củng cố. Nếu các vị giáo thọ sư, vì những lý do nào đó không thể tránh được, dừng buổi lễ xuất gia sau khi tụng đọc xong lần thứ ba, thì vị đó bây giờ có địa vị cao hơn một vị sa-di mặc dầu chưa hoàn thành việc xuất gia tỳ-khưu (*bhikkhu*). Vị đó bây giờ nhận được những đặc trưng hoặc vinh dự của một đời sống xuất gia vốn được Đức Phật ngợi khen. Nếu lần

---

<sup>1</sup> Sau ba tuyên bố là một kiến nghị.

tụng đọc thứ tư được hoàn thành, vị đó được nâng cấp lên phẩm mạo của một vị xuất gia, là một vị tỳ-khưu trọn vẹn trong hàng ngũ Tăng chúng (*Saṅgha*).

Nếu một vị sa-di vi phạm một trong mười giới điều dành cho sa-di, thì vị đó phá hủy đi cả hai: duy trì Tam Quy và địa vị của một sa-di. Tuy nhiên, trong khi vẫn còn khoát trên mình những tấm y, vị đó không thể được phân loại là một cư sĩ. Vị đó vẫn duy trì cương vị là một sa-di. Chỉ khi nào vị đó từ bỏ tấm y, vị đó mới được ghi nhận là một cư sĩ.

Phạm giới Bất Cộng Trụ phá hủy vị tu sĩ, làm cho vị đó không còn là một tu sĩ đích thực, nhưng không làm cho vị đó rơi xuống địa vị của một sa-di hay một cư sĩ. Địa vị tỳ-khưu vẫn còn nếu vị đó vẫn giữ diện mạo của vị tỳ-khưu. Một khi vị đó xả bỏ diện mạo đó, thì vị đó được ghi nhận là trở thành một cư sĩ. Tất cả những dấu vết của một vị tu sĩ nay đã mất, thậm chí hình ảnh khoát y bên ngoài.

Một ví dụ được trình bày ở đây. Nếu một vị tu sĩ liêm si xả bỏ những nghĩa vụ, bốn phận của Luật (*Vinaya*) trước mặt Tăng chúng (*Saṅgha*) một cách hợp lý, thì vị đó trở thành một cư sĩ trở lại. Tương tự, một tu sĩ bại trận từ bỏ địa vị tỳ-khưu bằng việc xả bỏ y và từ đó trở thành một cư sĩ theo đúng nghĩa. Do năng lực của mệnh lệnh của Đức Phật, vị tu sĩ bại trận này vẫn duy trì địa vị tỳ-khưu của mình nếu vị đó vẫn giữ những diện mạo bên ngoài của một tu sĩ. Tuy nhiên, vị đó lại là một vị tu sĩ bại trận, đôi bại vì lỗi vi phạm nghiêm trọng của mình. Khi vị đó thú tội và xả bỏ diện mạo (của một tu sĩ) bên ngoài, thì vị đó trở thành một cư sĩ. Khi đã là cư sĩ, vị đó thoát được tội là một tu sĩ vô đạo đức, đôi bại. Điểm chính yếu ở đây là nếu vị đó không xả bỏ y, thì thậm chí nếu vị đó có thú nhận tội, chúng ta vẫn chưa thể định loại vị đó là một cư sĩ được.

Theo Luật (*Vinaya*), nếu một tu sĩ si nhục một vị tu sĩ bại trận mà không có nguyên do chính đáng, thì điều này giống như si nhục một tu sĩ liêm sỉ. Tội của vị tu sĩ thực hiện việc si nhục thì giống y như khi si nhục một vị tu sĩ liêm sỉ, tức là vị đó vi phạm tội Tăng Tàn (*Saṅghādisesa*). Khi hiểu được điểm vi tế này, chúng ta thấy rõ rằng phi báng một vị tu sĩ bại trận còn tệ hại hơn là phi báng một vị cư sĩ chân chính, liêm sỉ. Đó là vì người bị phi báng, bị si nhục ở đây vẫn tuyên bố rằng mình là một tu sĩ. Duy trì diện mạo bên ngoài của một tu sĩ đã bảo vệ vị đó dưới năng lực của *kammavācā* (tuyên ngôn lúc thọ giới Tỳ-khưu); cho nên, vị đó cũng vẫn đang được bảo vệ dưới năng lực của Tam Bảo (Phật, Pháp và Tăng). Không phải là vì những hành vi sai trái nghiêm trọng của vị đó, mà là vì năng lực của tuyên ngôn (*kammavācā*) lúc vị đó thọ giới, dưới sự ảnh hưởng cao thượng của Tam Bảo. Việc vị đó chấp nhận tuyên ngôn đó và giữ tâm y bên mình đã ban cho vị đó những sự nương nhờ đầy quyền năng này. Vị đó giữ được một địa vị nhất định nào đó.

Tuy nhiên, những sự nương nhờ đầy quyền năng này không thể cứu vớt vị đó khỏi những hành động (*kamma*) tội lỗi và những kết quả khổ đau. Bằng việc vi phạm tội Bất Cộng Trụ và rồi tuyên bố một cách đầy ô nhục rằng mình vẫn là một tu sĩ, vị đó thu nhặt nghiệp (*kamma*) ác hằng ngày. Nói một cách khác, nghiệp (*kamma*) ác của vị đó càng tăng trưởng nếu vị đó tiếp tục nương trú dưới những quyền lực cao thượng này. Hơn nữa, những ai si nhục một vị tu sĩ đôi bại thì chính mình sẽ tích lũy những hậu quả xấu nghiêm trọng do bởi tình huống oái oăm này. Những ai hiểu được giá trị quyền năng của Luật (*Vinaya*), tôn trọng vị tu sĩ đôi bại, bại trận thì lại đạt được phước lộc cao thượng. Ba yếu tố này cần phải được ghi nhận một cách thận trọng.

## **Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Hai Và Thứ Ba**

### **Chúng Ta Có Nên Tránh Xa Những Tu Sĩ Vô Liêm Sĩ Và Những Tu Sĩ Đồi Bại Không?**

Câu hỏi thứ hai và thứ ba sẽ được trả lời cùng nhau vì chúng có liên quan với nhau. Chúng ta hãy nhắc lại hai câu hỏi này:

2. Đối với những người biết rõ sự thật về những tu sĩ không có tâm và úy (tu sĩ vô liêm sĩ) cũng như những tu sĩ không có giới hạnh (tu sĩ đồi bại), họ có nên tránh xa, không quan hệ cũng như không tôn kính những tu sĩ đó không? Điều này có đúng với câu kệ trong Hạnh Phúc Kinh (*Maṅgala Sutta*), vốn khuyên chúng ta nên không thân cận với kẻ ngu (*asevanā ca bālānaṃ*), không? Một cư sĩ thể hiện sự không quan tâm bằng cách phớt lờ đi những tu sĩ xấu xa như vậy, thì có phải đang hành theo lời giáo huấn của *Maṅgala Dhamma* (Pháp Hạnh Phúc) không? Chúng tôi ước mong được biết các dẫn chứng và ví dụ trong Kinh Điển về những quả xấu hoặc tốt từ hành động này.

3. Đối với những người biết rõ sự thật về những tu sĩ không có tâm và úy cũng như những tu sĩ không có giới hạnh, họ có nên tiếp tục cung kính và dâng cúng các món vật dụng nhu yếu không? Họ có phải đang hành theo *Maṅgala Dhamma* (Pháp Hạnh Phúc), vốn khuyên chúng ta nên gần gũi bậc trí (*paṇḍitānañca sevanā*), không? Hành vi này có phải đúng với lời khuyên được trình bày trong Hạnh Phúc Kinh (*Maṅgala Sutta*) hay không? Xin ngài hãy cung cấp dẫn chứng và những trường hợp cụ thể về quả xấu hoặc tốt từ hành động này.

Để trả lời những câu hỏi này, chúng ta phải hiểu bản chất và các đặc tính của những tu sĩ vô liêm sĩ và những tu sĩ đồi bại. Bài kinh nổi tiếng Hạnh Phúc Kinh

(*Maṅgala Sutta*) nhấn mạnh bản chất của người ngu và kẻ trí. Trong lời khuyên dạy chúng ta chỉ nên thân cận với người trí, bản chất của người tốt và người xấu được nhấn mạnh. Ở đây, Đức Phật đã dạy bản chất của người ngoan đạo/hiếu thảo/lễ độ và người không ngoan đạo/bất hiếu/bất kính. Trong vấn đề tế nhị và hơi mập mờ này, chúng ta phải phân biệt rõ để biết nền tảng của từng loại khác nhau.

1. Có giới hạnh (*susīla*) và không có giới hạnh (*dussīla*)<sup>1</sup>,
2. Sáng suốt, có trí tuệ (*paññita*) và ngu dốt (*bāla*),
3. Một người tốt (*sappurisa*) và một người xấu (*asappurisa*).

Như vậy, có ba cặp người theo bản chất và đặc tính của họ.

Trong Túc Sanh Truyện *Sarabhaṅga* (*Cattālisa Nipāta*)<sup>2</sup>, Bồ tát đã phân biệt ba loại người này. Vua trời Đế-thích (*Sakka*) đã hỏi chi tiết về bản chất của mỗi đặc tính cá nhân như sau:

1. Ai được gọi là có giới hạnh (*sīlavantaṃ*) bởi các bậc trí?
2. Ai được gọi là có trí tuệ (*paññavantaṃ*) bởi các bậc trí?
3. Ai được gọi là người tốt (*sappurisaṃ*) bởi các bậc trí?

---

<sup>1</sup> Trong ngữ cảnh này, ‘không có giới hạnh’ cũng có nghĩa là ‘vô liêm sỉ’ vì nó đối nghịch với ‘có giới hạnh’. So sánh với định nghĩa của Bồ-tát về từ ‘có giới hạnh’ (*sīlavantaṃ*) ở trên.

<sup>2</sup> ND: Độc giả có thể xem Chuyện Tiên Thân Đức Phật, 522. Chuyện Đại Nhân Thiện Xạ Sarabhaṅga (Tiên thân Sarabhaṅga).

4. Ai sẽ không bao giờ mất đi thanh danh/danh dự và sự tôn trọng?

Đây là những câu trả lời của Bồ-tát cho vua trời Đế-thích (*Sakka*):

1. Người điều khiển/làm chủ được các giác quan của mình, tránh bất kỳ tội lỗi nào về thân, ngữ và ý, không nói dối cho dầu trong tình huống nguy hại đến sanh mạng, thì được các bậc trí gọi là người có giới hạnh.

2. Người sở hữu trí tuệ siêu việt, có thể trả lời những câu hỏi triết lý với trí tuệ bẩm sinh của mình, không ích kỷ/thiên vị về bản thân cũng như đối với người khác, không dùng từ ngữ si nhục, lăng mạ và hành động cộc cằn, thô lỗ hãm hại chính mình và người khác, chỉ làm việc hướng đến phúc lợi cho nhân loại, thì được các bậc trí gọi là người có trí tuệ.

3. Người biết ơn, có tâm trí vững mạnh, sở hữu các đặc tính của một người bạn tốt, tôn trọng những người xứng đáng, và siêng năng, cần mẫn hoàn thành các nghĩa vụ của một người bạn tốt, thì được các bậc trí gọi là người tốt.

4. Người sở hữu giới hạnh, trí tuệ và sự ngoan đạo/tính hiếu thảo, đạt được sự tín nhiệm, có tính khiêm tốn, chia sẻ tài sản một cách không ích kỷ đến người khác, hiểu được ngôn từ của các bậc xuất gia, giúp đỡ người khác dựa trên những quy tắc chính trực, thực hành sự chân thật và biểu hiện sự văn minh, sẽ không bao giờ mất đi thanh danh/danh dự và sự tôn trọng.

Chúng ta có thể thu gọn những phân loại được trình bày ở trên dựa trên nền tảng của việc tránh xa những hành động vô đạo đức. Những người này là những người có giới hạnh vì họ sở hữu những đặc tính của một người có giới hạnh.

Đối với bản chất và đặc tính của một người có trí, chúng ta phải xem xét ba yếu tố:

1. Khả năng trả lời những câu hỏi thâm sâu một cách có hiệu quả và trực tiếp.
2. Tránh những sai trái về thân và ngữ, đặc biệt là những ngôn từ thô thiển, khó nghe làm hại phúc lợi cho chính mình và người khác.
3. Bất kỳ khi nào có cơ hội phát sanh, đều thực hiện các công việc mang lại phúc lợi cho mình và cho người.

Đối với bản chất và đặc tính của một người tốt, chúng ta phải xem xét bốn yếu tố:

1. Khả năng biết, ghi nhận và bày tỏ lòng biết ơn đến những người khác.
2. Sở hữu những phẩm chất của một người bạn tốt.
3. Khả năng giao kết với bậc trí.
4. Sẵn lòng giúp đỡ người nghèo và người cần sự giúp đỡ, với kỹ năng cần thiết thực hiện những nghĩa vụ thích ứng một cách đầy nhiệt tâm.

Đối với bản chất và đặc tính của một người ngoan đạo/hiếu thảo/lễ độ và đáng được tôn kính, chúng ta phải ghi nhận những yếu tố trên, và thêm niềm tin và tính khiêm nhường.

Rồi vua trời Đế-thích (*Sakka*) hỏi thêm: “Trong số giới hạnh, danh dự/thanh danh, lòng tốt và trí tuệ, cái gì là tốt nhất?” Bồ-tát trả lời: “Các hiền nhân tuyên bố rằng, giống như trên bầu trời đầy sao, mặt trăng là sáng nhất, trong số giới hạnh, danh dự/thanh danh, lòng tốt và trí tuệ, trí tuệ là kẻ lãnh đạo và tốt hơn tất cả, vì tất cả giới hạnh tốt đẹp, danh dự và lòng tốt đều phải theo sự chỉ đạo của nó.” Nói một cách khác, tất cả phải đi theo sự lãnh đạo của một người trí.

Trong câu chuyện, còn có những câu hỏi và câu trả lời khác liên quan đến việc làm sao đạt được trí tuệ, và vân vân, nhưng chúng ta không bàn thảo đến vì chúng không có liên quan đến vấn đề đang được đề cập đến ở đây.

Trong số bốn yếu tố tốt đẹp được đề cập đến ở trên, ba yếu tố đầu tiên là những điểm chính cần nhớ trong cuộc thảo luận của chúng ta về những loại tu sĩ. Trong số ba yếu tố đầu tiên, chúng ta có thể phân loại thêm/ghi nhận những người không có giới hạnh là vô liêm sỉ và đồi bại, như đã được giải thích ở trước. Một người không có lòng tốt cũng có thể dễ dàng tích lũy những đặc tính của một người vô liêm sỉ và đồi bại. Thiếu vắng trí tuệ, một người sẽ tiếp nhận bản chất và đặc tính của một kẻ ngu. Thiếu vắng lễ độ và sự tôn trọng sẽ làm cho một người trở thành người xấu, tiếp nhận bản chất và những yếu tố cần thiết của một kẻ xấu. Như vậy, có ba cặp người:

1. Có giới hạnh (*susīla*) và không có giới hạnh (*dussīla*)<sup>1</sup>,
2. Sáng suốt, có trí tuệ (*paññita*) và ngu dốt (*bāla*),
3. Một người tốt (*sappurisa*) và một người xấu (*asappurisa*).

Mỗi loại trong số này có bản chất và đặc tính riêng biệt theo sự phân loại khác.

Trong số sáu loại của ba cặp này, chúng ta có thể giao kết với một người có giới hạnh (*susīla*). Những ai có sự quan hệ thân hữu trong việc tôn kính một bậc có giới hạnh thì cũng thường có thể trở thành có giới hạnh. Tôn

---

<sup>1</sup> Trong ngữ cảnh này, ‘không có giới hạnh’ cũng có nghĩa là ‘vô liêm sỉ’ vì nó đối nghịch với ‘có giới hạnh’. So sánh với định nghĩa của Bô-tát về từ ‘có giới hạnh’ (*silavantam*) ở trên.



trọng hoặc kính lễ một người không có giới hạnh hoặc một người xấu có thể làm cho một người trở thành không có giới hạnh hoặc xấu. Những ai tôn trọng và kính lễ bậc trí cũng thường có thể trở thành có trí. Thân cận với một người xấu làm cho mình trở thành xấu. Tuy nhiên, nếu chúng ta kết bạn với một người tốt và lễ độ, chúng ta thường trở thành người tốt. Dĩ nhiên, người tốt nhất để giao kết và tôn trọng là người sở hữu cả ba đức hạnh: có giới hạnh, có trí tuệ và có lòng tốt.

Nếu chúng ta tôn trọng và kính lễ một người có giới hạnh, nhưng ngu dốt và xấu xa, thì chúng ta dần dần cũng trở thành giống như vậy. Tuy nhiên, sự hiện hữu của giới hạnh là tốt, cho nên, chúng ta phải tán dương người đó về khía cạnh đó trong khi chúng ta phải nên chỉ trích sự ngu dốt và tính xấu xa.

Một tu sĩ có giới hạnh, nhưng ngu dốt và xấu xa là người như thế nào? Một vài tu sĩ cố gắng hết sức giữ giới và hành theo giáo huấn dành cho các tu sĩ. Vì họ còn là phàm, cho nên, đôi lúc họ có vi phạm một vài giới điều, nhưng họ thanh lọc những vi phạm đó ngay lập tức. Do đó, họ được xếp loại là những vị tu sĩ có giới hạnh. Tuy nhiên, vì họ không nghiên cứu học hỏi Pháp (*Dhamma*) và Thắng Pháp (*Abhidhamma*), họ là dốt nát, cho nên, họ bị xếp loại là ngu dốt. Hơn nữa, nếu họ không ghi nhận và cảm niệm những lợi ích nhận được từ người khác, thì họ là những tu sĩ xấu xa theo nghĩa chuyên môn. Như vậy, họ là những người thô lỗ và thiếu văn hóa.

Bây giờ, tôi (ND: ngài Ledi Sayadaw) sẽ giải thích chi tiết về bản chất của một người xấu. Đặc điểm này được thể hiện ra ở tính không biết tri ân. Vị đó đui mù về những ích lợi nhận được từ những người khác, và từ chối kính lễ và tôn trọng những vị xứng đáng. Vị đó bẻ gãy những quy luật của tình thiện hữu bằng việc thay đổi thái độ của

mình nếu bị ai đó chỉ trích. Hơn nữa, một người xấu thất bại trong việc tìm cầu sự hiểu biết và trí tuệ, hoặc thất bại trong việc kết bạn với người trí. Nếu vị đó thấy bạn của mình đang cần sự giúp đỡ, thì giả vờ giống như không thấy họ và do đó, không thừa nhận tình cố hữu. Cho nên, nếu một trong những yếu tố của người xấu (*asappurisa*) tồn tại, vị đó bị xếp loại là ‘xấu’ do bởi đặc tính đó. Vị đó không phải là một tu sĩ tốt. Những điều vừa trình bày giải thích bản chất của vị tu sĩ có giới hạnh, nhưng ngu dốt và xấu xa.

Đối với vị tu sĩ có trí tuệ, nhưng vô liêm sỉ và xấu xa, những ai tôn trọng và giúp đỡ vị đó sẽ tiếp nhận những đặc tính tương tự. Như vậy, chúng ta phải khen ngợi vị cư sĩ trở nên tài trí vì thầy của ông ta cũng tài trí. Tuy nhiên, vì những khía cạnh vô liêm sỉ và xấu xa hiện hữu, chúng ta phải chỉ trích cả hai: vị cư sĩ và vị tu sĩ. Ở đây, từ ‘có trí tuệ’ hoặc ‘tài trí’ chỉ có nghĩa là được giáo dục tốt trong Kinh (*Sutta*), Luật (*Vinaya*) và Thắng Pháp (*Abhidhamma*). Cho nên, chúng ta gọi vị tu sĩ đó là ‘tài trí’ mặc dầu thiếu mất hai phẩm chất tốt kia. Tuy nhiên, vì vị đó phạm luật (*Vinaya*) rất thường xuyên và không quan tâm chế ngự căn quyền của mình, chúng ta xếp loại vị đó là vô liêm sỉ. Vì vị đó không ghi nhận những ích lợi nhận được từ những người khác và lại có những đặc tính của người xấu, nên chúng ta gọi vị đó là ‘xấu xa’. Thật vậy, vị đó không phải là một vị tu sĩ tốt theo những khía cạnh này. Những yếu tố ở trên trình bày các đặc tính của một tu sĩ có trí tuệ, nhưng vô liêm sỉ và xấu xa.

Làm theo cách thức phân loại tu sĩ như thế này, chúng ta có thể tìm ra nhiều loại tu sĩ khác nhau dựa trên ba cặp đặc tính trên. Chúng ta có thể thấy rằng hầu hết các tu sĩ cũng như các cư sĩ đều thuộc những loại trộn lẫn – tức là kết hợp giữa những đặc tính tốt và xấu. Tức là tốt điểm này nhưng xấu điểm kia. Nếu có thể, thì thân cận,

kính lễ và hỗ trợ vị tu sĩ liêm si, tốt và có trí tuệ là tốt nhất. Những vị này là những người tốt nhất trên thế gian, là những người đem lại phúc lợi nhiều nhất cho tất cả. Các vị xứng đáng được tôn trọng và kính lễ ở mọi phương diện.

Tuy nhiên, nếu vị cư sĩ không thể tìm ra loại lý tưởng này, thì nên vun bồi tâm nhìn xa và sự trau dồi trong việc chọn lựa và giúp đỡ một tu sĩ cụ thể nào đó để tôn trọng, kính lễ và dâng cúng. Vị đó cần những kỹ năng tâm lý trong việc giao tiếp và đối xử với những tu sĩ có những đặc tính trọn lẫn.

### **Ví Dụ Ngôi Nhà Tốt**

Một người cần xây một ngôi nhà trong rừng; ông ta đi vào rừng để tìm gỗ. Sẽ là điều lý tưởng nếu ông ta tìm được một cây gỗ mà có thể cung cấp tất cả dầm, cột, sàn, và gỗ lợp mái từ nó. Nhưng nếu ông ta không thể tìm được một cây như vậy, điều đó không có nghĩa là ông ta không thể xây ngôi nhà được. Ông ta phải sử dụng bất kỳ loại gỗ nào có thể lấy được từ những cây tìm được. Ông ta phải xây ngôi nhà bằng mọi cách vì không có nhà sẽ dẫn đến mọi khó khăn và trắc trở. Mọi người đều cần có nhà để nghỉ ngơi, ngủ và sinh hoạt. Cho nên, một người kiếm vật liệu thông minh phải xem xét cẩn thận từng cây gỗ ông ta bắt gặp trong rừng. Nếu ông ta tìm thấy những cây có thân cao, thì ông ta phải dùng chúng làm cột. Nếu ông ta tìm thấy cây gỗ thẳng nhưng quá ngắn không thể làm cột được, thì ông ta phải dùng chúng làm sàn hoặc gỗ lợp mái. Ông ta phải bỏ qua những cây không thích hợp về chất liệu và kích cỡ. Bằng cách chọn lựa những cây gỗ thích hợp với kích cỡ đúng đắn, tức là bỏ lại những cây không có ích lợi, ông ta có thể xây dựng được một ngôi nhà tốt và vững chắc đem lại lợi ích cho mình từ gỗ của nhiều cây

khác nhau. Sự suy xét và nhận thức khôn ngoan giúp xây dựng một ngôi nhà tốt đẹp và vững chắc.

Bằng cách chọn lựa những vật liệu thích hợp cho mỗi mục đích từ những loại cây khác nhau, một người xây dựng được một ngôi nhà xinh đẹp và vững chắc. Vị đó không khác gì với người tìm thấy tất cả vật liệu thích hợp từ chỉ một cây gỗ vô cùng tốt đẹp. Căn nhà của vị đó không hề có một chút nào thấp kém, vì vị đó có được và sống trong một ngôi nhà được xây dựng một cách tốt đẹp từ những vật liệu tốt. Căn nhà của vị đó bền vững đủ lâu cho cả con cháu của vị đó.

Ví dụ trên là một minh họa thực tiễn cho một đời sống thiện nghi. Đi theo phương pháp thông minh này, một vị cư sĩ nên chú tâm vào những đặc tính tốt của một vị tu sĩ có giới hạnh, nhưng ngu dốt và xấu xa. Vị đó nên tôn kính những điểm tốt trong người tu sĩ đó, phớt lờ đi sự thiếu vắng những yếu tố cần thiết cho địa vị có trí tuệ và tốt đẹp. Vị đó nên cung kính những đặc điểm có tính giới hạnh trong vị tu sĩ như vậy, do đó, đạt được một lương tâm trong sạch và nhiều lợi ích. Vị đó không nên thốt ra những ngôn từ thô thiển và phi báng đối với vị tu sĩ này vì những lỗi lầm, những khuyết điểm, và những thất bại của vị đó. Những chi tiết này phải nên được hoàn toàn bỏ qua. Chúng ta không nên gom chung tất cả những đặc điểm tốt và xấu của một tu sĩ vào trong tâm trí của chúng ta.

Nếu vị cư sĩ đó chỉ trích và bôi xấu vị tu sĩ này bằng cách gom chung tất cả những đặc điểm, thì chính vị đó trở thành một người ngu dốt và xấu xa. Vị đó chịu đau khổ do sự không tôn trọng và do bởi những ngôn từ thô thiển của mình. Hơn nữa, do bởi sự ngu dốt của mình, vị đó lỡ không nhận được lợi ích của việc tôn trọng và cung kính khía cạnh giới hạnh của vị tu sĩ này. Phương cách/chiều hướng khôn khéo của một cư sĩ có tín ngưỡng và thông

minh là nương nhờ, dựa vào một tu sĩ thông thái vì trí tuệ của vị đó và giao tiếp, thân cận với vị tu sĩ tốt vì sự khiêm tốn và tính hòa nhã của vị đó. Do đó, chúng ta nên chú ý, ghi nhận những nguyên nhân khác nhau và những kết quả khác nhau này, luôn luôn thận trọng khi tiếp cận một tu sĩ để đặt bát và bày tỏ sự tôn kính.

Một cư sĩ giúp đỡ một tu sĩ có giới hạnh, nhưng ngu dốt và xấu xa, thì có thể mâu thuẫn hoặc phủ nhận Hạnh Phúc (*Maṅgala Dhamma*), vốn khuyên bảo tránh xa những kẻ ngu dốt vì khía cạnh ngu dốt. Bằng việc thân cận với một tu sĩ ngu dốt, điều này có thể dường như là như vậy. Hạnh Phúc Kinh (*Maṅgala Sutta*) chỉ dạy mọi người nên tránh xa những người ngu dốt. Vì câu văn “hãy thân cận với người có trí tuệ”, chúng ta có thể nghĩ rằng điều này mâu thuẫn với lời khuyên là hay đi theo người có trí tuệ. Tuy nhiên, do bởi thái độ khôn khéo và sự lựa chọn thích đáng của mình, một cư sĩ như vậy không phá vỡ hai điều luật tốt này được nhắc đến trong Hạnh Phúc Kinh (*Maṅgala Sutta*) và trong Túc Sanh Truyện (*Jātaka*). Thật ra, vị đó chứng đạt phước lành/phước lợi của việc thân cận/gần gũi với bậc trí do bởi sự suy nghĩ rõ ràng và những hành động thích hợp của mình.

Chúng ta đạt được những lợi ích gì thông qua việc tôn kính một vị tu sĩ thuộc thể loại được miêu tả ở trên? Nguyên nhân cho việc nhận được những lợi ích là vì theo nghĩa tuyệt đối, bản chất cốt lõi của bậc trí là giới hạnh trong sạch. Điều này được giải thích trong Thắng Pháp ở trong phần những mẫu đề (*Mātikā*), trong mối quan hệ giữa hai thuật ngữ ‘các pháp ngu nhân’<sup>1</sup> (*bālā dhammā*)

---

<sup>1</sup> ND: Chúng tôi sử dụng thuật ngữ này theo bản dịch của ngài Tịnh Sự.

và ‘các pháp hiền trí’<sup>1</sup> (*paṇḍitā dhammā*). Như vậy, chỉ một mình giới hạnh không thôi, theo nghĩa tuyệt đối, là trí tuệ. Nếu một người chỉ chú tâm vào đặc tính có giới hạnh thôi, vị đó ít nhất cũng có được một phần của phúc lợi được gọi là ‘thân cận với bậc trí’. Tuy nhiên, nếu vị đó chú tâm đến sự ngu dốt và xấu xa của vị tu sĩ, thì vị đó không thể đạt được phúc lợi này vì tâm của vị đó trộn lẫn đủ các yếu tố, tất cả các chi tiết, tốt và xấu. Do bởi điều này, vị đó cũng trở nên ngu dốt và xấu xa.

Đối với những trường hợp còn lại về những tu sĩ với ba đặc tính được trộn lẫn, chúng ta hầu như có thể hiểu được những kết quả thích hợp, vì tất cả đều tương tự với ví dụ trên.

Một vài tu sĩ có thể thiếu vắng cả ba đặc tính tốt đẹp, và được biết đến là vô liêm sỉ, ngu dốt và xấu xa. Không một ai nên tôn trọng hoặc kính lễ một tu sĩ như vậy, vì vị đó không sở hữu được thậm chí một giới hạnh cần phải được làm tròn. Do đó, chúng ta chỉ nên phớt lờ loại tu sĩ này và tránh nói những lời phi báng. Nếu chúng ta nương tựa hoặc tôn trọng loại tu sĩ này, thì chúng ta đang phá vỡ đi lời giáo huấn của Hạnh Phúc Kinh (*Maṅgala Sutta*), vốn khuyên dạy chúng ta không nên giao tiếp, thân cận với kẻ ngu.

Trong mỗi trường hợp, chúng ta nên phân tích và phân loại một cách chi tiết và thích đáng, vì chúng ta có thể tìm thấy nhiều dạng kết hợp của đồi bại và giới hạnh. Những cư sĩ đã hỏi về sự phân loại của vô liêm sỉ và đồi bại thành những loại như người ngu dốt, người có trí, người xấu xa và vân vân. Như vậy, trong câu trả lời này,

---

<sup>1</sup> ND: Chúng tôi sử dụng thuật ngữ này theo bản dịch của ngài Tịnh Sự.

tôi đã trình bày một sự phân tích chi tiết và những giải thích cần thiết với mục đích làm rõ.

Nếu chúng ta hiểu được phương pháp phân loại các tu sĩ trong câu hỏi thứ nhất, thì chúng ta sẽ có những câu giải đáp cho câu hỏi thứ hai và câu hỏi thứ ba. Những điểm thiết yếu và căn bản là như nhau.

Một lời cảnh báo: Tất cả các cư sĩ nên duy trì một thái độ thông minh, hiểu biết. Một cư sĩ ích kỷ với một đầu óc chật hẹp sẽ, trước hết, kính lễ một tu sĩ có giới hạnh, nhưng khi sự gần gũi quen thuộc phát sanh, thì đủ loại dính mắc và chấp thủ sanh lên, do đó, làm giảm thiểu đi tư cách/địa vị của vị tu sĩ. Sự thân mật, sự dính mắc và sự quen thuộc dẫn đến những hành động thấp hèn vốn không thích hợp theo tinh thần của giới luật (*Vinaya*). Do đó, sự đôi trụy và giảm thiểu xuất hiện do bởi sự thân mật. Một cư sĩ đại khờ có thể hủy diệt một tu sĩ do bởi sự thân mật, những thái độ sai trái và những động lực thầm kín.

Ý nghĩa của Pháp Hạnh Phúc (*Maṅgala Dhamma*) là gì? Làm sao chúng ta có được nó? Theo nghĩa tối hậu, những thái độ và những hành xử nâng đỡ/quảng bá những yếu tố thiện lành hoặc những phước lợi là những Pháp Hạnh Phúc (*Maṅgala Dhamma*). Chúng ta có được những phước lợi dựa trên những hành xử tốt đẹp của chính mình. Ngược lại, những thái độ và hành vi sai trái là những bất hạnh vì chúng làm tăng trưởng những trạng thái bất thiện. Chúng ta nên hiểu rằng cả hai là những trạng thái vô ngã theo nghĩa và đặc tính tối hậu của chúng. Đối với vấn đề một người nên thân cận với vị tu sĩ này hoặc vị tu sĩ kia, trong ý nghĩa tối hậu, những yếu tố cá nhân đều là vắng mặt. Cốt lõi của hành vi đúng đắn là kết hợp với các trạng thái thiện và không kết hợp với những trạng thái bất thiện. Đây là yếu tố trọng yếu của vấn đề và

là sự chỉ dẫn tuyệt đối đáng tin cậy và đáng nương tựa cho những hành xử thích đáng.

### **Kinh Nên Hành Trì, Không Nên Hành Trì (Sevitabbāsevitabba Sutta)**

Trong bài Kinh Nên Hành Trì, Không Nên Hành Trì (*Sevitabbāsevitabba Sutta*)<sup>1</sup>, Đức Phật đã tuyên bố vấn đề một cách cụ thể và rõ ràng nhất:

“Này *Sāriputta*, nếu do bởi việc thân cận, gần gũi với một người, người phát triển những trạng thái bất thiện, làm giảm thiểu đi hoặc phá hủy đi những trạng thái thiện, thì người nên tránh xa người đó. Này *Sāriputta*, nếu do bởi việc thân cận, gần gũi với một người, người phát triển những trạng thái thiện, làm giảm thiểu đi hoặc phá hủy đi những trạng thái bất thiện, thì người nên thân cận, gần gũi người đó.”

Điểm thiết yếu là chọn lựa giữa những trạng thái thiện và những trạng thái bất thiện một cách khách quan.

### **Kinh Hiên Ngu (Bālappaṇḍita Sutta)<sup>2</sup>**

Một kẻ được gọi là ngu dốt vì người đó thường xuyên suy nghĩ những ý nghĩ xấu xa, nói những ngôn từ xấu xa và thực hiện những hành vi xấu xa. Một người được gọi là thông thái, hiểu biết vì vị đó thường xuyên suy nghĩ những ý nghĩ tốt đẹp, nói những ngôn từ tốt đẹp và thực hiện những hành vi tốt đẹp. Như vậy, những người xấu xa trong suy nghĩ, lời nói và hành động là những người suy đồi và nguy hại. Những người chính trực trong suy nghĩ, lời nói và hành động là những người thông thái và có giáo dục.

---

<sup>1</sup> ND: Trung Bộ Kinh, Tập III

<sup>2</sup> ND: Trung Bộ Kinh, Tập III



Ngày nay, nhiều cư sĩ cũng như tu sĩ không hoàn thành, không chứng đạt được sự trong sạch hoàn toàn trong cả ba lãnh vực giới hạnh. Một vài có giới hạnh trong hành động, nhưng không có giới hạnh trong lời nói và suy nghĩ. Một vài tuy có giới hạnh trong lời nói, nhưng lại không có giới hạnh trong hành động và suy nghĩ. Nhiều người có những ý định tốt đẹp, nhưng lại không thể nói và hành xử một cách tốt đẹp. Một vài người có kỹ năng trong hai lãnh vực, nhưng lại thiếu vắng sự trong sạch trong lãnh vực thứ ba. Do đó, chúng ta có thể tìm thấy đủ loại người với những sự trộn lẫn khác nhau về những kỹ năng về thân, ngữ và ý.

Hầu hết mọi người sở hữu sự trộn lẫn của tốt và xấu trong mỗi một lãnh vực. Trong việc chọn lựa vị thầy hoặc tu sĩ để làm người hướng đạo, chúng ta nên kiểm tra xem nếu các trạng thái thiện đang được phát triển hoặc đang bị thoái hóa. Nói một cách khác, tất cả những người thông minh nên kiểm tra tiến độ đạo đức hoặc phẩm hạnh của chính mình trong việc tôn trọng hoặc thân cận với những người khác.

Những người vấn đạo đã hỏi về những kết quả tốt hay xấu của việc thân cận với hoặc hỗ trợ những vị tu sĩ vô liêm sỉ và không có giới hạnh. Họ muốn có bằng chứng hoặc những minh họa lịch sử cụ thể cho những kết quả tương ứng, tốt hoặc xấu.

Có một câu nói: “Một vị tu sĩ vô liêm sỉ tạo ra một trăm vị vô liêm sỉ thông qua việc thân cận và làm gương.” Như vậy, những kết quả xấu của việc thân cận với những tu sĩ vô liêm sỉ là quá lớn có thể đo lường.

Đức Phật cảnh báo chúng ta rằng những ai thân cận, thân mật với kẻ vô liêm sỉ sẽ lây nhiễm những đặc tính của họ. Đây là hậu quả xấu thứ nhất. Những hậu quả xấu tiếp theo là như sau: Nếu một người trở thành vô liêm sỉ

trong kiếp sống này, vị đó có khả năng duy trì đặc tính này trong hàng ngàn kiếp sống vị lai, vì vị đó đã rời xa đạo đức, đức hạnh. Một khi một người đã trở thành xấu xa, vị đó cũng sẽ có khuynh hướng là xấu xa trong một chuỗi những kiếp sống vị lai. Nếu một người trở thành ngu dốt, không có trí tuệ và minh sát trong kiếp sống này, vị đó cũng sẽ trở thành một kẻ ngu trong vô số những kiếp sống vị lai. Đây là những hậu quả xấu.

Thấy những hậu quả xấu và tính nghiêm trọng của mỗi trường hợp, chúng ta nên tránh thân cận, gần gũi với những tu sĩ vô liêm sỉ, xấu xa và ngu dốt. Hơn nữa, những vị này, tức là những người thiếu vắng giới hạnh, tính tốt đẹp và trí tuệ, không thể mang lại phúc lợi cho những ai gặp gỡ họ. Thân cận, gần gũi với họ chỉ luôn mang lại sự bất hạnh. Những ai muốn đạt được phúc lợi trong việc thân cận và gần gũi với họ trước hết phải nên chuyển đổi tâm trí và thái độ của chính mình. Những cư sĩ và những người hộ độ nên tập trung chỉ vào phần giới hạnh hoặc khía cạnh tốt của những tu sĩ như vậy. Sự cẩn trọng là vô cùng cần thiết ở đây.

Về các dẫn chứng của những hậu quả tốt hoặc xấu, chúng ta nên nghiên cứu, tìm hiểu *Sớ Giải của Suttanipāta* (Kinh Tập)<sup>1</sup>, phần giải thích chi tiết của câu văn “*Āsevanā ca bālānaṃ*”<sup>2</sup>. Những ví dụ khác nữa chúng mình cho điểm này có thể được lược lật từ những vị thầy và những giáo thọ sư uyên bác. Các pháp sư sẽ thuyết giảng về vấn đề này, trình bày những mẫu chuyện từ Tam Tạng (*Tipiṭaka*) và các *Sớ Giải* tương ứng.

---

<sup>1</sup> ND: Xem Hạnh Phúc Kinh (Maṅgala Sutta)

<sup>2</sup> ND: Câu kệ này có nghĩa là: “Không thân cận kẻ ngu”.

## Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Tư

### Chúng Ta Có Nên Tôn Kính Những Tu Sĩ Vô Liêm Sĩ Và Những Tu Sĩ Đồi Bại Không?

“Nếu một người dâng cúng bốn món nhu yếu phẩm như vật thực, y vấn đến vị tu sĩ, tuy biết rằng vị đó là không có tâm và úy hoặc là không có giới hạnh, thì việc làm này có được xem là làm đúng theo *Maṅgala Dhamma* (Pháp Hạnh Phúc), tức là khuyên chúng ta nên tôn kính những bậc đáng tôn kính (*pūjā ca pūjaneyyānaṃ*), không? Hay việc làm này là trái nghịch với điều khuyên dạy đó? Xin ngài hãy cho chúng tôi biết về quả tốt hay xấu cùng với những dẫn chứng và các trường hợp cụ thể thích hợp.”

Trước hết, chúng ta nên biết những đối tượng xứng đáng được tôn kính như được nhắc đến trong Sớ Giải của *Suttanipāta* (Kinh Tập). Đó là: (1) Đức Phật Toàn Giác, (2) Đức Phật Độc Giác, (3) bậc Thánh đệ tử, (4) mẹ, (5) cha, (6) anh, (7) chị, (8) mẹ chồng, (9), cha chồng, (10) anh chồng, và (11) chị chồng.

Sớ Giải này chỉ nhắc đến mười một hạng người đáng được tôn kính và trân trọng. Sớ Giải của *Dakkhiṇavibhaṅga Sutta*<sup>1</sup> có nhắc thêm rằng, đối với hàng cư sĩ tại gia đã quy y Tam Bảo, thì các vị sa-di, các tu sĩ và những bậc Thánh nhân xứng đáng được tôn kính và trân trọng. Do đó, trong việc phân loại những hạng người xứng đáng được tôn kính, chúng ta nên bao gồm thêm: (12) bậc cư sĩ tại gia đã quy y Tam Bảo, (13) bậc cư sĩ trì giữ ngũ giới, (14), vị sa-di phạm nhân, và (15) vị tu sĩ phạm nhân. Do đó, mười lăm hạng người đáng được tôn kính này có thể được tìm thấy.

---

<sup>1</sup> ND: Kinh Phân Biệt Cúng Dường, Trung Bộ Kinh 3.

Đối với những sa-di và tu sĩ, chúng ta có thể định nghĩa, phân chia thành ba loại nhỏ: vị liêm sĩ, có tâm và úy (*lajjī*); vị vô liêm sĩ, không có tâm và úy (*alajjī*); và vị đồi bại, không có giới hạnh (*dussīla*).

Dâng cúng vật thực và những vật dụng nhu yếu khác đến những sa-di và tu sĩ liêm sĩ, có tâm và úy đưa đến sự thực hành tốt đẹp như được dạy là “tôn kính những bậc xứng đáng được tôn kính” trong Hạnh Phúc Kinh (*Maṅgala Sutta*). Chúng ta có thể nghi ngờ rằng những sự dâng cúng đến các vị sa-di và tu sĩ vô liêm sĩ, không có tâm và úy có thỏa mãn Pháp Hạnh Phúc (*Maṅgala Dhamma*) hay không. Câu trả lời là những sự dâng cúng đến các vị sa-di và tu sĩ vô liêm sĩ, không có tâm và úy có đưa đến việc tôn kính những bậc xứng đáng được tôn kính. Vấn đề duy nhất phải xem xét là nếu chúng ta có thể phân loại những sự dâng cúng đến những sa-di và tu sĩ đồi bại, không có giới hạnh là hành động tốt đẹp. Nhiều cư sĩ hộ độ, hỗ trợ các tu sĩ đã tự hỏi, dẫn đo trong vấn đề này. Do đó, tôi sẽ trình bày câu trả lời chi tiết để làm minh bạch và để hướng dẫn các vị cư sĩ trong trường hợp này.

Trong Thanh Tịnh Đạo (*Visuddhimagga*) có nói, mỗi một tu sĩ, sau khi đã được thọ giới bậc cao (tức là thành tỳ-khưu), phải trì giữ hơn chín tỷ<sup>1</sup> giới điều (*Vinaya*). Trong năm bộ sách Luật (*Vinaya*) giải thích Biệt biệt giải thoát giới (*Pāṭimokkha saṃvāra sīla*), Đức Phật Toàn Giác đã tuyên bố vô số các điều luật cho tất cả các tu sĩ. Như vậy, mỗi tu sĩ trong giáo pháp này thọ trì vô số những giới điều và những quy luật, mà vị đó phải học hỏi và hành trì. Một khi sự tụng đọc Tam Quy và Tăng sự

---

<sup>1</sup> Navakoṭṭisahassāni asītasatakotiyo, paññāsasatasahassāni chattimśā ca punāpare: 9.180.150.036 nếu một koti được xem là 10<sup>6</sup> (*Vism.* 46 – Thanh Tịnh Đạo). Con số lớn này là do bởi phép hoán vị (*peyyālamukhena niddiṭṭhā*).

(*kammavācā*) được hoàn thành, mỗi tu sĩ đã chấp nhận vô số các điều luật của Biệt biệt giải thoát giới (*Pāṭimokkha saṃvāra sīla*).

Năng lực của Đức Phật Toàn Giác trong việc chế định các giới điều và thủ tục Giới Luật (*Vinaya*) cho tất cả các tu sĩ là dựa trên ‘*āṇādesanā*’, tức là quyền lực của Ngài. Như vậy, một khi một cư sĩ nhận được y áo từ vị giáo thọ sư, thì vị đó tự động vượt lên trên địa vị của vị cư sĩ và ngay lập tức trở thành vị xuất gia. Thậm chí ở giai đoạn khởi đầu của quá trình xuất gia, ứng cử viên cũng đã xứng đáng tiếp nhận sự tôn kính và cúng dường từ hàng cư sĩ. Đây là do bởi địa vị nhận được từ điều luật bắt buộc của Giới Luật (*Vinaya*). Các cư sĩ nên cúi đầu cung kính mặc dầu ứng cử viên vẫn chưa tiếp nhận các giới điều và quy luật của vị sa-di. Vào lúc Tam Quy được tụng đọc lần thứ ba, vị đó tự động tiếp nhận các giới điều và quy luật của vị sa-di. Rồi vị đó là một sa-di thật sự/dịch thực và không cần sự tiếp nhận thêm các giới điều (của sa-di) vì vị đó đã thọ trì chúng một cách tự động sau khi thủ tục xuất gia được hoàn thành.

Nếu vị sa-di đã xuất gia một cách trọn vẹn, đầy đủ, lại phá (vi phạm) một trong mười điều luật chính<sup>1</sup>, vị đó hủy hoại trạng thái/địa vị của Tam Bảo<sup>2</sup>, và do đó, làm rơi rớt tất cả giới luật của một vị xuất gia. Những yếu tố còn lại chỉ là việc yêu cầu và thu hồi lại y áo, do đó, vị đó vẫn chưa chuyển đổi sang địa vị của một vị cư sĩ. Theo Luật (*Vinaya*), vị đó vẫn còn là một sa-di. Tuy nhiên, vị đó không phải là một sa-di thật sự theo thể loại được trình bày ở trên vì vị đó thiếu vắng những giới điều. Tuy nhiên,

---

<sup>1</sup> Không nên nhầm lẫn với mười giới điều của một vị sa-di (người biên tập bản tiếng Anh). ND: độc giả xem mười điều luật này bên dưới, bắt đầu với ‘sát sanh’ và kết thúc với ‘làm ô uế một vị tỳ-khưu ni’.

<sup>2</sup> ND: có thể có nghĩa là phá hỏng Tam Quy.

nếu vị đó thọ nhận Tam Quy trở lại từ Chư Tăng, vị đó lại thọ trì/đảm nhận/gánh vác các giới điều trở lại. Chỉ khi nếu vị đó lỡ bỏ không thọ nhận Tam Quy từ Chư Tăng, vị đó bị phân loại là đỗi bại, không có giới hạnh, vì vị đó thừa nhận, tuyên bố một cách sai trái rằng mình là một sa-di. Nếu vị đó thừa nhận lỗi lầm của mình, vị đó sẽ không bị phân loại là đỗi bại, không có giới hạnh, và vị đó trở thành một cư sĩ do bởi hành động đó<sup>1</sup>.

Nhiều cư sĩ nghĩ rằng nếu một sa-di phá (vi phạm) một trong mười điều luật chính, vị đó tự động trở thành một cư sĩ. Suy nghĩ như vậy là sai. Nếu vị đó vẫn còn mang y trên người, vị đó không thể được phân loại là cư sĩ. Vấn đề xa y do bởi vi phạm luật không phải là trách nhiệm của những bậc giáo thọ sư hoặc những vị thầy. Quyết định xa y nằm toàn bộ nơi vị sa-di đó. Những gì các vị giáo thọ sư và các vị thầy có thể làm là tẩy trừ vị sa-di đỗi bại, không có giới hạnh đó khỏi giáo pháp của Đức Phật. Những lý giải này là theo Tạng Luật (*Vinaya*)<sup>2</sup> và những quyết định trong các Sớ Giải. Điều này giải thích bản chất của một sa-di đỗi bại, không có giới hạnh.

Bên cạnh mười điều luật chính, một sa-di phải tuân theo mười hình phạt và 75 điều luật đào tạo, được phân loại là ‘những vi phạm’ hoặc ‘những hình phạt’. Do đó, nếu một vị sa-di vi phạm một điều trong thể loại này, Tam Quy không bị phá hủy và các giới điều cũng không bị đứt gãy. Lỗi vị đó phạm ở đây chỉ là sự phá vỡ sự kiên tránh mà thôi. Loại vi phạm này có thể được chữa trị bằng cách

---

<sup>1</sup> ND: tức là hành động thừa nhận lỗi.

<sup>2</sup> “Này các tỳ-khưu, ta cho phép các người tẩn xuất một sa-di vi phạm [bất kỳ một trong số] mười tội lỗi. Vị đó sát sanh, trộm cướp, hành dâm, nói dối, uống chất say, phi báng Đức Phật, phi báng Giáo Pháp, phi báng Chư Tăng, chấp giữ tà kiến, hoặc làm ô uế một vị tỳ-khưu ni.” (Vin. i. 85).

chịu hình phạt, sau đó vị đó lại đạt được sự trong sạch trong việc kiên tránh như trước.

## **Vô Tội Cho Đến Khi Bị Chứng Minh Là Có Tội**

Các nguyên tắc của Luật (*Vinaya*) là vi tế. Chúng ta phải suy ngẫm sâu xa về chúng trước khi phán xét một vị sa-di hoặc một vị tu sĩ.

Chúng ta hãy lấy một ví dụ. Trong suốt thời cai trị của thực dân Anh tại Miến Điện, chính quyền đã trao quyền lực hành chính cho các viên chức thị trấn. Những viên chức này, sau khi được bổ nhiệm, đã có thể xử lý những vụ án cụ thể, phán xét dựa theo những quy luật cố định, và ban hành những hình phạt thích ứng. Nếu chính họ vi phạm một vài tội lỗi nào đó, những viên chức này, dựa theo các quy luật dành cho những công chức nhà nước, phải mất chức vụ, trong khi những vi phạm tội lỗi khác dẫn đến việc chỉ đình chỉ tạm thời những chức vụ đó. Những vi phạm tội lỗi thuộc nhóm sau có thể được chữa trị thông qua việc nộp phạt. Bản chất của mỗi chức vụ, quyền lực của nó, các loại vi phạm và những hình phạt thích hợp được công bố trong văn bản được gọi là Hành Vi Công Vụ. Theo văn bản này, một viên chức thị trấn tự động có những quyền lực được chính phủ trao vào lúc nhậm chức. Những quy tắc dẫn đến sự bãi chức của vị đó chỉ được áp dụng khi vị đó vi phạm những tội lỗi cố định nào đó. Khi vị đó bị bãi chức, tất cả những quyền hành của vị đó đều biến mất. Tuy nhiên, một vài sai trái khiến cho vị đó bị nộp phạt, nhưng không dẫn đến việc vị đó bị bãi chức; như vậy, vị đó vẫn duy trì chức vụ của mình và vẫn xử lý những vụ án của những người khác. Quyền lực hoặc quyền hạn được ban hành, được trao khi đang tại chức thì vẫn không thay đổi, mặc dầu chính vị đó chịu đựng sự trừng phạt, tức là sự nộp phạt, do bởi những hành

động sai trái. Ví dụ này để làm rõ những dạng phạm tội khác nhau một vị sa-di hoặc một tu sĩ mắc phải.

Trong các điều giới luật (*Vinaya*), hai thể loại chính có thể được tìm thấy.

1. *Samādāna sīla* – Một người thề nguyện và quyết định thọ trì nhiều giới điều. Đây được gọi là ‘giới hạnh thọ trì’. Nó bao gồm những điều luật được thọ trì một cách ngấm ngấm thông qua việc thực hiện thủ tục xuất gia.

2. *Samvara sīla* – Đời sống của một sa-di hoặc một tu sĩ chứa đựng hoặc mang một trách nhiệm/nghĩa vụ ngăn trừ mang tính đạo đức. Đây được gọi là ‘giới hạnh ngăn trừ’. Sự ngăn trừ các giác quan khỏi dục lạc là một nghĩa vụ/trách nhiệm nỗ lực tự nguyện mang tính đạo đức.

Một khi một sa-di tiếp nhận Tam Quy một cách đúng đắn, vị đó hoàn thành việc ‘thọ trì giới hạnh’ một cách tự động cùng với thủ tục chính thức này. Tuy nhiên, ‘giới hạnh ngăn trừ’ cần sự nỗ lực để trì giữ một giới điều khi một cơ hội/hoàn cảnh/tình huống vi phạm nó xảy ra. Đối với loại giới hạnh này, một sa-di phải vun bồi niềm tin và ý chí thực hành Giáo Pháp. Rồi vị đó phải kiên tránh khỏi việc vi phạm một điều luật nào đó nếu cơ hội/tình huống vi phạm nó xảy ra.

Như đã được nhắc đến, có hai loại thanh lọc hoặc hình phạt dành cho một sa-di. Nếu vị đó vi phạm một điều luật xứng đáng bị trục xuất, thì vị đó tự động từ bỏ Tam Quy, và tất cả những giới điều mà vị đó đã thọ trì cũng đều bị xả bỏ. Thậm chí một điều luật đào tạo cũng không còn nguyên vẹn. Nếu vị đó vi phạm một điều luật mà phải bị trừng phạt hoặc phải cần thanh lọc, thì vị đó vẫn còn duy trì Tam Quy và vị đó vẫn thọ trì các giới điều. Thậm chí phá bỏ một giới điều trong trường hợp này vẫn không hủy hoại sự thọ trì của vị đó. Vị đó vẫn duy trì các giới điều



của sa-di và phẩm mạo sa-di. Vị đó chỉ làm gãy vỡ và làm ô nhiễm sự kiêng tránh của mình, chứ không phải sự gánh vác/đảm nhận. Do đó, nếu vị đó tuân thủ theo hình phạt được đề ra để thanh lọc, thì sự trong sạch của việc kiêng tránh được thiết lập trở lại.

Trong trường hợp các giới điều của một tu sĩ, vị tu sĩ tiếp nhận tất cả (những giới điều này) ngay sau khi tuyên ngôn (*kammavācā*) lần thứ tư được tụng đọc xong trong khu vực hành lễ. Vị đó ngay lập tức gánh vác/đảm nhận những giới điều của vị tu sĩ do bởi việc làm theo thủ tục xuất gia. Sự trong sạch của kiêng tránh thì giống hệt với trường hợp của vị sa-di. Vị đó phải huấn luyện chính mình trong giới hạnh ngăn trừ.

Nếu vị tu sĩ vi phạm/phá vỡ một trong bốn điều luật bất cộng trụ, thì tất cả những giới điều vị đó gánh vác/đảm nhận tự động mất hết. Không một giới điều hay quy luật nào còn tồn tại/duy trì với vị đó. Tuy nhiên, nếu vị đó vi phạm/phá vỡ bất kỳ điều luật nào ngoài bốn điều luật bất cộng trụ, thì vị đó chỉ làm gãy vỡ hoặc làm ô nhiễm sự kiêng tránh của mình đối với những điều luật đó – sự gánh vác/đảm nhận việc huấn luyện/tu học (ở tầng mức) tu sĩ vẫn còn nguyên vẹn. Đây là năng lực của Giới Luật (*Vinaya*).

Do đó, sự phân biệt rõ ràng cần phải được thực hiện giữa việc phá vỡ sự gánh vác/đảm nhận việc huấn luyện/tu học của vị đó và việc phá vỡ sự kiêng tránh của vị đó. Chỉ rồi sau đó chúng ta mới có thể biết rõ ràng một sa-di hoặc một tu sĩ là vô liêm sỉ hoặc là đỗi bại. Đây là sự khác biệt mang tính nền tảng dựa theo Giới Luật (*Vinaya*).

Vì Giới Luật (*Vinaya*) được thiết lập bởi quyền năng của Đức Phật Toàn Giác, một tu sĩ gánh vác/đảm nhận hơn chín tỷ giới điều sau khi thủ tục xuất gia được hoàn

thành. Thậm chí nếu vị đó trở thành vô liêm sĩ ngay lập tức sau đó (tức là sau khi thủ tục xuất gia hoàn thành), vị đó vẫn xứng đáng nhận được sự tôn kính và cúng dường từ hàng tại gia vì vị đó vẫn là một tu sĩ do bởi những điều luật đào tạo/huấn luyện còn lại. Vị đó rõ ràng là một tu sĩ đáng được tôn trọng, tức là có thể tiếp nhận sự cung kính và lễ bái của hàng tại gia cư sĩ.

Để xác định một tu sĩ có trở thành đồi bại, sa đọa và bị rơi rớt hay không, nhiều điểm cần phải được phân tích. Các điều luật liên quan đến vấn đề này rất là vi tế. Những giới cấm và các quy tắc trong Luật (*Vinaya*) của Đức Phật Toàn Giác được dựa trên quyền năng vô hạn và lòng từ bi vô bờ của Ngài, do đó, chúng vô cùng thâm sâu và tinh tế. Chúng cũng chứa đầy những yếu tố bất ngờ. Giới Luật (*Vinaya*) là thâm sâu; bản chất và phạm vi của nó là vô cùng lớn rộng.

### **Sự Vi Diệu, Thâm Sâu Của Giới Luật (*Vinaya*)**

Sự thâm sâu và tinh tế của Giới Luật (*Vinaya*) có thể được hiểu từ những ví dụ sau. Một vị tại gia cư sĩ, thậm chí sau khi đã tẩy trừ tất cả những phiền não và trở thành một vị A-la-hán (*Arahant*), vẫn phải tôn trọng và kính lễ một vị tu sĩ phạm nhân, tức là người vẫn còn đầy tất cả những phiền não. Đây là vì vị tu sĩ tận hưởng được địa vị đó do đã hành theo/hoàn thành thủ tục Luật (*Vinaya*). Một tu sĩ phạm nhân không nên cúi đầu chào một cư sĩ A-la-hán (*Arahant*) vì phẩm mạo và địa vị của vị tu sĩ là cao hơn. Vị A-la-hán (*Arahant*) vẫn là cư sĩ, trong khi vị phạm nhân là một tu sĩ. Nếu chúng ta so sánh hai người này trên nền tảng trong sạch của tâm linh, thì điều luật giáo huấn này dường như có vẻ vô lý.

Có một sự khác biệt lớn giữa một vị cư sĩ A-la-hán (*Arahant*) và một vị tu sĩ phạm nhân. Vị cư sĩ chính bản

thân đã chứng đạt Níp-bàn (*Nibbāna*), do đó, tâm trí của vị đó hoàn toàn trong sạch, trong khi tâm trí của vị tu sĩ vẫn còn chứa đựng nhiều phiền não, do đó, vị đó chưa (đảm bảo) tránh được những khổ đau của những đọa xứ. Tuy nhiên, một vị cư sĩ A-la-hán (*Arahant*) vẫn phải đánh lễ, tôn trọng vị tu sĩ vốn vẫn còn là một phàm nhân. Về vấn đề địa vị trong Giáo Pháp của Đức Phật, một tu sĩ phàm nhân, tức là một thành viên của Tăng Đoàn (*Saṅgha*), cao quý hơn một vị cư sĩ A-la-hán (*Arahant*). Tại sao một vị cư sĩ A-la-hán (*Arahant*) lại phải kính lễ một vị tu sĩ phàm nhân? Đó là do bởi Luật (*Vinaya*) được tuyên thuyết với quyền năng tối thượng của một vị Phật Toàn Giác. Do đó, chúng ta có thể nhận ra rằng năng lực của Luật (*Vinaya*) là không thể đo lường được và không có giới hạn về phạm vi và quy mô. Năng lực tối thượng, thiện nghiệp (*kamma*) vô lượng và trí Toàn Giác của Đức Phật được biểu hiện ra trong việc định đặt những quy tắc và giới điều duy nhất và đặc biệt này của Luật (*Vinaya*). Những yếu tố này có hiệu lực cho mọi tu sĩ trong Giáo Pháp của Đức Phật.

Một trường hợp khác nên được nhắc đến trong mối quan hệ/sự kết nối này. Một tu sĩ thấp bậc hơn chỉ một giờ [hoặc chỉ một phút] cũng phải tôn kính vị tu sĩ cao bậc hơn. Một tu sĩ thấp bậc nhưng là một vị A-la-hán (*Arahant*) cũng phải tôn kính và đánh lễ vị tu sĩ cao bậc hơn nhưng chỉ là một phàm nhân. Cho dầu là có hạ lạp cao đến mức nào, một vị tu sĩ A-la-hán (*Arahant*) vẫn phải đánh lễ một vị tu sĩ phàm nhân. Do đó, một tu sĩ Thánh nhân với 60 tuổi hạ vẫn phải tôn kính một tu sĩ phàm nhân. Tại sao vậy? Những quy tắc và chế độ đạo đức này được tuyên thuyết bởi Đức Phật Toàn Giác với uy quyền toàn năng của Ngài, vốn không thể đo lường được. Chúng được biết đến là ‘*ānāpaññatti*’, tức là các điều luật

được chế định do bởi quyền năng tối thượng và lòng từ bi vô hạn của Đức Phật.

Năng lực này có trong Luật (*Vinaya*) cũng như tất cả những năng lực Pháp (*Dhamma*) khác của Đức Phật là độc nhất. Luật (*Vinaya*) và Pháp (*Dhamma*) thừa kế/tiếp nhận địa vị của Đức Phật sau khi Ngài viên tịch, như Ngài đã tuyên bố trong bài Kinh Đại Bát Níp-bàn (*Mahāparinibbāna Sutta*):

“Này *Ānanda*, sau khi ta tịch diệt, Pháp (*Dhamma*) và Luật (*Vinaya*) do ta thuyết giảng và chế định sẽ là thầy của các người.”

Những lời tiên đoán của Đức Phật là vi diệu/thâm sâu, và phạm vi của chúng là vô hạn. Do đó, từng mỗi giới điều trong hàng triệu giới điều một vị tu sĩ gánh vác/đảm nhận trong quá trình xuất gia của mình đại diện cho chính Đức Phật. Những lời tiên đoán của Ngài sống/trú trong một vị tu sĩ đã được phong tước, cho đâu vị đó có thể là ai.

Một tỳ-khưu (*bhikkhu*) trong Giáo Pháp này có nghĩa là một tu sĩ đã được phong tước đầy đủ đã hoàn thành năm yếu tố sau: (1) sự trong sạch của thủ tục xuất gia, (2) sự trong sạch của hội chúng tu sĩ, (3) sự trong sạch của bốn lần tụng đọc tuyên ngôn (*kammavācā*), (4) sự trong sạch của y và bát, và (5) là một ứng viên đủ tiêu chuẩn cho sự xuất gia lên bậc cao. Một khi những thủ tục thọ nhận Tam Quy và những lần tụng đọc tuyên ngôn được hoàn thành, vị đó ngay lập tức tiếp nhận và gánh vác những giới điều. Do đó, chúng ta có thể nói rằng hơn chín tỷ Đức Phật sống/trú trong thân xác của vị đó do bởi năng lực của Đức Phật và hiệu lực của Luật (*Vinaya*). Vị đó giống như là một bảo tháp nơi xá lợi của Đức Phật được tôn thờ.

Mọi người chúng ta nên biết rằng một bảo tháp, thậm chí nếu được làm bằng bùn hoặc đất, vẫn là một đối tượng thiêng liêng để tôn kính vì xá lợi của Đức Phật được tôn thờ trong đó. Sự tôn kính thích hợp phải được thực hiện đối với xá lợi được tôn thờ trong đó, vốn đại diện cho Đức Phật, thậm chí nếu bảo tháp được làm bằng vật liệu không đáng giá. Nếu sự bất tôn kính được thể hiện thậm chí đến loại bảo tháp này, chúng ta sẽ tích lũy nghiệp (*kamma*) bất thiện.

Ngay cả nếu khu vực xung quanh của ngôi bảo tháp bị vấy bẩn với bụi, rác và thậm chí phân, vùn vùn, chính ngôi bảo tháp vẫn xứng đáng được tôn kính sâu xa. Do đó, mọi người nên cúi đầu để bày tỏ sự tôn kính đến xá lợi, vốn dĩ nhiên xứng đáng được tôn kính. Nếu chúng ta thể hiện sự bất tôn kính khi nhìn thấy một bảo tháp với đủ loại rác rưởi, thì chúng ta sẽ tích lũy bất thiện nghiệp (*kamma*).

Tương tự, một tu sĩ phạm nhân sở hữu hàng triệu Đức Phật trong bản thân của vị đó, mặc dầu tâm trí của vị đó bị xả rác bởi hàng ngàn phiền não, giống như rác gần ngôi bảo tháp. Nhưng nếu miễn một giới điều Luật (*Vinaya*) duy nhất vẫn còn tồn tại trong vị đó, vị đó vẫn đủ tư cách được tôn kính bởi một vị tu sĩ A-la-hán (*Arahant*). Vô số những giới điều Luật (*Vinaya*) tồn tại trong vị đó đại diện vô số những Đức Phật. Mặc dầu vị đó không tránh được những lỗi lầm về Luật (*Vinaya*), nhưng vị đó vẫn giống như một ngôi bảo tháp. Do đó, một cư sĩ A-la-hán (*Arahant*) vẫn phải tôn kính vị đó vì lý do này.

Nếu hàng tại gia cư sĩ suy ngẫm về vấn đề này một cách cẩn thận, họ sẽ nhận ra vô số những giới điều Luật (*Vinaya*) được trì giữ bởi một vị tu sĩ phạm nhân. Hơn nữa, họ sẽ cảm kích và tôn trọng năng lực của Đức Phật, người có đủ thẩm quyền tuyên bố những điều luật và quy

tắc của Luật (*Vinaya*), và những thủ tục thích hợp cho sự thanh lọc chúng. Năng lực chỉ đạo của Đức Phật Toàn Giác thể hiện những hiệu quả vĩ đại nhất của nó trong Tăng đoàn (*Saṅgha*) do Ngài thành lập. Năng lực của Luật (*Vinaya*) là vô cùng vi diệu, thâm sâu và khó hiểu được bởi một cư sĩ tầm thường hoặc không được giáo dục. Không ai có thể hiểu rõ hết được tầm quan trọng của năng lực của Luật (*Vinaya*).

Những cư sĩ tại gia chưa giác ngộ Níp-bàn (*Nibbāna*) nên suy xét thẩm định chính mình để đánh giá/ghi nhận những đặc tính và địa vị của chính họ. Nếu họ suy ngẫm/tác ý khéo, họ sẽ sẵn lòng cung kính, lễ bái những tu sĩ, thậm chí nếu những tu sĩ này là vô liêm sỉ. Tất cả những tu sĩ được xuất gia/được phong chức một cách đúng đắn/hợp lệ vào trong Tăng đoàn dưới thẩm quyền của Đức Phật Toàn Giác có quyền tiếp nhận sự cung kính và lễ bái từ hàng tại gia cư sĩ. Do đó, một người cư sĩ hiểu biết, thông minh sẽ đánh lễ, dâng cúng vật thực, và tỏ lòng tôn kính thậm chí đến một tu sĩ vô liêm sỉ. Như mọi lúc, sự cẩn trọng là tất yếu để nhận thức, thấy rõ được sự uyên thâm/vi diệu của các giới điều của Đức Phật và các tác dụng, hiệu quả sâu rộng của chúng.

Thậm chí ở trong một tu sĩ sa đọa/không có giới hạnh, một phần năng lực của Luật (*Vinaya*) và những tác dụng/hiệu quả của nó vẫn còn tồn tại, mặc dầu là vị đó đã hủy hoại việc đảm nhận/gánh vác những giới điều bằng việc vi phạm một trong bốn điều luật Bất Cộng Trụ. Nếu vị tu sĩ A trong sạch/có giới luật buộc tội một vị tu sĩ B vốn là sa đọa/không có giới hạnh (tức là đã vi phạm một trong bốn điều luật Bất Cộng Trụ) rằng vị B đã vi phạm tội đó, nhưng lại không có bằng chứng, hoặc ít nhất là chứng cứ gián tiếp, thì điều này cũng giống như là đi buộc tội một tu sĩ vô tội. Do đó, vị tu sĩ A buộc tội vị tu sĩ B ở trên trong tình huống trên lại tự mình rơi vào tội Tăng

tàn, tức là một vi phạm cần phải có sự hộ tộ của Tăng chúng để xóa giải hoặc làm cho trong sạch. Các văn bản Luật (*Vinaya*) và Sớ Giải của nó giải thích điều này rất chi tiết.

Xem xét và suy ngẫm về những sự kiện này trong Tạng Luật (*Vinaya Piṭaka*), chúng ta nên hiểu rõ giá trị, tức là cảm kích, năng lực của Luật (*Vinaya*) vẫn còn lan tỏa, trị vì trong một tu sĩ không có giới hạnh. Do đó, trong việc đối ứng với một tu sĩ không có giới hạnh, chúng ta phải nghĩ/suy ngẫm về chỉ năng lực của Luật (*Vinaya*), chú tâm vào tiến trình/thủ tục xuất gia mà vị đó đã trải qua. Nếu những sự kiện và năng lực này của Luật (*Vinaya*) được biết và hiểu, một cư sĩ sẽ có thể đạt được phúc lợi cung kính bậc đáng cúng dường như được chỉ dạy trong Hạnh Phúc Kinh (*Maṅgala Sutta*). Chúng ta nên tập trung/hướng tâm của mình vào chỉ năng lực phi thường và tầm quan trọng của Luật (*Vinaya*) lan tỏa, trị vì trong các tu sĩ, thậm chí trong thân xác của một tu sĩ sa đọa/không có giới luật.

Điều này là đúng. Một tu sĩ sa đọa/không có giới luật vẫn còn duy trì những uy lực/ảnh hưởng của Đức Phật, Giáo Pháp và Tăng chúng, thậm chí sau khi vị đó đã bị rơi rớt (tức là đã vi phạm một trong bốn giới Bất Cộng Trụ). Do đó, ba quyền lực thiêng liêng này trở thành những đối tượng của sự tôn thờ ở trong vị tu sĩ không có giới hạnh. Các cư sĩ tại gia nên tập trung, chú tâm vào chỉ những đối tượng đáng kính trọng này mà thôi. Mọi quan hệ thích hợp/đúng đắn này giữa hàng cư sĩ và giới tu sĩ thống nhất, hòa hợp với những giáo lý khác của Đức Phật. Trong những giáo lý khác, Ngài khuyến dạy hàng cư sĩ cung kính Pháp bảo (*Dhamma*) bằng cách tôn kính những tu sĩ thông thái, sáng suốt và uyên bác vì các vị đại diện cho kiến thức Pháp bảo (*Dhamma*), mặc dầu các vị có thể thiếu vắng sự trong sạch đối với vấn đề giới hạnh. Do đó,

một cư sĩ sáng suốt, khôn ngoan tập trung tâm trí của mình một cách khách quan vào sự uyên bác của vị tu sĩ đó, chứ không bận tâm đến những gì khác.

Trường hợp của những cư sĩ tại gia không biết rằng một tu sĩ là không có giới hạnh thì khá thú vị. Vì nghĩ rằng vị đó là một tu sĩ giới hạnh, họ dâng cúng vật thực và kính lễ vị đó. Đối tượng của sự tôn trọng và kính lễ của họ là giới hạnh, trong khi vị tu sĩ này lại chẳng có giới hạnh gì cả. Trong trường hợp này, họ đạt được những phước báu thích ứng cho thái độ đầy tôn kính của họ cũng như những hành động cung kính của họ, mặc dầu vị tu sĩ đó, vì không có chút giới hạnh, hoàn toàn không thể là biểu tượng của một tu sĩ giới hạnh. Như vậy, không có “người nhận”, như nó dường như là có. Thậm chí trong trường hợp này, chúng ta không nên vội vàng, hấp tấp phán đoán những sự cúng dường và tôn kính như vậy là hoàn toàn vô ích.

Những lý do cho sự cần trọng này có thể được ghi nhận từ những hiện tượng tiền sử, chẳng hạn như trường hợp của vua *Saddhātissa* tại Sri Lanka cổ xưa. Những trường hợp như sự kiện này cung cấp sự hướng dẫn cho những việc làm tốt bởi hàng cư sĩ.

### **Trí Tuệ Của Vua *Saddhātissa***

Vào thời đó, vua *Saddhātissa*, sau khi biết được một tu sĩ là vô liêm sỉ, đã khống chế tâm mình và sửa đổi thái độ của mình để thực hiện một hành động cung kính đến vị tu sĩ vô liêm sỉ này. Một ngày nọ, nhà vua ngự trên voi du hành quanh vương thành của mình. Vô tình vào lúc nhà vua và đoàn tùy tùng đến giếng tắm hồ cá, có một tu sĩ đang đánh cá tại đó. Ngay khi thấy được đoàn tuần hành, vị tu sĩ đã thả bỏ cần câu, đi đến bên bờ sông và ngồi im lặng dưới một cội cây. Nhìn thấy tư cách này, vị vua muốn dâng cúng vật thực đến vị tu sĩ. Sau khi quay về lại cung điện, trước khi chính mình thọ thực, nhà vua đã



ra lệnh cho mang vật thực thượng vị đến dâng cúng vị tu sĩ vô liêm si đó, vì nhà vua nhớ lại hành vi tốt đẹp của vị tu sĩ vào lúc bắt gặp.

Lúc những vị quan thượng thư đến gần hồ cá để dâng cúng vật thực thượng vị, vị tu sĩ vô liêm si đó lại đang câu cá trở lại. Tức là ngay sau khi nhà vua và đoàn tùy tùng rời khỏi nơi đó, vị tu sĩ đã quay lại việc câu cá của mình. Nhìn thấy hiện tượng này, lòng tín ngưỡng và sự tận tâm của những vị quan thượng thư lập tức biến mất. Vì họ đã nhìn thấy hành vi tội lỗi này, ngay lúc đó họ không còn muốn dâng cúng vật thực nữa. Khi biết các vị quan thượng thư đã nhìn thấy mình, vị tu sĩ đã lập tức thả bỏ cần câu và lại ngồi xuống gốc cây một cách im lặng. Những vị quan thượng thư đã thấy vị đó là vô liêm si, nên đã không cúng dường vật thực. Họ quay lại cung điện và trình báo sự việc cho nhà vua. Nhà vua đã hỏi họ có dâng cúng vật thực không, và họ trả lời là không vì vị tu sĩ là một người vô liêm si.

Rồi nhà vua đã hỏi họ về hành vi của vị tu sĩ vô liêm si đó khi vị đó nhìn thấy họ tiến đến gần. Các quan thượng thư đã trả lời rằng vị tu sĩ ngay lập tức thả bỏ cần câu và ngồi im lặng dưới gốc cây. Nhà vua chỉ ra rằng vị tu sĩ đã từ bỏ hành vi vô liêm si của mình và đã hiển lộ tâm và úy lúc đó. Những đức hạnh tốt đẹp này, tức là tâm và úy, là hai trong số bảy Thánh tài được sở hữu bởi những bậc thượng nhân, và được trân quý bởi các bậc trí. Nhà vua đã hỏi giá trị, chi phí của một bữa ăn điểm tâm hoàng cung. Sau khi các vị quan thượng thư trình bày thông báo mệnh giá của một bữa ăn điểm tâm hoàng cung, nhà vua nói tầm, úy và sự ân hận có giá trị hơn nhiều, và đáng được tôn trọng vì chúng là những quý hiếm, giàu có từ trong tâm. Nhà vua một lần nữa ra lệnh cho các quan thượng thư dâng cúng vật thực hoàng gia đến vị tu sĩ vô liêm si đó dựa trên những yếu tố tốt đẹp thiết yếu được

tìm thấy trong vị đó lúc này hoặc lúc khác. Các quan thượng thư đã tiến hành cúng dường vật thực thượng hạng với sự tôn kính và trân trọng cần thiết. Họ đã thay đổi thái độ của họ.

Vua *Saddhātissa*, thông minh và khôn khéo, đã sở hữu năng lực tự tin và trí tuệ, do đó, nhà vua đã có thể thể hiện sự tôn trọng thậm chí đến một vị tu sĩ vô liêm sỉ. Bằng một cách nào đó, nhà vua đã truy kiếm và tìm ra được một vài phẩm hạnh tốt đẹp trong một vị tu sĩ vô liêm sỉ và tâm trí của nhà vua chỉ tập trung vào những phẩm hạnh cao quý này, vốn là những yếu tố nhà vua tôn kính. Do bởi việc thể hiện tầm và úy một cách tức thì, vị tu sĩ này đã biểu hiện những đặc tính của một tu sĩ tốt, do đó, trở nên xứng đáng tiếp nhận vật thực dâng cúng. Mặc dầu đối tượng tiếp nhận là vô liêm sỉ, nhưng thái độ cao quý và sự tập trung vào một vài đức hạnh cao quý đã nâng đỡ sự cúng dường của nhà vua lên ngang tầm với việc tôn kính bậc đáng tôn kính. Thái độ, hành xử thiện lành của nhà vua là một phúc lợi cao thượng. Với việc tìm kiếm những đức hạnh cao quý trong thậm chí một tu sĩ vô liêm sỉ, nhà vua đã hành theo lời chỉ dạy này từ Hạnh Phúc Kinh (*Maṅgala Sutta*).

## **Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Năm**

### **Chúng Ta Có Nên Lễ Bái Những Tu Sĩ Vô Liêm Sỉ Và Những Tu Sĩ Đồi Bại Không?**

“Nếu một người tôn trọng và kính lễ một vị tu sĩ bằng cách chào hỏi, đánh lễ, vâng vâng, (tuy) biết rằng vị đó là không có tầm và úy hoặc không có giới hạnh, thì người đó có làm đúng theo *Maṅgala Dhamma* (Pháp Hạnh Phúc), vốn dạy rằng một người phải kính lễ những bậc đáng kính lễ (*gāra*)? Hành vi của người đó có tuân theo lời kinh, vốn dạy rằng chúng ta nên chỉ kính lễ những ai

có sở hữu giới hạnh, không? Lời kinh ám chỉ ở đây là bài kinh trong Tương Ưng *Kosala* (*Kosalla Saṃyutta*)<sup>1</sup>. Bằng việc kính lễ những tu sĩ xấu xa, chúng ta có thành đạt việc nường nhờ vào nơi đáng tin cậy không? Xin ngài hãy trình bày những dẫn chứng hoặc các ví dụ để vạch ra đường lối đúng đắn có liên quan đến việc kính lễ những tu sĩ xấu xa.”

Những phương pháp phân biệt các tu sĩ vô liêm sỉ và không có giới hạnh đã được trình bày ở trước. Đối với vấn đề thể hiện sự lễ bái, trường hợp này cũng giống như hành động tôn kính những bậc đáng tôn kính. Do đó, câu hỏi thứ năm cũng giống với câu hỏi thứ tư.

Tuy nhiên, ở đây một chút diễn giải sẽ được trình bày trong sự kết nối với đoạn kệ sau trong Tương Ưng *Kosala* (*Dahara Sutta*<sup>2</sup>, S.i.170):

“*Bhujāṅgamaṃ pāvakañca, khattiyañca  
yassasinam;*

*Bhikkhuñca sīlasampannam, sammadeva  
samācare.*”<sup>3</sup>

Đoạn kệ trên có nghĩa là để tránh những bất lợi cho hiện tại và về sau (tức là trong vị lai), chúng ta phải thể hiện sự tôn trọng thích ứng/cần thiết đối với bốn yếu tố/hiện tượng. Chúng ta phải tránh sự bất kính để có thể được sống một cách an toàn. Loại thái độ có kỹ năng này

---

<sup>1</sup> ND: Tương Ưng Bộ, Thiên Có Kệ, Tương Ưng Kosala, Phẩm Thứ Nhất, Tuổi Trẻ.

<sup>2</sup> ND: Tương Ưng Bộ, Thiên Có Kệ, Tương Ưng Kosala, Phẩm Thứ Nhất, Tuổi Trẻ.

<sup>3</sup> ND: Đoạn kệ này có nghĩa là: “[Người trí] nên đối xử một cách thích ứng/phù hợp với con rắn, lừa, vị vua có quyền lực, vị tu sĩ có giới hạnh.”

được gọi là ‘*sammadeva samācare*’, tức là những cách cư xử văn minh, có giáo dục.

### **Bốn Đối Tượng/Yếu Tố Đáng Được Tôn Trọng**

Chúng ta phải thể hiện sự tôn trọng đến một con rắn độc, một vị vua hùng mạnh với đoàn tùy tùng, một tu sĩ với giới hạnh tốt đẹp, và một ngọn lửa. Bằng việc tôn trọng bốn đối tượng này, một người hành xử theo lối cách văn minh, tức là, bằng việc thể hiện sự tôn trọng cần thiết/thích ứng.

Những lý do chính yếu cho việc hành xử đúng đắn, thích hợp với từng đối tượng là như sau:

1. Một con rắn độc phải được xử lý một cách cẩn trọng (tức là phải “tôn trọng” nó theo nghĩa thích hợp) để tránh bị nó cắn.

2. Một vị vua, là một người có quyền lực tối cao, phải được ứng xử với nghi thức và sự tôn kính, để không có sự nguy hại nào khởi sinh từ vị đó.

3. Một tu sĩ có giới hạnh, do bởi năng lực của vị đó, phải được ứng xử với nghi thức và sự tôn kính. Nếu không, nguy hại có thể xảy ra do bởi sự giao kết không khéo léo, không khôn khéo với vị đó. Trong quá khứ, vua *Kalabu*, vua *Dandaki*, vua *Nālikera*, vua *Ajjuna* và v.v... đã ứng xử với những tu sĩ như vậy với sự bất kính. Do đó, họ đã phải hứng chịu những nguy hại và khổ đau dẫn đến sự tàn rụi.

4. Mọi người phải cẩn thận với lửa vì sự bất cẩn có thể dẫn đến những tai nạn nghiêm trọng. Lửa phải cần được chú tâm thích đáng để mọi người có thể sống một cách an toàn.

Tất cả những thái độ khôn khéo, cẩn trọng như vậy đưa đến những cung cách cư xử văn minh. Trong số bốn

yếu tố/đối tượng trên, con rắn, lửa, và vị vua có thể tạo ra những nguy hại tức thời. Còn vị tu sĩ có giới hạnh, mẫu mực sẽ không làm hại ai cả. Tuy nhiên, việc ứng xử tệ hại và bất kính đối với vị tu sĩ sẽ mang lại nguy hại lớn lao cho hàng cư sĩ về sau; do đó, một vị tu sĩ có giới hạnh, mẫu mực phải được ứng xử với sự tôn kính.

Đoạn kệ được trích dẫn từ Kinh Điển ở trên trình bày những hướng dẫn rõ ràng cho mọi người cần phải cẩn trọng và lưu tâm đến những yếu tố/đối tượng mà có thể tạo ra nguy hại cho bản thân. Chúng ta phải cố gắng tránh xa các nguy hại, và ứng xử với bốn yếu tố/đối tượng này với sự cẩn trọng.

Những thuật ngữ ‘nguy hại’ và ‘kinh sợ’ trong trường hợp này cũng truyền tải ý nghĩa việc thực hiện nghiệp (*kamma*) bất thiện, sự sanh khởi của những ý nghĩ tội lỗi trong tâm trí, và một thái độ sai trái một người có thể duy trì. Do đó, trong việc ứng xử với những người khác, đặc biệt là những tu sĩ không có giới hạnh, nếu một người không thể hiện sự tôn kính, người đó sẽ nuôi dưỡng những ý nghĩ bất thiện và thực hiện những việc làm bất thiện, và do đó, những trạng thái bất thiện sẽ gia tăng trong tính cách của người đó. Đây là một mối nguy hại cực kỳ cần phải được tránh bỏ. Ghi nhận tiềm năng của sự nguy hại này, chúng ta phải tôn kính một vị tu sĩ không có giới hạnh, tức là hành theo lời khuyên dạy là phải có những cách cư xử văn minh. Như vậy, bằng việc ghi nhớ câu kệ trong Kinh Điển này và thực hiện những hành động đầy tôn kính đến thậm chí một tu sĩ vô liêm sỉ, việc làm này có thể được phân loại là phúc lợi của việc tôn thờ Pháp Bảo (*Dhamma*). Cung kính đúng cách, chẳng hạn như ứng xử với phép lịch sự, sự lễ độ, chào đón với hai tay chắp lại (*añjali*), thể hiện hành vi có văn hóa như vậy, cũng là hành động tốt của những cách cư xử văn minh.

Tuy nhiên, bằng việc kính lễ một tu sĩ không có giới hạnh (tức là đối xử với vị đó với một thái độ khéo léo và với những cách cư xử văn minh), một người không chứng đạt ba sự nương nhờ (tức là Tam Quy). Điều này là vì một tu sĩ không có giới hạnh thì không phải là một thành viên đích thực của Tăng đoàn (*Saṅgha*), không phải là một tu sĩ thật sự. Sự bất lợi này có nghĩa là vị cư sĩ không đạt được sự nương nhờ đáng tin cậy thông qua việc thờ phụng cá nhân vị tu sĩ đó. Tuy nhiên, nếu Tăng chúng (*Saṅgha*) tuyển chọn/chỉ định một tu sĩ không có giới hạnh đến nhận vật thực, và nếu tâm trí của vị cư sĩ hướng trực tiếp đến Tăng chúng, thì vị cư sĩ đó sẽ nhận được ba sự nương nhờ (tức là Tam Quy). Trong trường hợp này, đối tượng trở thành Tăng chúng và thí chủ đang cúng dường vật thực đến cộng đồng của những tu sĩ. Do đó, vị cư sĩ đó đạt được sự nương nhờ đáng tin cậy do bởi động lực đúng đắn.

Đối với việc dâng cúng đến một tu sĩ thanh liêm, chính trực hoặc đến một tu sĩ vô liêm sỉ, những phúc lợi là khác nhau. Trong việc cung kính và lễ bái cũng vậy, những phúc lợi là khác nhau. Sự khác nhau là vì một vị là chính trực trong khi một vị là vô liêm sỉ. Tuy nhiên, trong cả hai trường hợp, một cư sĩ đều có thể đạt được những phúc lợi của việc cung kính và lễ bái bậc đáng cúng dường nếu động lực và chủ ý của vị đó là thánh thượng. Đây là một hành động tốt cho vị đó thực hiện.

### **Những Cách Cư Xử Văn Minh**

Hành vi ứng xử của vua *Kosala* chỉ ra rằng chúng ta nên theo lời khuyên để thể hiện những cách cư xử văn minh đến tất cả mọi hạng người. Tất cả mọi người nên được ứng xử với sự tôn trọng thích ứng.

Một ngày nọ, trong khi vua *Kosala* đang hầu chuyện cùng Đức Phật tại Kỳ-viên tịnh xá (*Jetavana*), có một vài

tu sĩ ngoại đạo bất ngờ đi ngang qua khu vực đó. Khi nhà vua thấy họ, nhà vua đã xưng danh của mình và cung kính chào hỏi họ theo một lối cách thích hợp. Tại sao nhà vua, vốn là một đệ tử thuần thành của Đức Phật, lại cung kính chào hỏi và thể hiện sự tôn kính đối với các tu sĩ ngoại đạo? Sớ Giải của Tương Ưng *Kosala (Kosala Saṃyutta)* giải thích rằng nếu nhà vua không thể hiện sự văn minh trong cách cư xử này, các tu sĩ ngoại đạo sẽ sanh lòng thù hận đối với nhà vua. Họ sẽ nghĩ rằng nhà vua chỉ tôn kính một mình Đức Phật. Họ có thể gây khó khăn cho nhà vua vì bị bỏ rơi. Do đó, nhà vua đã cung kính chào hỏi họ theo cung cách lịch sự để tránh những hậu quả tai hại cho vương quốc của mình. Sự cung kính chào hỏi này của nhà vua là theo đúng tinh thần của Hạnh phúc pháp (*Maṅgala Dhamma*) và sự khuyên bảo thể hiện những cung cách cư xử có văn minh, có nghĩa là ứng xử với mọi người bằng sự tôn trọng thích ứng, cần thiết.

Một nguyên nhân, lý do khác cho cách hành xử của nhà vua là do theo quốc sách. Trong vương quốc của nhà vua, có khá nhiều tín đồ đi theo những giáo chủ ngoại đạo này. Nếu những người này biết rằng nhà vua đã thờ ơ, bỏ mặc hoặc xem thường những giáo chủ của họ, họ có thể tạo nên sự mất đoàn kết hoặc kích động sự chống đối, nổi loạn. Để đoàn kết, hợp nhất quốc gia của mình, nhà vua đã cung kính lễ bái những vị tu sĩ ngoại đạo này với mục đích mang lại lợi ích đoàn kết quốc gia. Việc làm này đã được thực hiện để mang lại hòa bình và hạnh phúc cho số đông các tín đồ của những tôn giáo khác. Đây cũng là một việc làm hữu ích và với thiện chí.

## Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Sáu

### Chúng Ta Có Nên Chỉ Trích Những Tu Sĩ Vô Liêm Sĩ Và Những Tu Sĩ Đồi Bại Không?

“Nếu một người chê bai hoặc chỉ trích một tu sĩ, trực tiếp hoặc gián tiếp, khi biết rằng vị đó là không có tâm và úy hoặc không có giới hạnh, thì người đó có gánh chịu mười tội lỗi hoặc mười quả ác<sup>1</sup> hay không? Người đó có tránh thoát tội lỗi với hành vi này không?”

Những ai chê bai hoặc chỉ trích những người khác với những ngôn từ nặng nề sẽ vi phạm một tội ác nghiêm trọng chỉ nếu/chỉ khi đối tượng của sự kết tội đó là Đức Phật (Toàn Giác), Đức Phật Độc Giác (Pacceka Buddha) hoặc một bậc Thánh. Trong Kinh Pháp Cú (Dhammapada) có nói:

“Bất kỳ ai xúc phạm một người vô tội, trong sạch và thanh tịnh, tội lỗi sẽ dội ngược lại người đó như bụi bị ném tung ngược gió.”<sup>2</sup>

Những người vô tội, trong sạch và thanh tịnh là có ba hạng: Phật Toàn Giác, Phật Độc Giác và các bậc Thánh. Như vậy, cáo buộc hoặc vu khống các ngài dẫn đến những hậu quả tội lỗi nghiêm trọng cho người thực hiện. Cáo buộc hoặc vu khống phạm nhân thì không mang lại bất kỳ hiện tượng nào trong số mười quả ác này vì phẩm chất của phạm nhân là khác.

Tuy nhiên, một người sẽ có lỗi nếu buộc tội những người khác là vô đạo đức (không có giới hạnh) vì điều này

---

<sup>1</sup> Mười quả ác là: thọ khổ khốc liệt, thân thể thương vong, bệnh trầm trọng, điên loạn, nguy hại từ vua chúa, bị vu khống, mất mát thân nhân, tài sản mất mát, hỏa hoạn, và chết tái sanh về địa ngục. Độc giả có thể xem trong Pháp Cú Kinh, các câu kệ số 137-140.

<sup>2</sup> Pháp Cú Kinh, câu kệ số 125.



là một dạng lãng mạ, si nhục. Nếu một người si nhục những người khác hoặc chỉ trích họ với sự phê bình cay nghiệt, thì người đó không thoát khỏi tội lỗi. Người đó trở nên giao kết với tội lỗi và sai lầm. Thậm chí nếu người đó khiển trách hoặc vu cáo một vị tu sĩ đời bại, không có giới luật và biết rằng vị đó là một người như vậy, thì người đó vẫn không tránh được lỗi lầm. Mỗi từ ngữ nói ra để chỉ trích một ai đó đều đưa đến/được liệt kê vào lời nói độc ác (*pharusavācā*).

Trong câu vấn đạo của mình, những cư sĩ đã nhắc rằng sẽ có những trường hợp mà những người khác biết chắc chắn rằng vị tu sĩ là không có giới hạnh, và họ có thể phát biểu những lời gièm pha để ngăn chặn, tẩy bỏ loại tu sĩ như vậy. Tuy nhiên, rất khó để biết được một tu sĩ có phải là không có giới hạnh hay không phải. Có những điểm vi tế và thâm sâu trong Luật (*Vinaya*) cần nên được xem xét. Trong những trường hợp phán quyết những vi phạm có liên quan đến những trọng tội (tức là bốn Bất Cộng Trụ) trước Tăng chúng, những thẩm phán gặp nhiều khó khăn lớn, và phải xem xét những khía cạnh khác nhau để đưa đến lời tuyên án chính xác. Thậm chí những tu sĩ thông suốt Luật (*Vinaya*) cũng gặp khó khăn trong việc tuyên án một tu sĩ là đời bại, không có giới luật trong những trường hợp như vậy.

Năm bộ sách Luật (*Vinaya*) và những Sớ Giải có liên quan trình bày vô số những hướng dẫn để bảo đảm rằng một vị tu sĩ vô tội sẽ thoát được những phán quyết sai lầm. Khi một vụ kiện tụng có liên quan đến những trọng tội, các vị thẩm phán phải nghe và kiểm định lời khai báo và trình bạch của hai phía rất kỹ càng. Nếu những lời cáo buộc là sai, các vị phải tuyên bố bị cáo là vô tội. Các vị phải không được tuyên bố bị cáo là có tội nếu có bất kỳ sự hoài nghi chính đáng nào. Sự ngờ vực không được xem là bằng

chúng. Tại phiên xử, các bị cáo được phán quyết là vô tội nếu không có bằng chứng thuyết phục.

Trong quá trình tuyên bố phán quyết, các thẩm phán được chỉ đạo phải tìm kiếm những chi tiết, tình huống có tính làm giảm nhẹ hình phạt cho vị tu sĩ bị cáo. Chỉ khi nào những yếu tố này bị thiếu vắng, các vị mới phải tuyên án ‘vi phạm trọng tội’. Lúc đó, vị tu sĩ bị cáo mới thật sự trở thành đồi bại, không có giới luật theo các điều luật của Luật (*Vinaya*). Ba vị thẩm phán phải nghiên cứu vụ kiện một cách riêng biệt, phải kiểm định các nhân chứng và bằng chứng. Nếu một thẩm phán không thể tìm ra những tình huống có tính làm giảm nhẹ hình phạt để có thể xóa bỏ đi việc vi phạm trọng tội, vị đó phải gửi bị cáo đến một thẩm phán khác để kiểm định thêm. Vị thẩm phán thứ hai, nếu chỉ tìm thấy những yếu tố phạm tội, phải không được tuyên bố vị đó phạm tội, mà phải gửi vị đó đến vị thẩm phán thứ ba. Mục đích là để tìm ra những yếu tố vô tội và những tình huống làm giảm nhẹ vì tuyên án phạm tội đòi hỏi trách nhiệm vô cùng lớn lao ở phía các vị. Bị cáo, nếu bị kết tội, thì đã vi phạm điều luật nghiêm trọng nhất trong giới luật. Do đó, những vụ kiện như vậy đòi hỏi trách nhiệm nặng nề của tất cả những ai có liên quan. Nếu những thẩm phán không tìm ra được những tình huống có tính làm giảm nhẹ tội, các vị nên yêu cầu bị cáo nên trú một nơi thanh vắng để thực hành thiền chỉ tịnh và thiền minh sát. Rồi các vị phải nên hỏi thăm về trạng thái tinh thần của bị cáo. Những khuấy động xúc cảm, nếu có, cần nên được làm tĩnh lặng xuống thông qua việc hành thiền. Sau sự thực hành này, các thẩm phán phải ca tụng hành động có phẩm hạnh này của vị tu sĩ bằng những ngôn từ tốt đẹp và phóng thích vị đó để phát triển những giới hạnh khác. Tất cả phải nên hoan hỷ trong sự nỗ lực của sự tập trung hoặc việc phát triển sự tĩnh lặng.

Quyết định vi phạm tội đôi bại (tức là vi phạm một trong bốn tội Bất Cộng Trụ) là cả tế nhị, tinh tế và rất khó khăn. Thậm chí sau khi kiểm định kỹ càng, các chuyên gia về Luật (*Vinaya*) vẫn tìm thấy nhiều trường hợp bên rìa mà các vị không thể quyết định rõ ràng được. Phán quyết một tu sĩ vi phạm một trong bốn tội Bất Cộng Trụ và do đó, gán cho vị đó danh hiệu một tu sĩ đôi bại, không có giới hạnh, là một hành động vô cùng nặng nề. Do đó, các thẩm phán miễn cưỡng thực hiện những tuyên bố dứt khoát. Tại sao? Nếu các vị xử phán một vị tu sĩ đôi bại một cách đúng đắn, các vị thoát được sự chỉ trích và tội ác nghiêm trọng, nhưng nếu các vị tuyên bố một vị tu sĩ vốn không vi phạm một trong bốn đại trọng tội này là đôi bại, tức là không có giới hạnh, thì các vị đã hủy hoại hàng triệu những giới điều còn tồn tại trong vị tu sĩ bị cáo. Thậm chí một tu sĩ vô liêm sỉ vẫn còn duy trì trong mình những điều luật huấn luyện. Do đó, trong trường hợp này, chính những thẩm phán đã vi phạm một tội lỗi vô cùng lớn.

Tuy nhiên, các thẩm phán thoát được một tội lỗi vô cùng lớn trong việc tuyên bố một tu sĩ là vô tội (tức là không phạm vào một trong bốn đại tội này) theo ý tốt, mặc dầu vị tu sĩ đó thật sự có vi phạm tội này. Nếu các thẩm phán nghĩ rằng vị tu sĩ không vi phạm tội, các vị phải tuyên bố sự phán xét một cách tương thích<sup>1</sup>. Theo ý tốt và sự chân thật, các vị phải tuyên bố những gì các vị tin sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng. Tiến trình này được miêu tả rõ ràng trong *Sớ Giải* của Luật (*Vinaya*).

Như vậy, một tu sĩ hoặc một cư sĩ tại gia cáo buộc một tu sĩ phạm trọng tội này, tự mình mang trách nhiệm

---

<sup>1</sup> Khi các tu sĩ phán xử những vụ vi phạm luật có liên quan đến các giới Bất Cộng Trụ, các vị phải dùng những chứng cứ với tiêu chuẩn cao nhất, giống như những thẩm phán của các vụ trọng án phải chắc chắn trước khi tuyên án tử hình bị cáo.

nặng nề và những hậu quả nghiêm trọng. Nếu một tu sĩ vi phạm một trong những trọng tội này, vị đó trở thành đời bại, không có giới hạnh. Do đó, cáo buộc vị đó với những từ như ‘không có giới hạnh’ hoặc ‘đã bị đánh bại’/‘đã bị rơi rớt’ thì giống như mang cả trái đất trên đầu của mình. Bằng việc chỉ trích, lên án một tu sĩ là đời bại, không có giới hạnh, một người đang thực hiện một cáo buộc vô cùng nghiêm trọng đối với vị đó và cũng đang gánh vác một trách nhiệm vô cùng quan trọng cho chính bản thân. Do đó, những cáo buộc và vu khống nên được điều khiển bởi niệm.

Tính nghiêm trọng của sự cáo buộc hoặc chỉ trích như vậy sẽ rõ ràng từ trường hợp sau đây. Cho dầu một người vu khống hoặc xỉ vả một tu sĩ không có giới hạnh, hoặc một tu sĩ vô liêm sỉ, hoặc một tu sĩ chân chánh, người đó đều đang thực hiện một ngữ nghiệp bất thiện, được gọi là ‘nói lời độc ác’ (*pharusavācā kammāpathā*). Ngữ nghiệp bất thiện này dẫn đến tái sanh vào một trong bốn đọa xứ. Nói lời độc ác với sân hận hướng đến ba hạng tu sĩ trên sẽ dẫn người đó các đọa xứ trong kiếp sống kế tiếp.

Nếu một người nói độc ác và một cách giận dữ không chỉ để chỉ trích, lên án những tu sĩ như đã được nhắc đến ở trên, mà còn có ý định đẩy các vị đó ra khỏi Tăng chúng, thì tội ác của vị đó là loại tệ hại nhất, nặng nề nhất. Cơ bản là vị đó đang cáo buộc, chỉ trích, vu khống với mục đích gán đặt địa vị/trạng thái đời bại, không có giới hạnh cho những vị tu sĩ đó. Điều này là tệ hại và nặng nề hơn hành động vu khống đơn thuần. Điều quan trọng là như sau: cáo buộc ai đó là đời bại, không có giới hạnh sẽ dẫn đến việc tiếp nhận một trách nhiệm nặng nề cho chính mình.

Để phân loại rõ ràng hơn, các trường hợp của Trưởng lão *Koṇḍadhāna*<sup>1</sup> và Trưởng lão *Cittahattha*<sup>2</sup> nên được xem xét.

### **Câu Chuyện Về Trưởng Lão Koṇḍadhāna**

Trong thời Giáo Pháp của Đức Phật *Kassapa*, Trưởng lão *Koṇḍadhāna*<sup>3</sup> sanh ra làm một thân cây. Để thử tình bạn của hai tu sĩ thân quen với nhau, vị thần cây đã biến thành một cô gái xinh đẹp và tạo ra sự nghi ngờ giữa hai vị tu sĩ. Khi một trong hai vị tu sĩ đi vào một bụi cây để giải quyết bức bách cơ thể, cô gái đó đi theo sau và rồi đi ra cùng. Khi vị tu sĩ còn lại nhìn thấy điều này, vị đó trở nên giận dữ và ngờ vực. Do đó, vị này đã từ bỏ người bạn vì cho rằng người bạn đã là người đôi bại, không có giới hạnh. Khi lễ Bối-tát (*Uposatha*) phải được thực hiện, vị tu sĩ bạn từ chối thực hiện cùng với vị tu sĩ bị cáo buộc là đôi bại. Thậm chí khi vị tu sĩ bị cáo buộc lên tiếng bảo vệ sự vô tội của mình, vị tu sĩ bạn đã không tin vị đó. Vị tu sĩ bạn đã nói rằng chính mắt mình thấy một cô gái xinh đẹp đi ra khỏi bụi cây cùng với vị đó.

Lúc bấy giờ, vị thần cây, chứng kiến tình nghiêm trọng của hành động bất chính của mình, đã hiện ra trước mặt hai người bạn và giải thích sự hành xử của mình. Mục đích của vị thần cây chỉ đơn thuần là kiểm tra sức mạnh tình bạn của hai vị, nhưng hậu quả đã quá tệ hại. Sự bất hòa đã sanh lên giữa hai người bạn, và hơn nữa, một

---

<sup>1</sup> ND: Độc giả có thể xem Chú Giải Kinh Pháp Cú, Phẩm Đao Trượng, Đại Đức Koṇḍadhāna, do Trưởng lão Pháp Minh biên dịch.

<sup>2</sup> ND: Độc giả có thể xem Chú Giải Kinh Pháp Cú, Phẩm Tâm, Chuyện Trưởng Lão Cittahatta, do Trưởng lão Pháp Minh biên dịch.

<sup>3</sup> ND: Độc giả có thể xem Chú Giải Kinh Pháp Cú, Phẩm Đao Trượng, Đại Đức Koṇḍadhāna, do Trưởng lão Pháp Minh biên dịch.

người đã cáo buộc người kia vi phạm trọng tội (tức là một tội Bất Cộng Trụ).

Khi chết đi, vị thần cây tái sinh vào địa ngục và chịu khổ đau vì nghiệp (*kamma*) tội lỗi của mình. Như vậy, vu cáo một vị tu sĩ thanh bạch là đồi bại, không có giới hạnh sẽ cho kết quả tệ như là ngũ nghịch đại tội, tức là những tội lỗi tệ hại nhất một người có thể vi phạm.

Đức Phật đã dạy: “Này các Tỳ-kheo, hai cá thể này, nếu không tự chấn chỉnh, chắc chắn sẽ chịu đau khổ trong địa ngục giống như một người mang một gánh nặng vào nhà và đặt nó xuống. Hai cá thể nào? Một người không phải là một tu sĩ lại tự xưng là tu sĩ, và một người cáo buộc một tu sĩ vô tội phạm tội Bất Cộng Trụ.” (*Itivuttaka* 48, *Āpāyika Sutta*)

Sự cáo buộc sai trái như vậy, vốn vô cùng nghiêm trọng, mang lại sự đau khổ tất yếu trong địa ngục cho người cáo buộc, giống như một gánh nặng bị mang trên đầu sẽ chắc chắn được đặt xuống khi đến nhà. Người chấp giữ tà kiến, và người vô căn cứ cáo buộc một vị tu sĩ vô tội phạm tội Bất Cộng Trụ, sau khi chết, sẽ tái sinh vào địa ngục. Trừ phi tà kiến đó được tháo gỡ, được từ bỏ, thì vị đó bám chấp vào tà kiến đó sẽ chịu khổ đau trong địa ngục. Cũng vậy, nếu một người không sám hối, cầu xin vị tu sĩ do mình cáo buộc tha lỗi, thì người cáo buộc đó sẽ rơi vào địa ngục.

Lưu ý rằng, trong văn cảnh này, thuật ngữ ‘*sīlavanta*’ (vị đó giới hạnh) chỉ cho cả một tu sĩ có giới hạnh hoàn hảo và một tu sĩ vô liêm sỉ. Nếu một tu sĩ không phải là đồi bại, tức là không phải là không có giới hạnh, thì vị đó ở đây được phân loại là vị tu sĩ có giới hạnh, tức là, giống như một vị tu sĩ có giới hạnh hoàn hảo trong thời của Đức Phật *Gotama*. Vị thần cây trong câu chuyện trên đã trở thành một tu sĩ trong thời của Đức Phật, nhưng do

bởi hành động bất chính trong quá khứ, bất kỳ vị đó đi đâu, (hình bóng của) một phụ nữ luôn đi theo vị đó. Mặc dầu vị đó không thấy (hình bóng của) người phụ nữ này đi theo sau vị đó, như những người khác lại nhìn thấy. Do đó, mọi người trở nên nghi ngờ, liên tục cáo buộc vị đó là đồi bại, không có giới hạnh. Vị đó cuối cùng chứng đạt được phẩm vị A-la-hán (*Arahant*), nhưng quả của nghiệp (*kamma*) xấu vẫn phải bị hứng chịu cho đến khi vị đó chứng đắc Vô Dư Níp-bàn (*Parinibbāna*). Trường hợp này có thể được nghiên cứu chi tiết trong các Sớ Giải của Kinh Pháp Cú (*Dhammapada*) và Tăng Chi Bộ Kinh (*Āṅguttaranikāya*).

Điểm mấu chốt cần ghi nhận là vị thần cây đó không có dụng ý sỉ nhục hoặc gán tội cho vị tu sĩ đó. Mục đích của vị thần cây chỉ là kiểm tra/thử thách tính bền vững của tình bạn. Vị thần cây không ghét bỏ, hoặc có sân hận đối với vị tu sĩ. Tuy nhiên, kết quả của hành động tội lỗi đó là rất tệ hại; hành động đó đã mang lại những kết quả nghiêm trọng trong những kiếp sống tiếp theo của vị đó. Hành động tội lỗi của vị đó trong trường hợp này là khiến cho một tu sĩ thanh bạch hiện ra là đồi bại, không có giới hạnh.

### **Câu Chuyện Về Trưởng Lão Cittahattha**

Một trường hợp khác có liên quan đến Trưởng lão *Cittahattha*. Trong thời Giáo Pháp của Đức Phật *Kassapa*, có hai vị tu sĩ nọ. Một vị có ước muốn quay lại đời sống thế tục, nhưng vị kia lại ngăn cản người bạn, nói rằng được làm một tu sĩ là một cơ hội hiếm có. Tuy nhiên, sau đó, vị đó lại nghĩ rằng nếu bạn của mình xả y, mình sẽ nhận được tất cả những vật dụng của vị đó. Do đó, vị đó đã ra sức thuyết phục người bạn hoàn tục bằng mọi cách cho đến khi người bạn xả bỏ phẩm mạo sa môn. Khi vị đó trở thành tu sĩ trong Giáo Pháp của Đức Phật

*Gotama*, do bởi những hành động tội lỗi của mình (trong quá khứ), vị đó đã chịu xấu hổ do việc hoàn tục bảy lần, và mọi người đã chỉ trích vị đó. Do đó, nghiệp quả của vị đó thật sự là tệt hại (Hãy xem Sớ Giải Pháp Cú Kinh (*Dhammapada*) để hiểu thêm chi tiết)<sup>1</sup>.

Điểm cần lưu tâm ở đây là chi đơn thuần sự thuyết phục xả bỏ phẩm mạo sa môn đã khiến cho vị tu sĩ, trong thời Giáo Pháp của Đức Phật *Gotama*, phải hứng chịu sự làm nhục do bởi hành vi/thái độ thất thường của vị đó. Hành động tội lỗi (trong quá khứ) của vị đó là ca ngợi, tán dương phẩm mạo của cư sĩ để thuyết phục người bạn của mình rời bỏ Tăng đoàn. Như vậy, chúng ta có thể hiểu được gánh nặng gắn liền với việc là một thành viên của Tăng đoàn. Không một ai nên ca tụng việc hoàn tục trước một sa-di hoặc một tu sĩ. Mọi người thậm chí không nên thuyết phục/thúc đẩy con hoặc cháu của mình từ bỏ Tăng đoàn nếu các vị đó trở thành các sa-di hoặc các tu sĩ. Mọi người không nên ca ngợi/tán dương đời sống tại gia.

Nhiều bài học có thể được ghi nhận/học hỏi từ sự kiện này. Cáo buộc hoặc chỉ trích một tu sĩ thanh bạch với chủ ý/dự tính tội lỗi, buộc tội vị đó là đồi bại/không có giới hạnh, vân vân, là những hành động mang lại những quả xấu nghiêm trọng trong hiện tại và vị lai. Giáo Pháp và Luật (*Vinaya*) của Đức Phật là duy nhất và có uy quyền vô cùng lớn. Do đó, một người chịu đau khổ vô cùng vì/do sống ngoài Giáo Pháp hàng ngàn kiếp sống. Hơn nữa, thậm chí nếu người đó đạt được phẩm mạo tu sĩ, người đó phải cam chịu gánh nặng của sự xấu hổ và những khó khăn. Người đó cũng nên lưu tâm đến những tác động cơ bản và hậu quả.

---

<sup>1</sup> ND: Độc giả có thể xem Chú Giải Kinh Pháp Cú, Phẩm Tâm, Chuyện Trưởng Lão Cittahatta, do Trưởng lão Pháp Minh biên dịch.



Ngược đãi hoặc cáo buộc một tu sĩ là đồi bại/không có giới hạnh có nghĩa là loại tà ngữ nói lời độc ác. Loại nghiệp tội lỗi này thì tương tự với chấp giữ các quan điểm dị giáo, và có những hậu quả nghiêm trọng. Người đó sẽ chịu đau khổ theo nhiều phương cách khác nhau thông qua chuỗi dài những kiếp sống.

Có một câu hỏi liên quan đến vấn đề này: “Nếu một người khiển trách, chỉ trích hoặc lên án một tu sĩ trực tiếp hoặc gián tiếp, vị đó sẽ nhận những kết quả gì?”

Có hai cách thức theo đó các hành động đáng chê trách của một người có thể được trình bày/được thể hiện: trực tiếp hướng đến cá nhân có liên quan, hoặc những sự kiện có liên quan của một hiện tượng chung thông qua những ngôn từ vô nhân tính.

### **Khiển Trách Những Cá Nhân Một Cách Trực Tiếp**

Đối với vấn đề khiển trách một cá nhân một cách trực tiếp, có hai cách: nói trực tiếp với cá nhân có liên quan, hoặc nói một cách gián tiếp. Sự khiển trách hoặc cáo buộc như vậy, trực tiếp hay gián tiếp, mang lại tai hại cho chính bản thân nếu người đó có dụng ý làm hại hoặc tấn công những người khác. Do đó, người đó nhận tai hại cả hai cách. Như vậy, trong việc chỉ trích hoặc quở trách, người đó phải tránh vu khống và những ngôn từ có tính gây hại khác, chẳng hạn như chê bai những người khác và ca tụng chính mình. Nếu tâm không có sân hận, ác ý, ganh tỵ và sự chia rẽ, và nếu sự chỉ trích được dựa trên lợi ích hỗ tương, thì một người có thể trách cứ những người khác. Trong việc đưa ra những nhận xét, người đó phải đối xử với chính bản thân và những người khác một cách không thiên vị. Sự phê bình trung thực phải được thực hiện trong vòng những hướng dẫn này.

Nếu những yếu tố này có mặt trong sự phê bình người khác, thì người đó sẽ không có sự tai hại và tội lỗi. Hơn nữa, người đó đang làm theo những chỉ dẫn của Đức Phật, vốn nói rằng: “Vị đó ca tụng người đáng được ca tụng. Vị đó chỉ trích người đáng được chỉ trích.” Do đó, việc chỉ trích hoặc khiển trách là đáng được khen ngợi nếu những yếu tố tốt đẹp có mặt trong tâm của vị đó và những chứng cứ là đúng đắn.

### **Khiển Trách Theo Ngôn Từ Chung Chung**

Chỉ trích theo ngôn từ chung chung, mà không hướng đến một ai đó cụ thể, là làm hiển lộ những lỗi lầm. Một người phải chỉ nên tấn công hoặc chỉ trích những trạng thái bất thiện, chẳng hạn như tham, sân hoặc si. Trong phương cách chỉ trích đúng đắn này, Tứ Chánh Cần nên được vun bồi:

1. Nỗ lực ngăn chặn những trạng thái bất thiện chưa sanh khởi,
2. Nỗ lực tẩy trừ những trạng thái bất thiện đã sanh khởi,
3. Nỗ lực đánh thức/kích khởi những trạng thái thiện chưa sanh khởi, và
4. Nỗ lực phát triển những trạng thái thiện đã sanh khởi.

Những trạng thái bất thiện có thể sanh khởi trong bản thân vào thời vị lai được gọi là “những trạng thái bất thiện chưa sanh khởi.” Những tội lỗi trong thời vị lai mà có thể do bản thân vi phạm thì phải được ngăn chặn bằng chính nỗ lực của bản thân. Những hành vi tội lỗi một cá nhân đã thực hiện được gọi là “những trạng thái bất thiện đã sanh khởi”. Trong số mười bất thiện nghiệp, sát sanh có được nhắc đến, nhưng loại này có liên quan đến giết chết chúng sanh hữu tình nói chung. Những bài pháp của

Đức Phật đặc biệt nhắc đến năm ác trọng nghiệp (*pañcānantariya kamma*), chẳng hạn như giết cha hoặc mẹ của mình, tức là những ác nghiệp nặng nề nhất cho quả ngay tức thì.

Trong vòng luân hồi vô tận này, số kiếp hiện hữu mà một người bình thường biết được Chánh Pháp là rất ít. Một cá nhân phải trải qua nhiều kiếp sống tại đó vô minh và si mê chiếm ưu thế. Những kiếp sống mà một người bình thường nắm giữ tà kiến là vô số kể. Do đó, ác nghiệp sát sanh có thể được thực hiện nhiều lần thậm chí trong một kiếp sống, nói gì đến số lần thực hiện những ác nghiệp như vậy trong vô số kiếp sống trong quá khứ. Nếu một người thực hiện một ác trọng nghiệp trong kiếp hiện tại, ác trọng nghiệp đó chắc chắn sẽ cho quả trong địa ngục. Những bất thiện nghiệp được thực hiện trong vô số những kiếp sống quá khứ rồi cũng sẽ cho quả của chúng.

Trong kiếp sống này cũng vậy, nhiều người đã thực hiện việc sát sanh một vài lần khi còn trẻ; điều này sẽ rõ ràng cho từng người. Những người khác thì đã thực hiện việc sát sanh trong quá khứ tuy rằng trong kiếp sống này họ đã tránh xa việc sát sanh. Hầu hết mọi người đều đã thực hiện những ác nghiệp, chẳng hạn như sát sanh, trong cả kiếp quá khứ và hiện tại.

Thân kiến mở đường cho việc vi phạm những ác nghiệp nặng nề nhất, chẳng hạn như giết cha, giết mẹ của chính mình, hoặc làm tổn thương Đức Phật. Nếu một người vẫn tin vào một linh hồn, và hoài nghi về Tam Bảo, thì trong những kiếp sống vị lai, người đó có thể sẽ giết cha hoặc mẹ của mình, tức là vi phạm tội ác nặng nề nhất và sẽ tiếp nhận quả nghiệp tệt hại nhất. Bên cạnh sát sanh, còn có thể có những ác nghiệp tệt hại khác nữa. Nếu một người phân tích chi tiết những bất thiện nghiệp khác nhau của chính mình, thì người đó khó có thể tuyên bố rằng

hành động sát sanh đã được tận diệt, cho dầu đó là loại thông thường hoặc loại nghiêm trọng. Nếu một người không giết một chúng sanh nào khác hôm nay, người đó có thể vi phạm tội ác này ngày mai, tháng sau, năm tới hoặc trong kiếp sống kế tiếp. Do đó, hãy suy ngẫm như sau: “Do bởi tà kiến và hoài nghi, tôi dĩ nhiên có thể giết cha hoặc mẹ của tôi, chia rẽ Tăng chúng, làm tổn thương Đức Phật hoặc giết vị A-la-hán.”

Dĩ nhiên, đây là “những bất thiện chưa sanh khởi” được nhắc đến ở trên. Những ác nghiệp trong vị lai và những ác nghiệp trong quá khứ hoặc trong hiện tại được phân loại thành “những bất thiện chưa sanh khởi” và “những bất thiện đã sanh khởi”, một cách tương ứng.

Tại sao một người lại vi phạm những loại ác nghiệp khác nhau này, có liên quan đến quá khứ, hiện tại và vị lai? Do bởi sự hiện hữu của thân kiến. Với tà kiến này, một người chắc chắn sẽ thực hiện những tội ác lớn và nhỏ. Thân kiến là gì? Đó là niềm tin cho rằng ngũ uẩn của bản thân là một linh hồn, một con người, một bản ngã, hoặc một thực thể. Sự ghi nhận về ‘cái tôi’ này làm sanh khởi những nghiệp (*kamma*) tệt hại nhất. Cả nghiệp (*kamma*) đã sanh khởi lẫn nghiệp (*kamma*) chưa sanh khởi đều sẽ không mất năng lực của chúng nếu thân kiến vẫn còn tồn tại. Chúng có khuynh hướng gia tăng do bởi sự hiểu biết sai lầm về bản chất của ngũ uẩn. Do đó, nếu môi trường và hoàn cảnh thuận lợi, người đó sẽ vi phạm những tội lỗi khác nhau, đâu là nặng hoặc nhẹ, vì chúng bị tà kiến thúc đẩy. Khi thân kiến được tẩy trừ, tất cả ác nghiệp quá khứ cũng như những quả tiềm tàng của chúng được hủy diệt hoàn toàn. Vô số những ác nghiệp được hủy diệt. Mười bất thiện nghiệp cũng như năm ác trọng nghiệp đều được đặt nền trên thân kiến. Thân kiến là kẻ lãnh đạo của chúng. Các ác nghiệp là những người đi theo sau của thân kiến, tức là những hậu quả của thân kiến.

Một người có thể hy vọng sẽ đoạn trừ được các tội ác, tức là sẽ giải thoát không? Nếu người đó bắt gặp được Giáo Pháp của Đức Phật trong kiếp sống này và thực hành thiền minh sát, người đó sẽ giải thoát được khỏi thân kiến, cả gốc rễ và ngọn ngành. Tất cả những tội lỗi trong quá khứ được xóa sạch, và vô số những hậu quả của chúng vốn đang đợi chờ để thể hiện ra cũng được loại bỏ. Sự tẩy trừ hoàn toàn của các tội ác là có thể có chỉ trong Giáo Pháp này mà thôi vì những phương thức đúng đắn đã được trình bày. Nhân loại đang sở hữu cơ hội hiếm hoi nhất để vượt qua tình trạng cực kỳ khó khăn này. Trong suốt thời gian Giáo Pháp này còn tồn tại, những cơ hội quý hiếm là có sẵn để đoạn diệt vô số những tội ác mới mà sẽ có thể xảy ra trong vị lai. Đức Phật đã giảng dạy rằng chánh niệm nhổ tận gốc rễ tất cả những tội ác tiềm tàng. Nếu những phương pháp thực hành và những cơ hội quý hiếm có tồn tại, đó được gọi là Giáo Pháp của Đức Phật. Giáo Pháp được xem là biến mất khi những cơ hội như vậy không còn tồn tại nữa. Mọi người nên lưu ý rằng nếu chết xảy ra trong ngày hôm nay và sự sống lại diễn ra ở một kiếp sống khác nơi mà những cơ hội này không tồn tại, thì Giáo Pháp được xem là biến mất hôm nay. Trong trường hợp này, những cơ hội trong Giáo Pháp này đã mất ngay khi người đó chết.

Mọi người nên ghi nhận và cảm kích cơ hội quý hiếm này cũng như mối nguy hại cực kỳ này. Sự ghê sợ tội lỗi cùng với nỗi lo lắng (*saṃvega*) phải được phát triển trong khi một người còn sống và Giáo Pháp vẫn còn rực sáng. Mọi người phải thực hành thiền chỉ và thiền minh sát hằng ngày với sự khẩn cấp. Theo những lời giáo huấn của Đức Phật, thì loại trừ thân kiến và hoài nghi là mục đích cao thượng nhất trong cuộc đời. Giới hạnh và thực hành thiền minh sát là thiết yếu để tẩy trừ các phiền não và những ác nghiệp. Khi một người thực hành giới hạnh và

thiền minh sát, thì sự thanh tịnh tâm và những thiện nghiệp sanh lên. Bằng những phương tiện này, người đó đạt được bốn sự nỗ lực (Tứ Chánh Cần). Những thiện nghiệp, dầu là đã sanh lên hoặc chưa sanh lên, phải được thực hiện ngay trong kiếp sống này.

### **Cốt Lõi Của Tam Tạng (Tipiṭaka)**

Chỉ có ba điểm cốt lõi trong Tam Tạng (*tipiṭaka*):

1. Thượng giới học phần (*Adhisīlasikkha*)
2. Thượng tâm học phần (*Adhicittasikkha*)
3. Thượng tuệ học phần (*Adhipaññāsikkha*).

Cốt lõi của Giáo Pháp là giới, định và tuệ. Trì giữ ngũ giới, bát giới hoặc thập giới được gọi là giới. Định có nghĩa là cận định (*upacāra samādhi*) và an trú định (*appanā samādhi*). Tuệ có nghĩa là minh sát tuệ (*vipassanā ñāṇa*), đạo tuệ (*magga ñāṇa*) và quả tuệ (*phala ñāṇa*).

Trong số ba sự thực hành cốt lõi này, giới thuộc vào loại thiện pháp đã sanh khởi vì nó đã được thực hiện và được duy trì trong hiện tại. Tuy nhiên, định và tuệ thuộc vào loại thiện pháp chưa sanh khởi. Mặc dầu nhiều người thực hành định như niệm Ân Đức Phật (*Buddhānussati*) hoặc thân hành niệm (*kāyagatā sati*), nhưng họ thường thường chỉ đạt đến giai đoạn khởi đầu với mục đích để kiếm phước. Những nỗ lực của họ không thành khẩn, không chín muồi, cho nên, thậm chí cận định cũng không chứng đắc được. Loại định vững chắc cần thiết cho giải thoát vẫn là một thiện nghiệp chưa sanh khởi. Nhiều Phật tử đếm tràng hạt và tụng kinh (*sutta*), hoặc niệm ‘vô thường, khổ, vô ngã’, nhưng họ vẫn không thể thâm nhập vào tuệ minh sát. Mặc dầu họ tích lũy phước báu, nhưng tuệ minh sát của họ vẫn là giả tạo vì nó không thể tẩy trừ được hư tưởng hoặc niềm tin sai lầm vào một cá nhân, một thực thể, một bản ngã, một linh hồn. Họ không chứng

đạt được minh sát vào những hiện tượng danh sắc hoặc những sự thật chân đế. Minh sát thật sự, tức là loại tuệ minh sát hoàn thiện và đã được phát triển tốt đẹp, không thể chứng đạt được thông qua nỗ lực sa sút và trí tuệ yếu kém. Do đó, trí tuệ của họ cũng là loại pháp thiện chưa được sanh khởi.

Thậm chí trong vấn đề giới hạnh, mà đã được liệt kê là đã được sanh khởi, nhiều người chỉ có thể duy trì nó trong những khoảng thời gian ngắn ngủi; do đó, họ chỉ chứng đạt được giới hạnh tạm thời. Họ không thể đạt đến giai đoạn toàn vẹn và vững chắc, tức là loại giới hạnh có được do cắt đứt phiền não (*samuccheda sīla*). Chỉ khi nào một người đạt được giới hạnh vững chắc, người đó mới được gọi là một người có giới hạnh thật sự, đúng nghĩa.

Về giới điều tránh sát sanh, hầu hết mọi người chỉ đạt được loại giới hạnh tạm thời. Số đông nhiều người, nếu trì hành ngũ giới hoặc chỉ giới sát sanh này, đạt được giới hạnh tốt đẹp chỉ trong một thời gian ngắn giống như tia chớp trong bóng tối. Họ đạt được sự thành tựu giới hạnh một vài lần, nhưng họ cũng đánh mất nó một vài lần. Do đó, giới hạnh của họ có đặc tính bất ổn, không trường tồn.

Điều này là có thật. Trong vô số những kiếp sống quá khứ, sự thành tựu giới hạnh tạm thời thông qua việc ngăn tránh khỏi việc sát sanh đã xảy ra thường xuyên. Trong nhiều kiếp sống quá khứ, một người đã chứng đạt được địa vị, tư cách của một người có giới hạnh. Tuy nhiên, những thành tựu về giới hạnh này, vì là tạm thời, đã không mang lại sự an toàn thật sự và toàn diện. Loại giới hạnh tạm thời này là không đáng tin cậy và chỉ là nông cạn bề mặt. Ví dụ, hôm nay một người có thể là sở hữu giới hạnh, nhưng ngày mai người đó có thể trở nên đồi bại và vô liêm sỉ vì vi phạm một giới điều. Giới hạnh chúng

đạt trong vòng một tháng chỉ để rồi mất đi vào tháng sau đó. Tính không vững chắc này cũng áp dụng cho hiện tượng sau khi chết. Trong kiếp sống này, một người có thể là cần thận, nhưng trong kiếp sống kế tiếp, người đó có thể là vô liêm sỉ. Do đó, một tu sĩ cần thận, một người tốt đẹp, có giới hạnh trong kiếp sống này có thể trở thành một kẻ trộm cướp, một sát nhân, một xạ thủ hoặc một người quái kiệt trong kiếp sống kế tiếp.

Thậm chí những bậc thánh thiện đã chứng đắc thiên (*jhāna*), và có thể bay trên không với những năng lực thần thông, vẫn có thể trở thành những kẻ trộm cướp, sát nhân, xạ thủ hoặc người quái kiệt trong những kiếp sống kế tiếp của họ. Mặc dầu họ bắt gặp, đối diện với Giáo Pháp quý hiếm này, nhưng họ lại không ghi nhận được tầm quan trọng của những cơ hội độc nhất vô nhị hiện bày. Nếu họ vẫn thỏa mãn với giới hạnh tạm thời, họ sẽ tái sanh làm ma quỷ, súc sanh, kẻ trộm cướp, sát nhân, vân vân. Họ sẽ hứng chịu đau khổ trong địa ngục do giới hạnh của họ vẫn còn tính có thể bị hỏng vỡ, tức là đặc tính của loại giới hạnh tạm thời.

Loại giới hạnh tạm thời và có thể bị hỏng vỡ này có tồn tại thậm chí ngoài Giáo Pháp của Đức Phật. Nó tồn tại một cách tự nhiên giống như thế gian và môi trường của thế gian. Nó là thông thường ở mọi nơi và mọi lúc. Nó thậm chí có tồn tại ở những vũ trụ khác nơi mà chưa từng có Đức Phật xuất hiện, nơi mà Giáo Pháp của Đức Phật chưa từng được tuyên thuyết tại đó. Có vô số những vũ trụ nơi nhân loại, thiên chúng và Phạm thiên đang sinh sống tại đó mà không nhận được phúc lợi nào từ Giáo Pháp của Đức Phật cả. Nhưng những chúng sanh đó vẫn đạt được phẩm vị nhân loại, thiên chúng và Phạm thiên do bởi quả của giới hạnh tạm thời này. Tuy nhiên, giới hạnh của họ là vô thường; do đó, phẩm vị về giới hạnh của họ có thể bị rơi rớt. Điểm quan trọng là loại giới hạnh thông thường



và tạm thời này không thể được xếp loại là giới hạnh thật sự, tức là loại giới hạnh mà chỉ có trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật. Giới hạnh tạm thời thì không phải là giáo pháp thật sự. Chỉ có loại giới hạnh duy nhất, được gọi là “giới hạnh thông qua đoạn diệt phiền não” (*samuccheda sīla*), mới là giới hạnh thật, ổn định, thuộc vào Giáo Pháp của Đức Phật. Nó có nghĩa là giới hạnh không thể hỏng vỡ, giới hạnh đích thực.

### **Sự Cuồng Dại Của Những Người Si Mê**

Chúng ta không nên đánh giá quá cao giới hạnh thông thường, hơi hợt và tạm thời vì nó là bất ổn và không đích thực. Để miêu tả điều này, sự cuồng dại của những người si mê sẽ được trích dẫn ở đây. Những người có năng lực thần bí rất là hiếm có; rất khó để gặp được một người như vậy thậm chí một lần trong cuộc đời. Một lần nọ, một kẻ si mê, ngu dốt đã gặp được một người tinh thông như vậy và đã được ban cho một điều ước. Kẻ ngu dốt đó đã ước muốn có thuốc xổ, là loại thuốc thông dụng, phổ biến trong mọi gia đình. Do đó, ông ta đã mất đi cơ hội quý giá để đạt được những vật quý hiếm.

Một ngày nọ, một cư dân ngu dốt đã gặp được vua trời Đế-thích (*Sakka*). Khi vua trời ban cho ông một điều ước, ông đã ước có một que diêm và một hộp quẹt mà sẽ đánh ra lửa ngay. Vua trời đã ban cho ông những thứ đó, nhưng que diêm và hộp quẹt là những thứ thông dụng trên thế gian. Người cư dân đó đã không nhận được gì có giá trị cả.

Tại Ava, vào thế kỷ 16, một vị vua, trong lúc săn bắn, đã gặp được một người có năng lực như vậy và đã được ban tặng cho một điều ước. Vị vua ước có được một tiên nữ để ông có thể tận hưởng dục lạc cao tột. Ông đã nhận được điều ước muốn của mình, nhưng việc tận hưởng dục lạc là tầm thường. Hơn nữa, vị vua đã bị lạc và cô tiên nữ

đã biến mất. Ông chỉ đạt được sự thỏa mãn chỉ một lần và rồi chết trong rừng với tâm trí điên loạn vì thương nhớ cô tiên nữ.

Những câu chuyện ở trên chỉ rõ rằng cơ hội quý hiếm này phải cần được nắm bắt với trí tuệ và sự hiểu biết để nó trở nên có lợi ích. Khi Đức Phật đã xuất hiện và Giáo Pháp quý hiếm của Ngài vẫn còn tồn tại, người Phật tử phải không nên thỏa mãn với giới hạnh tầm thường, hạ liệt và tạm thời vì nó là không đáng tin cậy. Một người trí phải nỗ lực cố gắng để đạt được giới hạnh quý hiếm vững bền vì nó là vô giá và duy nhất. Những ai quá đề cao giới hạnh tạm thời và không bền vững thì giống như những kẻ ngu dốt ở trong những câu chuyện trên, chỉ ước muốn những thứ tầm thường khi được ban tặng cho một điều ước. Sự yếu kém và khuyết điểm của giới hạnh tạm thời phải được ghi nhận và thấu suốt.

### **Cái Gì Là Giới Hạnh Bền Vững?**

Giới hạnh đạt đến đỉnh điểm trong sự chứng đắc của tâm đạo được gọi là giới hạnh bền vững. Giới hạnh là điều kiện hỗ trợ cho Đạo. Với sự chứng đắc Đạo, giới hạnh trở nên bền vững và không thể chuyển đổi. Từ thời điểm này trở đi, một người sẽ không còn sát hại bất kỳ chúng sanh nào nữa, cho đâu là lớn hay bé, dưới bất kỳ hoàn cảnh nào. Người đó luôn luôn duy trì giới hạnh với niềm tin và trí tuệ vững vàng. Giới điều kiêng sát sanh trở nên vững bền; do đó, vị đó hoàn toàn thoát ly khỏi khổ đau trong những đọa xứ. Trong những kiếp sống vị lai, vị đó cũng sẽ không bao giờ là người vô liêm sỉ hoặc là người đồi bại. Bậc Thánh đã được thiết lập vững chắc trong giới hạnh tự nhiên và sự tốt đẹp tự nhiên, do đó không bao giờ có thể trở thành kẻ trộm cướp, sát nhân hoặc xạ thủ. Bậc Thánh không thể tái sanh vào địa ngục, làm ngạ quỷ, súc sanh hoặc A-tu-la. Do bởi giới hạnh bền vững, bậc Thánh

tránh được những hiện hữu thấp kém đó. Đây là những năng lực và phúc lợi của giới hạnh bền vững, vốn chỉ có thể chứng đạt được trong Giáo Pháp này.

Loại giới hạnh bền vững này chỉ được biết đến khi một vị Phật xuất hiện trên thế gian cho phúc lợi độc nhất đến tất cả chúng sanh, và chỉ tồn tại trong Giáo Pháp của Ngài. Đây là cốt lõi của giáo lý của Đức Phật Toàn Giác; do đó, những ai cho rằng mình đang tu tập theo Giáo Pháp của Ngài, đầu người đó là tại gia hoặc xuất gia, phải nỗ lực chứng đắc loại giới hạnh quý hiếm này. Chỉ loại giới hạnh bền vững này mới xứng đáng được tôn kính. Chúng ta không nên thỏa mãn với giới hạnh tạm thời cũng như nỗ lực chỉ đạt đến nó. Tại sao như vậy? Vì thậm chí những vị đang trì giữ cả hàng triệu giới điều của Tỳ-kheo vẫn chỉ đang sống dưới sự ảnh hưởng của giới luật tạm thời nếu họ không chứng đạt được Đạo. Thậm chí những vị tu sĩ sùng đạo và đáng kính trọng vẫn phải gánh chịu hậu quả của giới hạnh tạm thời. Sớm hay muộn, các vị cũng sẽ trở thành những kẻ trộm cướp, sát nhân và láo lếu. Hơn nữa, những người sở hữu giới hạnh tạm thời cũng sẽ phải chịu khổ đau trong địa ngục. Khi mà họ đánh giá cao và duy trì giới tạm thời, thì họ vẫn bị đổ vỡ và phải chịu ảnh hưởng những thành bại, vinh nhục khi giới tạm thời mất đi.

Do đó, khi Giáo Pháp độc nhất này của Đức Phật vẫn còn tồn tại, một Phật tử phải ghi nhận và hiểu rõ sự thiếu kém của thiện nghiệp thông thường đã sanh khởi như việc tránh xa sát sanh, tức là giới hạnh tạm thời. Một người không nên thỏa mãn với trạng thái này vì nó thiếu vắng giá trị thật sự, tức là sự tồn tại lâu dài. Giới hạnh thông thường thì giống như hóa chất Natri (sodium) bỏ trong nước, nó chỉ tỏa sáng lên một thời khắc rồi lụi tàn ngay. Thứ mà mỗi người khẩn thiết cần có là loại giới hạnh quý hiếm, trường tồn để từ đó sự trong sạch, tinh khiết về giới hạnh bền vững và thật sự sẽ được thiết lập. Sự nương nhờ

thật sự là ở trong giới hạnh bền vững. Mọi người có nhiệm vụ phải vượt qua sự kiêng tránh tạm thời không đáng tin cậy, và phải tẩy trừ đi cái khả năng trở thành không biết hổ thẹn và trở nên đồi bại do bởi những gốc rễ tệ hại vẫn còn trong tâm trí. Để đạt được giới hạnh bền vững, một người phải nỗ lực hết mình để đạt được giải thoát hoàn toàn khỏi sự vô liêm sỉ và sự đồi bại trong kiếp sống này.

Ngày nay, giới hạnh tốt thì chỉ là tức thời. Mọi nơi, những cư sĩ thiện lành thì thọ trì ngũ giới còn những tu sĩ tốt đẹp thì tự huấn luyện cả hàng triệu giới điều (*Pāṭimokkha*). Giới hạnh của cả những cư sĩ và tu sĩ này thì chỉ là giới hạnh tạm thời. Tuy nhiên, nếu họ phát triển trí tuệ để chứng đắc giới hạnh bền vững, thì họ sẽ đạt được loại thiện nghiệp mà chưa từng sanh khởi trước đây. Mỗi giới điều có thể được xếp loại là ‘tạm thời’ hoặc ‘bền vững’. Do đó, một người nên quán chiếu, suy ngẫm sâu xa vào bản chất thật sự của những thiện nghiệp đã sanh khởi trong chính mình.

### **Nhiệm Vụ Khẩn Cấp Nhất**

Ngày nay, mỗi phàm nhân đều sở hữu năm triền cái ở mức độ sâu xa. Do bởi năng lực của chúng, nhiều người vi phạm giới luật, phá vỡ nền tảng đạo đức như họ đã từng làm trong quá khứ. Đây là những triệu chứng của thời hiện tại. Đại đa số những Phật tử, tuy là tin và ghi nhận tầm quan trọng của minh sát, nhưng vẫn duy trì những triền cái trong tâm trí của họ. Thậm chí những Pháp sư, tuy rằng đang giảng dạy Diệu Pháp về ba đặc tính của đời sống, vẫn không thể tẩy trừ được năm triền cái một cách hoàn toàn. Phiền não vẫn sanh lên trong tâm trí của họ; do đó, họ thiếu vắng minh sát vào bản chất vô thường, khổ và vô ngã. Con đường duy nhất để vượt qua những sai lầm tinh thần và những yếu đuối vốn có là phải thực hành thiền chỉ (*samatha*) theo sự chỉ dạy của Đức Phật. Với loại

kỷ luật, khuôn phép tinh thần này, tâm trí không định tĩnh và những suy tưởng/ý nghĩ không tập trung được đè nén. Rồi tâm trí có thể chuyển hướng về tiến trình tu tập minh sát, tức là làm hiển lộ ra những đặc tính vô thường, khổ và vô ngã.

Những triền cái gây ra phiền hà này phải nên được đè nén bằng thiền *kasīṇa*, quán tưởng sự uế trước của thân xác hoặc một đề mục nào đó. Sự nỗ lực tinh thần đè nén những tư duy sai trái được gọi là định hoặc thiền chỉ (*samatha*). Sự định tĩnh của tâm gắn chặt trên một đối tượng duy nhất là mục đích của giai đoạn phát triển tâm linh này. Giai đoạn tiếp theo hướng đến việc xuyên thấu vào bản chất thật sự của ngũ uẩn, tức là thân và tâm. Loại trí tuệ minh sát này có thể nhìn thấy được sự vô thường, tính bất toại nguyện và bản chất không bền vững của sự hiện hữu.

Hai đặc trưng này, tức là định và tuệ, tồn tại một khi Giáo Pháp của Đức Phật còn tồn tại. Sự thực hành này và mục đích của nó giúp tất cả những tín đồ loại bỏ được thân kiến, tức là niềm tin sai lầm vào một linh hồn, một bản ngã hoặc một thực thể. Tất cả những phạm nhân, vì họ vẫn còn tin vào một linh hồn hoặc một bản ngã, vẫn còn bị chi phối bởi vô minh và tham ái. Bằng cách hủy diệt đi tà kiến về một bản ngã thường hằng này, khi thời điểm chín muồi, một người cũng sẽ hủy diệt tất cả vô minh và tham ái. Nhưng khi thân kiến vẫn còn hiện hữu trong tâm trí, thì người đó không thể hoàn toàn thoát khỏi cái dấu ấn là một người vô tâm và suy đồi. Mặc dầu có đạt được giới hạnh, nhưng người đó chỉ có thể duy trì nó trong một khoảng thời gian ngắn vì bị ảnh hưởng/chi phối bởi thân kiến. Do bởi thân kiến này, người đó đã không chứng đắc được loại giới hạnh bền vững, tự nhiên. Sự thất bại trong việc chứng đắc loại giới hạnh tự nhiên và bền vững này là phải được kính sợ. Những ai không có chánh kiến nhưng

chúng đạt giới hạnh và những pháp cao thượng, dĩ nhiên sẽ sát hại một vị A-la-hán trong những kiếp vị lai hoặc vị phạm những tội ác tột cùng nhất như giết cha hoặc giết mẹ của chính mình. Hơn nữa, do bởi thân kiến, họ có thể thay đổi niềm tin của mình theo nhiều cách khác nhau, tức là chấp nhận thường kiến hoặc đoạn kiến. Những cách thức chung của hầu hết những phạm nhân là như vậy. Họ không thể tuyên bố một cách an toàn rằng họ sẽ luôn luôn tránh xa việc sát sanh. Những tiến trình tâm thức của họ vẫn luôn mở rộng đón nhận cả nghiệp tốt và nghiệp xấu. Cả hai khuynh hướng đều tồn tại trong mỗi phạm nhân, tức là người chưa thành Thánh nhân và chưa giác ngộ Tứ Thánh Đế.

Do đó, nhiệm vụ khẩn cấp nhất của mọi người là phải nỗ lực hướng đến giải thoát hoàn toàn khỏi tính vô tâm và sự đồi bại, phải đạt được giới hạnh bền vững và tự nhiên. Bắt đầu từ kiếp sống hiện tại này trong suốt Giáo Pháp của Đức Phật, một người phải kích khởi những thiện nghiệp chưa sanh khởi, tức là những thiện nghiệp như định và tuệ minh sát, bằng nỗ lực tinh thần mạnh mẽ.

Phần này giải thích về bản chất và trường hợp của những nghiệp thiện chưa sanh khởi. Đến đây là kết thúc những phương cách thực hành Tứ Chánh Cần (*Sammappadhāna*).

Nếu ai đó ước muốn chê bai hoặc chỉ trích những tu sĩ vô liêm sỉ hoặc những tu sĩ đồi bại trên phương diện vô tư, không mang tính cá nhân, thì người đó phải phát ngôn trong khuôn khổ mang ý nghĩa của Tứ Chánh Cần. Cách thức đúng đắn để chỉ trích một tu sĩ xấu xa là như sau:

Khi một ai đó thấy hoặc nghe về một tu sĩ vô liêm sỉ hoặc đồi bại, người đó phải nhìn vượt lên trên những đặc tính cá nhân, hướng đến những pháp bất thiện theo nghĩa chân đế chẳng hạn như tham, sân hoặc si. Những pháp

bất thiện như vậy được nhìn thấy hoặc nghe thấy do bởi sự xuất hiện của vô tâm và tính đố kỵ. Nếu người đó đắn đo, xem xét một cách cẩn thận, thì sự chỉ trích chỉ nên được hướng đến những trạng thái bất thiện, như được trình bày trong Sớ Giải. Phương pháp chỉ trích đúng đắn là chỉ trích sự vô tâm và tính đố kỵ chỉ trên ngôn từ chung chung. Những sự công kích phải được thực hiện trên sự hiện hữu của nhân đưa đến/gây ra tội lỗi, chứ không phải trên những cá nhân vi phạm các tội lỗi.

### **Chi Công Kích Những Pháp Bất Thiện**

Một người nên chê bai hoặc chỉ trích những pháp bất thiện như: tham là đáng xấu hổ, bần thiêu, xấu xa, hạ cấp, thô lỗ, không khéo léo. Tham chỉ tạo ra rắc rối, và do đó, nó là đáng xấu hổ. Trong kiếp sống kế tiếp, nó sẽ khiến cho một người phải chịu đau khổ trong khổ cảnh. Những sự chỉ trích như vậy phải nên được tập trung vào những pháp bất thiện mà thôi. Sự vô tâm và tính đố kỵ đương nhiên xứng đáng bị chỉ trích trên mọi phương diện.

Phương pháp tiếp theo phải được áp dụng cho chính bản thân trong mối quan hệ với những lỗi lầm của người khác. Quán chiếu lại tâm của chính mình như sau: “Tôi có hàng ngàn những hạt giống nghiệp bất thiện như vậy trong vô số những kiếp sống quá khứ cũng như trong kiếp sống hiện tại này. Tôi hoàn toàn chưa thoát khỏi sự vô tâm và tính đố kỵ. Thậm chí nếu tôi đôi lúc tích lũy được nghiệp thiện, nếu tôi trở nên tự thỏa mãn, tôi sẽ phải hứng chịu kết quả của vô số ác nghiệp quá khứ mà sẽ chắc chắn cho quả trong bốn đọa xứ. Trong những kiếp sống quá khứ, tôi chắc chắn đã tạo vô số những tội lỗi khác nhau sẽ cho quả bây giờ và về sau.” Sự quán chiếu như vậy đối với tội lỗi đã sanh khởi là nhiệm vụ của tất cả mọi người.

Tiến trình tiếp theo là như sau: “Người này đã thực hiện tội lỗi do năng lực và sự ảnh hưởng của tham, sân và si, và đã trở thành vô tâm hoặc đồi bại. Người này rất yếu kém do bởi những năng lực tội lỗi. Tại sao mọi người lại vi phạm tội lỗi? Vì họ vẫn duy trì nguồn gốc của tất cả tội lỗi; đó là thân kiến, nó luôn luôn đi cùng với những hành động tội lỗi, những hành động vô liêm sỉ và những hành động đồi bại. Chính thân kiến làm sanh lên những hành động bất thiện cho phàm nhân. Do đó, những thủ phạm thật sự là tham, sân và si, được dẫn dắt bởi thân kiến. Những tội ác ngu ngàm vẫn còn tồn tại trong tôi, và sẽ cho quả sớm hay muộn; do đó, tôi cùng thuyên với những người vô tâm, quá kiệt và đồi bại. Nếu tôi thỏa mãn với giới hạnh tạm thời, khuynh hướng bất thiện sẽ làm cho tôi trở nên vô tâm hoặc đồi bại ngày mai, tuần sau, tháng tới hoặc trong kiếp sống kế tiếp. Những tội ác này sẽ lại ảnh hưởng tôi, và tôi có thể sẽ giết cha hoặc mẹ của tôi trong tương lai do bởi thân kiến.” Đây là cách quán chiếu về tội lỗi chưa sanh khởi trong bản thân.

Phương pháp đúng đắn thứ ba để suy ngẫm và quán chiếu là như sau: “Tại sao vị tu sĩ này, trước đây vẫn duy trì đức hạnh, bây giờ lại rơi vào sự đồi bại? Ông ta đã tự thỏa mãn là một tu sĩ tốt với giới hạnh tạm thời, và đã không tu tập để phát triển nó lên giai đoạn bền vững. Đây là nguyên nhân của sự suy sụp về đạo đức của ông ta. Sự chứng đắc đạo đức tạm thời là không đáng tin cậy. Loại giới hạnh này chẳng mấy chốc sẽ biến mất giống như pháo hoa vậy. Tôi phải nỗ lực hết sức mình để chứng đắc được loại giới hạnh bền vững. Đây là nhiệm vụ tất yếu nhất của tôi.” Những sự suy ngẫm như vậy phải được thực hiện thường nhật bởi tất cả mọi người.

Phương thức suy ngẫm thứ tư là như thế này: “Vị tu sĩ này, trong lúc còn là đạo hạnh, đã thỏa mãn với nó và không tiếp tục thực hành định và tuệ như Đức Phật thuyết



giảng. Do đó, vị tu sĩ tốt và tinh cần lúc đó đã chấp nhận thân kiến, đã khiến cho ông ta thực hiện tội lỗi, dẫu to hay nhỏ. Mặc dầu ông ta là tốt trước đây, nhưng sau đó, ông ta đã thực hiện những việc xấu xa và trở nên đồi bại. Cũng vậy, nếu tôi thỏa mãn với giới hạnh tạm thời và không thực hành định và tuệ, cái thân kiến nguy hiểm này sẽ khiến cho tôi thực hiện đủ loại tội lỗi vào những ngày, những tháng, những năm và những kiếp sống trong vị lai. Tôi chắc chắn sẽ trở thành giống như vị tu sĩ đồi bại này. Thân kiến phải được tẩy trừ bởi trí tuệ.” Bằng những phương thức này, một người phải suy ngẫm về những pháp thiện chưa sanh khởi. Nếu những suy ngẫm này được tiến hành, người đó một phần nào đó đang đi theo sự thực hành của Tứ Chánh Cần.

Những tội lỗi làm phạm nhân là vô số có thể đếm được, cũng như vậy, vô số những hiểm nguy tồn tại cho phạm nhân. Thấy được những tội lỗi và những hiểm nguy làm phạm nhân, một người có tâm nhìn xa trở lên lo sợ và có cảm giác khẩn cấp. Tâm trí của người đó luôn hướng về thiền định và thiền tuệ để vượt qua những yếu kém bất kỳ khi nào người đó nhìn thấy lỗi lầm của người khác. Người đó sử dụng những sự kiện này để tự suy xét và tự chuyển hóa bản thân, và nỗ lực tột bậc để tẩy trừ những khuyết điểm của chính mình. Như vậy, mọi chuyện giúp đỡ người đó đạt được sự thành khẩn và thúc đẩy người đó hành động. Phương cách cao thượng tự chuyển hóa thông qua sự cảm kích, rung động của người có tâm nhìn xa là phương cách của những thượng nhân như các vị Bồ-tát (*bodhisatta*), những tu sĩ và những người văn minh. Đây là phương cách cổ điển, cao thượng tự phân tích bản thân.

Đạo lộ đưa đến giải thoát này là tuyệt vời. Tất cả những Bồ-tát (*bodhisatta*), trong những kiếp sống cuối cùng của mình, đều phải nhìn thấy một người già, một người bệnh và một người chết, tức là những dấu hiệu

chung cho tất cả. Hiện tượng này khiến cho các ngài cảm nhận được tính khẩn cấp và thúc đẩy các ngài xuất ly thế gian. Việc xuất gia này xảy ra vì các ngài áp dụng những sự thật đau lòng này vào chính mình và quán chiếu chúng một cách thấu suốt. Do đó, các ngài đạt được sự ghê sợ về sự hiện hữu, vì thế gian đầy những kinh hãi vốn chỉ có thể được làm hiện bày thông qua minh sát.

Trường hợp của ngài trưởng lão *Revata* là một minh họa tốt cho điểm này. Ngài *Revata*, em trai nhỏ nhất của ngài *Sāriputta*, bị cha mẹ và thân quyến thuyết phục lập gia đình sớm để tránh khỏi thành tu sĩ. Khi lễ cưới gần diễn ra, *Revata* được hướng dẫn là phải bái lễ những vị cao niên. Những vị cao tuổi này đã chúc phúc lại bằng những câu nói quen thuộc như “Chúc cháu sống lâu.” Khi vị trai trẻ *Revata* nhìn thấy một cụ già lụm khụm và ốm yếu, ngài đã trải nghiệm cảm giác ghê sợ rằng đây cũng là định mệnh của chính mình. Ngài đã áp dụng những sự thật đau lòng này cho chính mình dựa trên sự khổ đau của người khác. Sau khi ghi nhận cái viễn cảnh đáng sợ đó, ngài đã giã từ đời sống thế tục và trở thành một tu sĩ.

Cũng vậy, bất kỳ khi nào chúng ta thấy những lỗi lầm của người khác, chúng ta nên áp dụng và suy tưởng ngay về bản thân của chính mình để tạo nên cảm giác kinh sợ và sự khẩn trương. Bằng cách làm theo những phương pháp chê bai hoặc chỉ trích vô tư, không mang tính cá nhân này, bất kỳ khi nào chúng ta nghe hoặc gặp những tu sĩ vô liêm sỉ hoặc đồi bại, chúng ta hãy thực hành Tứ Chánh Cần với những lợi ích gắn liền.

### **Phương Pháp Chỉ Trích “Dhamma Saṃvega”**

Tôi (ND: ngài Ledi Sayadaw) vừa mới trình bày những hướng dẫn về phương cách đúng đắn trong việc chỉ trích những người vô liêm sỉ hoặc đồi bại mà không chỉ điểm cá nhân. Bây giờ, tôi (ND: ngài Ledi Sayadaw) cũng

sẽ nhắc đến cách chỉ trích thậm chí đi cùng với việc công kích cá nhân. Ở phương pháp này, một người có thể thậm chí nhắc tên cá nhân khi lên án hoặc chỉ trích, nhưng sự lên án hoặc chỉ trích này phải đi cùng với hai yếu tố. Yếu tố thứ nhất người thực hiện việc lên án hoặc chỉ trích người khác phải sở hữu là thái độ được gọi là ‘sự kích cảm’ (*Dhamma saṃvega*). Yếu tố thứ hai được gọi là ‘ghê sợ tội lỗi’. Những thái độ này sẽ giúp người lên án thoát khỏi những lỗi lầm khi lên án hoặc chỉ trích người khác bằng cách nêu tên cá nhân.

Ví dụ sau sẽ làm rõ vấn đề này. Nếu một người mẹ thấy đứa con nhỏ của mình chơi đùa với những thứ dơ bẩn như phấn chẳng hạn, bà ta sẽ ngay lập tức chạy lại để tẩy sạch những thứ dơ bẩn đó khỏi thân thể của đứa bé. Tuy rằng bà ta chẳng thích phần trên người của đứa bé, nhưng bà ta vẫn thương yêu con mình và hôn lên má nó vài lần. Bà ta chỉ rửa sạch đi những thứ dơ bẩn trên cơ thể của đứa bé bằng cách đụng chạm, nắm bắt vào những thứ dơ bẩn đó và rồi liệng chúng đi. Mặc dầu đụng chạm vào phần thì chẳng thích thú gì, nhưng bà ta vẫn làm vì thương con. Bà ta vút bỏ phấn đi, nhưng dĩ nhiên là bà ta không vút bỏ đứa bé. Bà ta tắm rửa sạch sẽ đứa bé vì bà ta không thích những thứ dơ bẩn, chứ không phải vì bà ta không thích con mình.

Cũng như vậy, nếu một người thấy hoặc nghe ai đó làm những việc độc hại, người đó phải nghĩ như sau: “Những người thân quen của mình đang có những thứ dơ bẩn, uế trước trên cơ thể của họ; họ đang bị cấu uế bởi bùn đất. Thật tội nghiệp thay. Do bởi vô minh, họ đang ăn phần và đang bị ô nhiễm với những chất uế trước.” Những suy nghĩ thân thương, lo lắng và hữu ích như vậy sanh lên trong một người tốt. Tất cả nhân loại là anh chị em của nhau thậm chí khi họ thực hiện những việc tội lỗi cho dầu là nhỏ hay lớn. Do đó, người phê bình khi thấy

những tội ác nghiêm trọng của những người khác phải chỉ trích những hành động tội lỗi đó không bằng sự sân hận. Với tâm bi, người đó phải giúp đỡ những người khác gỡ bỏ những lỗi lầm của họ nếu có thể được. Nếu những nỗ lực giúp đỡ không mang lại kết quả gì, thì người đó phải phát triển tâm bi và tâm xả, giống như người mẹ, sau vô số những nỗ lực không thành công để cứu con mình bị rơi xuống giếng, đã thể hiện tâm bi và tâm xả cho đến phút cuối cùng.

Tương tự, một người thầy hoặc một người bạn phải hướng dẫn, trợ giúp và huấn luyện người học trì ngoan cố, ương ngạnh hoặc một tu sĩ xấu xa với tâm bi và trí tuệ. Sau nhiều nỗ lực nhưng không đưa đến những kết quả tích cực, tâm bi là hướng đi tốt nhất, và rồi sau cùng là tâm xả. Điểm quan trọng là phải không được có sự can thiệp của sự sân hận, phẫn nộ, phật lòng hoặc sự hối tiếc. Người đó phải chỉ công kích, chỉ trích những hành động tội lỗi, tức là những pháp bất thiện mà thôi. Người đó nên phê bình những hành vi bất thiện mà không nên để ác cảm cá nhân xen vào. Theo cách này, người thầy phê bình hoặc người cư sĩ chính trực sẽ tạo được thiện nghiệp trong việc la mắng, giáo dưỡng hoặc chỉ trích người khác, thậm chí là chỉ điểm cá nhân. Những động cơ bất thiện phải không được có mặt khi thực hành theo phương pháp chỉ trích trực tiếp này. Người chỉ trích phải không nên giận dữ với những hành vi bất thiện của người khác. Những điều trình bày ở trên giải thích phương cách chỉ trích khôn ngoan, vốn phải được thực hiện một cách có kỹ năng.

## **Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Bảy**

### **Một Tu Sĩ Vô Liêm Sĩ Có Thể Trở Nên Chu Đáo Và Cần Trọng Không?**

“Nếu một tu sĩ vô liêm sĩ trở nên ghê sợ với khổ đau trong vòng luân hồi (*samsāra*), hoặc nếu vị đó đạt được sự hổ thẹn tội lỗi, vị đó có thể trở thành một tu sĩ chu đáo và cần trọng không? Tức là việc vị đó trở thành một tu sĩ chu đáo và cần trọng có khả thi không?”

Có hai dạng tu sĩ chu đáo và cần trọng: chu đáo và cần trọng tạm thời, và chu đáo và cần trọng bền vững.

Làm thế nào một người chứng đạt được giới hạnh tạm thời đã được giải thích trong câu trả lời thứ nhất. Đối với vấn đề hoàn thành việc chứng đắc tâm linh, câu trả lời cũng đã được trình bày trong phần giải đáp cho câu hỏi thứ sáu.

Điểm chốt yếu ở đây là: sự chứng đắc giới hạnh tạm thời có liên quan đến những sát-na tâm thiện. Do đó, một tu sĩ trở thành vô liêm sĩ nếu vị đó cố ý vi phạm luật (*Vinaya*) khi biết rõ về điều luật đó. Vào ngay lúc đó, vị đó là một tu sĩ vô liêm sĩ. Nếu vị đó thanh lọc tội của mình một cách đúng đắn, vị đó lại trở thành một tu sĩ chu đáo và cần trọng. Thậm chí việc sanh khởi tác ý muốn thanh lọc ô nhiễm giới hạnh cũng làm cho vị đó trở thành chu đáo và cần trọng trở lại. Do đó, động lực của vị đó là cốt yếu.

Mặc dầu vị đó thoát khỏi những ô nhiễm cũng như tội lỗi do tâm trí chuyển đổi và hành động tự thú, vị đó vẫn chỉ sở hữu loại giới hạnh tạm thời. Giai đoạn tiếp theo quan trọng hơn nhiều. Đó là giai đoạn bền vững do bởi sự tẩy trừ hoàn toàn thân kiến. Việc hủy diệt thân kiến là thiết yếu để trở thành một vị tu sĩ chu đáo và cần trọng một cách tự nhiên.

Trong câu hỏi có nhắc đến những từ như ‘người tốt’ (*sappurisa*) và ‘người vô liêm sỉ’ (*alajjī*). Vị đó được gọi là ‘chu đáo và cẩn trọng’ nếu vị đó thanh lọc những ác pháp sanh lên tại thân môn và ngữ môn mà thôi. Một người tốt hay một tu sĩ tốt, theo ngôn ngữ chuyên môn, có nghĩa là người đã thanh lọc ý môn của mình, tức là vị đó cũng đã thành tựu sự thanh lọc tinh thần. Do đó, chỉ đơn thuần chúng đạt được địa vị ‘chu đáo và cẩn trọng’ không biểu thị ‘một người tốt’, tức là một người có tâm trí thanh lọc.

Điểm cốt yếu là: những giới luật (*Vinaya*) nếu được hành trì chỉ ngăn trừ những tội lỗi trên phương diện thân và ngữ mà thôi. Sự thanh lọc tâm không được hướng dẫn hoặc chỉ dạy trong Luật (*Vinaya*), và không có vi phạm nào sanh lên nếu chỉ những ác ý xuất hiện. Những văn bản trong Luật (*Vinaya*) tuyên bố rõ ràng rằng không có vi phạm nào xảy ra tại ý môn cả. Không có dạng thú tội nào được tìm thấy trong Luật (*Vinaya*) dành cho những sai lầm tinh thần. Không có quy tắc hay quy định nào dành cho việc kỷ luật tinh thần được trình bày trong Luật (*Vinaya*) cả.

Do đó, mỗi tu sĩ, nếu nghiên cứu và thực hành những điều luật (*Vinaya*) một cách cẩn trọng, đạt được phẩm hạnh tốt về thân và ngữ. Bằng cách từ bỏ những hành vi tội lỗi thô thiển này, một người có thể trở nên chu đáo và cẩn trọng. Tuy nhiên, vô số những lỗi lầm và sai sót tinh thần, vốn không phải là những vi phạm về Luật (*Vinaya*), vẫn còn đó và cần được tẩy trừ. Chúng là những trạng thái tội lỗi và bất thiện. Một người tốt cần phải thực hành những đức hạnh của một người tốt mà tôi (ND: ngài Ledi Sayadaw) đã trình bày ở trước. Chỉ khi những yếu tố đó chiếm ưu thế và hiện bày thì một tu sĩ hay một cư sĩ mới có thể được xếp loại là một người tốt.

## **Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Tám Và Thứ Chín**

### **Cư Sĩ Có Nên Học Và Nghiên Cứu Luật (Vinaya) Không?**

“Cư sĩ có nên học Luật (*Vinaya*) không? Điều này có theo đúng với Pháp Hạnh Phúc (*Maṅgala Dhamma*) không vì trong đó có khuyên mọi người nên được huấn luyện tốt, tức học hỏi đầy đủ về giới luật (*vinayo ca susikkhito*)? Những hậu quả tốt hoặc xấu của hành động này là gì? Xin Ngài từ bi cung cấp dẫn chứng hoặc ví dụ để minh chứng cho câu trả lời. Một tu sĩ có nên giảng dạy giới luật xuất gia cho người cư sĩ không? Những hậu quả tốt hoặc xấu của hành động này là gì? Xin Ngài trình bày dẫn chứng.”

Trong Hạnh Phúc Kinh (*Maṅgala Sutta*), Đức Phật dạy rằng một người nên được huấn luyện tốt, hiểu biết rõ về giới luật (*Vinaya*). Ý nghĩa của Pháp Hạnh Phúc (*Maṅgala Dhamma*) này là: cư sĩ nên học hỏi giới luật của cư sĩ một cách đúng đắn và thích hợp. Đối với cư sĩ, có những quy tắc, giới điều hướng dẫn họ học tính văn minh và chúng đạt phúc lợi, chẳng hạn như những đặc tính của người tốt, nhưng quy tắc đạo đức phổ biến, những điều luật của một người tại gia, vân vân. Họ nên tìm hiểu, học hỏi và thực hành một cách khôn ngoan.

Đối với tu sĩ cũng vậy, có những giới điều về Luật (*Vinaya*) cần phải biết và hành trì để những yếu tố trở thành một tu sĩ chu đáo, cẩn trọng và tốt đẹp được chúng đặc một cách trọn vẹn. Mục đích của việc học hỏi giới luật là để làm cho một vị tu sĩ trở thành chu đáo, cẩn trọng và tốt đẹp. Cho nên, quy tắc đạo đức của tu sĩ là dành cho những người xuất gia và khác với quy tắc đạo đức của người tại gia. Mỗi nhóm phải tuân thủ theo quy tắc đạo

đức thích hợp tương ứng. Hàng tại gia phải hành theo những giới điều để trở thành đạo đức và tốt đẹp, và hàng xuất gia phải hành theo Luật (*Vinaya*), không vi phạm giới điều nào, cho dầu là chỉ một phần hoặc là toàn bộ. Không nên xem thường bất kỳ ô nhiễm nào. Điều này có nghĩa là sự trì hành đúng đắn và trọn vẹn theo Luật (*Vinaya*) để những phúc lợi được chứng đắc đầy đủ cho cả đời này và các kiếp sống về sau. Vì những phúc lợi sanh lên cho các tu sĩ, cho nên, nó được gọi là một phúc lợi. Câu kinh này không có nghĩa là hàng cư sĩ phải cần, phải nên học Giới Luật (*Vinaya*) của tu sĩ để đạt được phúc lợi.

Những từ ‘được huấn luyện tốt, học hỏi đầy đủ về giới luật’ (*vinayo ca susikkhito*) được Sớ Giải của bài kinh (*Maṅgala Sutta*) giải thích như sau: Có hai loại Giới Luật (*vinaya*), một dành cho cư sĩ và một dành cho tu sĩ. Giới luật của cư sĩ là tránh mười bất thiện nghiệp. Người cư sĩ phải tránh xa mười bất thiện nghiệp này với một tâm trí trong sạch và một thái độ khiêm nhường. Với mục đích không để làm ô nhiễm đạo đức của mình, người cư sĩ trì hành những giới điều một cách trọn vẹn và trân trọng. Đây là ý nghĩa của những từ ‘được huấn luyện tốt’.

Đối với giới luật của tu sĩ, Sớ Giải giải thích rằng một tu sĩ phải tuân theo bảy phân loại giới luật với niềm tin trọn vẹn. Nếu không có khuyết điểm nào, vị đó được vinh danh là hành trì tốt đẹp. Hơn nữa, vị đó trở thành ‘được huấn luyện’ một cách thật sự ở phương diện này. Bên cạnh bảy phân loại giới luật, những điều học dành cho tu sĩ còn bao gồm tứ thanh tịnh giới. Bằng cách trì hành tứ thanh tịnh giới này, một tu sĩ có thể đạt đến giai đoạn thiêng liêng cao thượng nhất, tức là sự trong sạch trọn vẹn của quả vị A-la-hán. Nếu một người thực hành những giới điều một cách siêng năng, cần mẫn để đạt đến mục đích thánh thượng này, vị đó được gọi là ‘được huấn luyện tốt’.



Như vậy, Sớ Giải rõ ràng giải thích rằng cư sĩ phải học hỏi Luật (*Vinaya*) của cư sĩ. Còn đối với tu sĩ, thì có sự hành trì theo những quy tắc đạo đức được trình bày trong Luật Tạng (*Vinaya Piṭaka*). Nếu cả cư sĩ và tu sĩ học hỏi và thực hành những quy tắc đạo đức tương ứng, họ được gọi là ‘được huấn luyện tốt về giới luật’ (*vinayo ca susikkhito*). Lời khuyên dạy trong Hạnh Phúc Kinh (*Maṅgala Sutta*) không truyền đạt ý nghĩa là cư sĩ nên học giới luật (*Vinaya*) của tu sĩ. Cụm từ ‘được huấn luyện tốt’ không có hàm ý chỉ là sự nghiên cứu theo ý nghĩa sách vở. Kiến thức sách vở là vô ích trong lãnh vực này. ‘Được huấn luyện tốt’ cũng như ‘hiểu biết đầy đủ’ có nghĩa là thực hành, nghiêm trì trọn vẹn. Điểm chính yếu ở đây là: nếu không hành trì trọn vẹn, người đó không xứng đáng được gọi là ‘hiểu biết đầy đủ’. Kiến thức sách vở đơn thuần trở nên vô ích nếu nó không được đưa vào thực hành.

Kỷ luật, khuôn phép dành cho cư sĩ được nhắc đến rõ ràng trong Kinh Tạng (*Sutta Piṭaka*). Nói một cách ngắn gọn, cư sĩ phải tránh mười bất thiện nghiệp và vun bồi mười thiện nghiệp. Mười bất thiện nghiệp được gọi là *dasa akusala kammāpathā*. Mười thiện nghiệp được gọi là *dasa kusala kammāpathā*. Ở đây, cụm từ ‘được huấn luyện tốt về giới luật’ bao gồm hai yếu tố: thanh lọc các phiền não và tận tâm thực hành kỷ luật đạo đức. Hai yếu tố trọng yếu này nên được học hỏi và thực hành bởi giới cư sĩ.

Đối với yếu tố ‘thanh lọc các phiền não’, một người nên nghiên cứu Tăng Chi Bộ Kinh (*Aṅguttaranikāya*), Chương Mười Pháp để biết chi tiết về tâm quan trọng thiết thực. Bài giảng trong Tăng Chi Bộ Kinh (*Aṅguttaranikāya*) giải thích bốn yếu tố phiền não đưa đến việc gây vỡ giới thứ nhất: (1) Người đó tự thân mình giết; (2) người đó khuyến bảo, khuyến khích hoặc thúc đẩy người khác giết; (3) người đó ca tụng việc sát sanh;

(4) người đó tán thành với việc sát sanh. Hai yếu tố đầu tiên thì rõ ràng, không cần giải thích.

Tôi (ND: ngài Ledi Sayadaw) sẽ giải thích yếu tố ‘người đó ca tụng việc sát sanh’. Trong Phật giáo, mỗi giới điều hoặc trách nhiệm đạo đức là một vấn đề thâm thúy để hiểu biết và thực hành với trí tuệ và minh sát. Thông thường, khi thấy người khác làm giàu bằng việc buôn bán thịt, một người tâm thường sẽ thường ca tụng người làm giàu đó. Một vài người khác có thể lên tiếng ủng hộ việc sát sanh. Ca tụng việc sát sanh đưa đến hai sự ô nhiễm giới hạnh. Người đó phạm vào tội sát sanh và phiền não cũng sanh khởi. Nếu một người khác, sau khi nghe lời ca tụng đó, bước vào nghề làm ngư dân hoặc đồ tể, thì người ca tụng đã trở thành vi phạm giới sát sanh, tức là đã phạm vào giới điều “Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sanh”. Mặc dầu người đó không thực sự thực hiện việc sát sanh, nhưng ông ta đã tán thành việc sát sanh, và động lực của ông ta thúc đẩy người khác sát hại. Do đó, giống như chính người thực hiện việc sát sanh, người hỗ trợ cũng vi phạm tội sát sanh.

Tuy nhiên, ca tụng đơn thuần nhưng không xúi giục người khác thì chỉ đưa đến ô nhiễm giới hạnh, mặc dầu một người nào khác đó có thể theo lời ca tụng đó bước vào những nghề nghiệp bất thiện hoặc thực hiện những hành động bất thiện. Trong trường hợp này, người ca tụng hành động bất thiện chỉ đơn thuần làm ô nhiễm giới điều đó.

Yếu tố thứ tư là hài lòng hoặc tán thành khi nghe về việc tử hình những kẻ giết người hoặc tội phạm sau khi họ bị bắt giữ, hoặc họ bị giết chết trong khi bị truy bắt. Ở đây cũng có nghĩa là hài lòng về việc giết chết những con vật hung dữ như cọp, beo, voi hoặc rắn, vằn vằn. Những trường hợp khác bao gồm: thỏa mãn khi nghe tin về cái

chết của kẻ thù. Mong cầu, ước muốn hủy diệt sâu bọ, gián, muỗi, kiến, chuột hoặc những côn trùng khác cũng có nghĩa là sự ô nhiễm giới hạnh. Một vài người thỏa mãn hài lòng khi các súc vật bị giết hại vì họ háu ăn. Họ sẵn lòng ủng hộ và thể hiện sự thỏa mãn trong việc giết hại súc vật. Mặc dầu điều này không dẫn đến việc sát sanh, nhưng họ đã làm ô nhiễm chính mình bằng sự chấp thuận và sự chấp thuận này đã làm hỏng đi giới hạnh đạo đức.

Một vài người đưa ra lý do hoặc trình bày sự thỏa thích bằng cách nói rằng thịt và cá là để cúng dường. Chúng ta nên phân tích mỗi trường hợp một cách rõ ràng để biết được bản chất thật của vấn đề. Chúng ta phải suy ngẫm về trạng thái tâm trí của chúng ta. Những người bày tỏ sự chấp thuận việc sát sanh để cúng dường hoặc chiêu đãi tiệc nên suy ngẫm về động lực của mình. Những lãnh vực xám, không rõ trắng đen này cần phải được cân nhắc kỹ lưỡng.

Để tổ chức cho những buổi lễ, những buổi tiệc, một vài người đã tự mình thực hiện việc sát sanh, một vài người đã hoan hỷ trong việc đó, và một vài người ca tụng những hành động đó. Một vài tu sĩ muốn có vật thực thơm ngon đã mong đợi việc này. Do đó, sự sát hại thông qua những chỉ đạo gián tiếp đã được thực hiện để thỏa mãn ước muốn của những tu sĩ và khách mời. Những đồ tể và những người buôn bán tôm cá đã chờ đợi những dấu hiệu gián tiếp này từ những người phục vụ của những thí chủ ước muốn dâng cúng vật thực tươi ngon cho cả ngàn người.

Những yếu tố cho sự phạm tội liên quan đến giới điều không sát sanh được trình bày trong Sớ Giải. Yếu tố đầu tiên là: đưa ra những dấu hiệu gián tiếp hoặc gợi ý. Như vậy, trong những trường hợp được trình bày ở trên, những người phục vụ của những thí chủ đã phạm giới

hoặc đã bị ô nhiễm giới hạnh. Còn về phận sự của nghiệp bất thiện (đưa đến địa ngục), chúng ta phải xem xét tất cả những yếu tố của từng trường hợp cụ thể. Những trường hợp nằm trên đường ranh giới thì khó phán xét một cách thỏa đáng và có tính quyết định.

Nếu những người phục vụ có vi phạm tội tròn đủ, những thí chủ không thể thoát được nghiệp ác, và những vị tu sĩ và quan khách thọ dụng cũng không thoát được sự chê trách. Nếu thịt cá được cúng dường là đáng nghi ngờ trên ba phương diện: thấy, nghe và hoài nghi hành động sát sanh, thì những tu sĩ phải không được thọ dụng nó. Để được xem là được phép thọ dụng theo giới luật (*Vinaya*), thịt cá phải không có liên quan đến ba yếu tố nghi ngờ trên. Chỉ có loại thịt cá như vậy mới được Đức Phật cho phép sử dụng. Nếu một tu sĩ thọ dụng thịt cá khi có sự nghi ngờ về nguồn gốc của nó, vị đó vi phạm giới luật (*Vinaya*). Những ai cúng dường vật thực có tính nghi ngờ như vậy sẽ nhận được những kết quả trộn lẫn vì họ đã trộn lẫn nghiệp xấu và tốt vào những hành động có công đức.

### **Nghiệp Trộn Lẫn Cho Quả Trộn Lẫn**

Như đã được nhắc đến ở trên, người thực hiện các hành động với những động lực trộn lẫn nhận được những kết quả trộn lẫn. Do bởi sự rộng lượng, ông ta có được tài sản, tâm ảnh hưởng và quyền năng. Tuy nhiên, do bởi nghiệp bất thiện đi kèm, ông ta hứng chịu cái chết bất kỳ tử. Vua chúa, quan quyền giết chết ông ta để chiếm đoạt tài sản đồ sộ của ông ta, hoặc tài sản của ông ta bị trộm cướp thường xuyên, hoặc nhà cửa của ông ta bị thiêu đốt, hoặc ông ta phải hứng chịu những tật bệnh khác nhau. Tại sao lại như vậy? Khi ông ta thực hiện các nghiệp tốt trong quá khứ, những nghiệp tốt đó được kết hợp với những nghiệp xấu. Do đó, trong một chuỗi những kiếp sống, chúng sanh đó không thể có được kết quả không tì vết.

Loại nghiệp này là sự trộn lẫn giữa đen và trắng. Nói một cách khác, những thiện nghiệp đó có thể được cho là được gieo trồng với thuốc độc tại gốc của chúng. Như vậy, bốn yếu tố của bất thiện nghiệp sát sanh sẽ có mặt trong một hành động như vậy. Chúng ta nên lưu ý rằng nếu chỉ một yếu tố có mặt, thì giới hạnh bị ô nhiễm, tức là hiệu quả xấu tối thiểu nhất. Hơn nữa, người đó hủy diệt yếu tố ‘được huấn luyện tốt trong giới luật’. Đó là lý do tại sao những từ ngữ này được dùng trong Sớ Giải của Hạnh Phúc Kinh (*Maṅgala Sutta*): “Được huấn luyện tốt có nghĩa là thanh lọc các phiền não và thực hành giới hạnh một cách nhiệt tâm”<sup>1</sup>.

Một cư sĩ phải thọ trì ngũ giới bằng khả năng tốt nhất của mình. Vị đó phải biết được bản chất và những yếu tố của các thiện nghiệp và bất thiện nghiệp trong mỗi trường hợp<sup>2</sup>. Đối với giới thứ nhất, bốn yếu tố sẽ đưa đến hoặc là bất thiện nghiệp hoặc là nghiệp cực ác. Chín bất thiện nghiệp còn lại, nếu vi phạm với bốn yếu tố<sup>3</sup>, sẽ đưa đến ít nhất là bất thiện nghiệp: trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói lời đâm thọc, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, sân độc, tham lam và tà kiến. Như vậy, mười bất thiện nghiệp sẽ trở thành tổng cộng 40, với mỗi yếu tố đưa đến bất thiện nghiệp hoặc cực ác nghiệp.

Những ai kiêng tránh khỏi mỗi ác nghiệp, trong cả bốn khía cạnh/yếu tố, là những hành giả của Pháp Hạnh Phúc (*maṅgala dhamma*) “được huấn luyện tốt về giới hạnh”. Họ thật sự trở thành những người thật sự khiêm

---

<sup>1</sup> *Tattha asaṃkilesāpajjanena ācāraguṇavavattānena.*

<sup>2</sup> Cư sĩ nên cẩn thận và chu đáo áp dụng bốn yếu tố vào mỗi một trong mười bất thiện nghiệp. Việc áp dụng này sẽ làm hiển lộ ra nhiều phiền não.

<sup>3</sup> Tự thân thực hiện nó; khuyến bảo, khuyến khích, kích động người khác thực hiện nó; đồng ý, tán thành với nó; ca tụng nó.

tồn, cần trọng và tốt đẹp. Đức Phật đã chỉ dạy về mười nghiệp bất thiện với bốn yếu tố và những đặc tính của chúng. Một người phải hành trì chúng một cách hoàn thiện để thoát khỏi những ô nhiễm và bốn nghiệp ác tương ứng.

Những yếu tố thiết yếu ở trong lời chỉ dạy “tận tâm thực hành kỷ cương đạo đức” được giải thích trong bài kinh *Sigālovāda Sutta*<sup>1</sup>, vốn thường được gọi là “kỷ cương đạo đức của người tại gia”. Trong bài kinh đó, chúng ta sẽ tìm thấy những nghĩa vụ và kỷ cương đạo đức của người cư sĩ được trình bày một cách chi tiết. Giống như bài kinh Hạnh Phúc Kinh (*Maṅgala Sutta*), bài kinh *Sigālovāda Sutta* cũng nổi tiếng.

Trong đó, nghĩa vụ và trách nhiệm của con trẻ, của cha mẹ, của thầy cô, vân vân được trình bày như là kỷ cương đạo đức dành cho người tại gia; do đó, nó được gọi là giới luật (*Vinaya*) của cư sĩ. Nếu trẻ con thực hành năm phận sự đến cha mẹ, thì chúng sẽ đạt được phẩm vị của người tốt cũng như những Pháp Hạnh Phúc (*Maṅgala Dhamma*). Ngược lại, trẻ con không hoàn thành những phận sự này sẽ hủy hoại những Pháp Hạnh Phúc (*Maṅgala Dhamma*) và không đạt được phẩm vị của người tốt. Những phân tích được trình bày rõ ràng trong Số Giải. Do đó, mọi người cần hoàn thiện những nghĩa vụ đạo đức của mình và hành theo đạo lộ giới hạnh cao thượng dựa trên kiến thức và minh sát. Nếu những nghĩa vụ theo phong tục tập quán phù hợp với giáo lý trong hai bài kinh Hạnh Phúc Kinh (*Maṅgala Sutta*) và *Sigālovāda Sutta*, thì chúng cũng nên được thực hành một cách tận

---

<sup>1</sup> ND: Độc giả có thể xem Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt, Trường Bộ Kinh.

tâm. Trong hàng cư sĩ, rất hiếm có những người thực hành những nghĩa vụ phổ quát này một cách hoàn toàn.

Phần này giải thích ý nghĩa của Pháp Hạnh Phúc (*Maṅgala Dhamma*) “được huấn luyện tốt về giới hạnh” trong mối quan hệ với giới luật (*Vinaya*) của cư sĩ. Người tại gia có một quy luật đạo đức tự nhiên được gọi là ‘hạnh kiểm tốt’ (*sucarita vinaya*) và ‘phẩm hạnh’ (*ācāra vinaya*); họ nên cố gắng duy trì trọn vẹn với niềm tin và sự nỗ lực. Giới hạnh này được Đức Phật ban dạy cho hàng cư sĩ; do đó, hàng cư sĩ thật sự không cần phải học giới luật (*Vinaya*) của tu sĩ.

Tuy nhiên, những cư sĩ thông thái muốn truyền bá Giáo Pháp của Đức Phật và là những người tinh thông giới luật của chính mình, thì cần nên học giới luật (*Vinaya*) của tu sĩ. Tại sao? Những người được huấn luyện tốt trong giới hạnh của cư sĩ trở thành những người tốt thật sự; do đó, tâm trí và động lực của họ là cao đẹp. Nếu họ sống theo khuôn khổ của giới hạnh của người tại gia, thì sau khi học hỏi giới luật của tu sĩ, họ sẽ không dùng kiến thức của mình một cách không khôn khéo. Họ sẽ không làm ô nhiễm chính bản thân với những thân, ngữ và ý nghiệp bất thiện. Họ sẽ không tích lũy những động lực bất thiện và những nghiệp bất thiện vì kiến thức mới mẻ này. Sớ Giải có nhắc đến một bà-la-môn thông thái, sau khi nghe về giới luật (*Vinaya*) của tu sĩ một cách chi tiết, đã phát triển một tâm trí trong sáng và một đức tin mạnh mẽ vào Tăng đoàn. Ông đã đánh giá cao năng lực và tầm quan trọng của giới luật (*Vinaya*) vì sự hiểu biết rõ ràng đã tiết lộ ra sự sâu sắc, tính uyên thâm của nó.

Một ngày, vị bà-la-môn này đã nghe Chư Tăng tụng đọc giới luật (*Vinaya*). Ghi nhận được lợi ích của vô số những học giới này, ông đã xuất gia vào Tăng đoàn. Như vậy, thái độ và động lực cá nhân của một người là thiết

yếu để đánh giá kiến thức về các giới điều (*Vinaya*) và hạnh kiểm đạo đức phong phú của các tu sĩ.

Cách thức để một cư sĩ nghiên cứu giới luật (*Vinaya*) là: trước hết là học và thực hành giới luật (*Vinaya*) của cư sĩ; giới luật này cung cấp cho vị đó tập tục, kiến thức và sự hiểu biết. Một cư sĩ phải cống hiến toàn tâm toàn lực hành trì các quy tắc đạo đức của người tại gia. Nếu không có sự chính trực, thì mặc dầu là đã được học hỏi kỹ càng về các quy tắc đạo đức, người đó trở thành một người có đạo đức giả với giới hạnh giả tạo. Người đó trở thành một người xấu. Loại người cư sĩ này sẽ phát triển một thái độ truy tìm lỗi sau khi học giới luật (*Vinaya*) của tu sĩ. Người này chỉ thấy những lỗi lầm và sai sót của các tu sĩ và rồi sẽ chỉ trích, trách móc hoặc sỉ nhục các tu sĩ. Như vậy, chẳng có ích lợi gì cho một cư sĩ như vậy trong việc học hỏi giới luật (*Vinaya*) của tu sĩ. Vì người đó đã không học và không thực hành giới luật (*Vinaya*) của cư sĩ một cách tốt đẹp, nên người đó đã thiếu vắng đi những đạo đức nền tảng và những thái độ tinh thần khéo léo. Như vậy, học giới luật (*Vinaya*) của tu sĩ là vô ích đối với vị đó vì vị đó sẽ phê bình, chỉ trích giới hạnh của những tu sĩ ngoan cố, ương ngạnh, tức là vị đó đang can thiệp vào công vụ của những người khác. Người cư sĩ như vậy chỉ biết trích dẫn kinh luật và chỉ trích các tu sĩ, và gián tiếp tạo nghiệp xấu vì người đó thiếu vắng giới hạnh và đạo đức của một người tốt. Do bởi những khuyết điểm này, người đó đã lấy cương vị thượng đẳng, phát ngôn chỉ trích và cáo buộc. Như vậy, những ác nghiệp đã được thực hiện, phát sanh từ việc vị đó học hỏi giới luật (*Vinaya*) của tu sĩ.

Chỉ nhìn thấy hạnh kiểm xấu của một tu sĩ ngoan cố, vị đó chỉ trích vị tu sĩ, nhưng điều này lại cho những kết quả xấu. Chú tâm vào lỗi của người khác, vị đó đã không nhìn thấy được những phẩm hạnh của vị tu sĩ. Nếu vị tu sĩ không phạm vào một trong bốn giới điều Bất Cộng Trụ,



thì giới hạnh nền tảng của vị đó vẫn còn nguyên vẹn, nhưng điều này lại không được nhìn thấy bởi kẻ gièm pha. Những giới điều còn lại là hơn đến chín tỷ. Một cư sĩ có học thức thấy và khiển trách chỉ những lỗi lầm vi phạm mà thôi, chứ không phải giới hạnh nền tảng vì giới hạnh nền tảng vẫn còn tồn tại. Người phê bình thì lại không thấy được đức hạnh của giới hạnh nền tảng, mà chỉ thấy những lỗi lầm, khuyết điểm của vị tu sĩ. Do đó, tội lỗi mà người phê bình tiếp nhận trong việc chỉ trích hoặc lên án thì không phải do những lỗi lầm của người tu sĩ, mà là do phẩm mạo của vị tu sĩ, vốn vẫn còn hiện hữu<sup>1</sup>. Do đó, người phê bình đã nhận lấy vô số những tội lỗi khi phát ngôn trái ngược với sự thật (*Dhamma*) này.

Những người với một tâm trí chưa phát triển/thiếu tu tập và một tính cách yếu kém thường thấy lỗi của người khác. Điều tất yếu là họ vu khống, si nhục và dùng những lời khắc nghiệt đối với những ai phạm phải những bất thiện nghiệp. Họ khiển trách nặng nề những tu sĩ có giới hạnh yếu kém. Nếu loại cư sĩ này học giới luật của tu sĩ, họ sẽ khờ dại tích trữ những nghiệp bất thiện vì thiếu vắng sự kiểm chế. Do đó, đối với những người như vậy, học giới luật (*Vinaya*) của tu sĩ chỉ mang lại bất lợi cho họ.

Những người cáo buộc tội những tu sĩ đôi bại thông qua những bằng chứng không xác đáng sẽ chịu khổ đau giống như là họ cáo buộc một tu sĩ trung thực, chính chắn. Nếu người thực hiện việc cáo buộc đó là một tu sĩ, thì vị đó sẽ phạm tội Tăng-tàn (*saṅghādisesa*), tức là rất nặng.

---

<sup>1</sup> ND: Ý nghĩa muốn nói ở đây là, thay vì chỉ trích những vi phạm giới luật một vị tu sĩ, người cư sĩ lại đi lên án phẩm mạo của vị tu sĩ đó. Một khi bốn giới Bất Cộng Trụ chưa bị vi phạm, vị tu sĩ vẫn còn giữ nguyên phẩm mạo của mình. Việc lên án phẩm mạo một cách sai trái là nghiệp bất thiện người cư sĩ đó đã mắc phải.

Trong Luật (*Vinaya*) có ghi: “*Asuddho hoti puggalo aññataram pārajikam dhammam ajjhāpanno*”<sup>1</sup>, có nghĩa là: những ai tố cáo các tu sĩ là đồi bại thì chính họ là không trong sạch. Từ ‘đồi bại’ theo phân tích cuối cùng có nghĩa là tham lam, sân hận và tà kiến. ‘*Akkhanti*’<sup>2</sup> có nghĩa là không kiên nhẫn. ‘*Aññaṇa*’<sup>3</sup> có nghĩa là si mê (*moha*). ‘*Kosajja*’<sup>4</sup> có nghĩa lừa dối hoặc sự uế oải tinh thần. ‘*Mutṭhasati*’ có nghĩa là đãng trí, không có niệm, không có sự thấu hiểu.

## Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Mười

### Tứ Thanh Tịnh Giới

“Xin ngài hãy trình bày những yếu tố hoặc những đặc tính chi tiết của từng loại một trong Tứ Thanh Tịnh Giới (*pārisuddhi sīla*). Đối với từng loại, xin ngài hãy nêu lên đặc tính, chức năng, sự biểu hiện và nguyên nhân gây của nó.”

1. Biệt Biệt Giải Thoát Thu Thúc Giới (*Pātimokkhasaṃvarasīla*): Một tu sĩ còn là phạm nhân thì còn có thể vi phạm giới luật, và vị đó phải thú tội với quyết tâm tránh vi phạm trở lại trong vị lai. Sự trong sạch của sự chế ngự (tức là sự trong sạch của loại giới này) được thiết lập trở lại bằng hành động thanh lọc và bảo vệ vị tu

---

<sup>1</sup> ND: Câu Pāli trong nguyên tác tiếng Anh là: “*Asuddha hotipuggalo aññataram pārajikam sammāpanno*”. Nhưng chúng tôi không tìm thấy trong các ứng dụng Pāli. Thay vào đó, chúng tôi tìm thấy câu văn được trình bày ở trên.

<sup>2</sup> ND: Trong nguyên tác ghi là ‘*akhanti*’; như vậy là không đúng với ngữ pháp Pāli.

<sup>3</sup> ND: Trong nguyên tác ghi là ‘*aññaṇa*’; như vậy là không đúng với ngữ pháp Pāli.

<sup>4</sup> ND: Trong nguyên tác ghi là ‘*kossajja*’; như vậy là không đúng với ngữ pháp Pāli.

sĩ đó khỏi những hành vi sai trái trong vị lai. Để thanh lọc tội của mình, vị tu sĩ phải thành tâm hứa rằng: “Tôi sẽ không vi phạm như vậy nữa.” Một tâm trí thành khẩn như vậy cần phải có vào lúc thú tội.

2. Lục Căn Thu Thúc Giới (*Indriyasamvarasīla*): Hai yếu tố trên cũng tồn tại trong phần lục căn thu thúc giới, tức là bảo vệ sáu căn. Để thanh lọc những lỗi lầm, sai sót trong vấn đề chế ngự các căn quyền là một vấn đề vi tế và khó khăn. Một người phải dùng sự ghi nhận, tức là niệm, tại sáu môn để có được sự chế ngự và thanh lọc về đạo đức.

3. Chánh Mạng Thanh Tịnh Giới (*Ājīvaparisuddhisīla*): Hai yếu tố của sự thanh tịnh chánh mạng là:

a. Không chấp nhận và không sử dụng vật thực không được cho phép (theo Luật) cũng như những nhu yếu phẩm khác. Chỉ có vật thực và những nhu yếu phẩm khác mà được cho phép (theo Luật) mới được chấp nhận.

b. Nếu vật thực và những nhu yếu phẩm không hợp luật được chấp nhận do thiếu hiểu biết, vị tu sĩ phải nhanh chóng thanh lọc tội lỗi của mình theo những phương thức giới luật (*Vinaya*) được nhắc đến trong kinh sách, và rồi sự thanh tịnh của việc nuôi mạng sống được khôi phục lại. Chính sửa loại vi phạm này bao gồm việc từ bỏ những vật dụng không hợp luật và phải thú tội. Trong một vài trường hợp, sự trong sạch của việc nuôi mạng bị gây vỡ nhưng không đưa đến một vi phạm, thì vị tu sĩ phải xả bỏ những vật dụng không hợp luật và phải quyết tâm trì giữ sự ngăn trừ trong vị lai.

Có ba khía cạnh trong lãnh vực thọ trì loại giới này: (1) tiếp nhận tứ vật dụng theo giới luật (*Vinaya*), (2) thọ dụng chúng một cách đúng đắn, chuẩn mực, và (3) sử dụng chúng trong giới hạn của thời gian cho phép.

4. Quán Tưởng Về Thọ Vật Dụng Giới (*Paccayasannissitasīla*): Một tu sĩ phải quán tưởng khi sử dụng vật thực, y phục, trú xứ và thuốc men với ba yếu tố trên. Sự quán tưởng khéo nên được thực hiện để làm sanh khởi thái độ đầy kỹ năng và sự thấu hiểu rõ ràng. Thực hành giới hạnh rất khó và thâm sâu. Tại sao? Thông thường, một tu sĩ quán tưởng khéo về bốn vật dụng bằng cách dùng một tràng hạt, và sự thanh tịnh của loại giới này được chứng đắc. Mọi người có thể nghĩ rằng việc này khá dễ dàng. Tuy nhiên, chỉ đơn thuần đếm hạt và tụng đọc những câu chữ cùng với những ý nghĩ tốt đẹp thì không đủ để thỏa mãn hoặc hoàn thành loại giới này. Đơn thuần ghi nhận hoặc chánh niệm về tứ vật dụng tuy là cần thiết, nhưng chưa đủ. Đối với một tu sĩ, sự dính mắc vi tế vào y phục, vật thực và trú xứ rất khó để tẩy trừ cho đến có thực hiện việc tụng đọc, đếm hạt hoặc làm sanh khởi những ý nghĩ đúng đắn. Vị tu sĩ cần chánh niệm và minh sát mạnh mẽ để từ bỏ sự dính mắc vi tế này. Do đó, bất kỳ khi nào vị đó sử dụng tứ vật dụng, vị đó phải tăng cường năng lực suy chiếu ở mức cao với sự nhận biết đầy đủ. Chỉ khi nào bốn loại dính mắc diệt đi, thì loại giới này mới được chứng đạt một cách thỏa mãn. Vị đó đạt được sự thanh tịnh trong việc sử dụng tứ vật dụng sau những nỗ lực vất vả và cao quý. Do đó, đếm tràng hạt theo thói quen và chỉ tụng đọc ngôn từ không thể hoàn thành loại giới này. Vị đó phải tập trung vào toàn bộ ý nghĩa và tầm quan trọng của đoạn kinh văn *Pāli* để làm sanh khởi sự hiểu biết rõ ràng. Nếu loại hiểu biết hoặc trí tuệ này không sanh khởi, thì loại giới có liên quan đến những vật dụng không được chứng đắc. Thiếu vắng sự hiểu biết minh sát sâu sắc này, bốn loại dính mắc vẫn thống trị trong tâm trí.

Một người có thể biết loại giới này được chứng đắc hay không bằng cách nhìn vào hành vi của vị tu sĩ. Vị tu sĩ chứng đắc loại thanh tịnh giới này không có dính mắc

hoặc ham muốn gì. Vị đó không tích lũy tài sản hoặc những vật sở hữu. Vị đó không thể hiện sự dính mắc đối với những cư sĩ hộ độ. Vị đó sẽ sống ở bất kỳ loại tu viện nào, không phân biệt mùa nóng hay mùa lạnh, dưới những điều kiện khó khăn. Vị đó sẽ chấp nhận y phẩn tảo, đi khất thực, trú xứ ở gốc cây, và thuốc men hôi thối, tức là những vật dụng được Đức Phật khen ngợi, mặc dầu chúng là những loại thô thiển của một đời sống đơn giản. Nếu một tu sĩ chọn lựa những tu viện tốt đẹp, thọ dụng những vật thực thượng vị, hy vọng có trú xứ tốt, và mong đợi có được chúng, thì vị đó không chúng đắc được loại giới cao cả này, và là không trong sạch ở phương diện này. Do đó, một tu sĩ phải biết những yếu tố dẫn đến sự chứng đạt loại giới quan trọng này và phải thực hành một cách nỗ lực và có hệ thống để đạt được những yếu tố cần thiết cho sự chứng đắc.

## **Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Mười Một**

### **Những Hậu Quả Của Việc Vi Phạm Giới Hạnh Là Gì?**

“Trong Tứ Thanh Tịnh Giới, nếu một tu sĩ vi phạm Biệt Biệt Giải Thoát Thu Thúc Giới (*Pāṭimokkhasaṃvarasīla*), thì những hậu quả xấu (vị đó phải gánh chịu) là gì? Nếu vị tu sĩ trì giữ nó (một cách tốt đẹp), thì kết quả tốt là gì? Xin ngài hãy từ bi giải thích ba loại giới còn lại cùng với các kết quả tốt và hậu quả xấu có thể được/bị gây ra nếu chúng được trì giữ hoặc bị vi phạm.”

Đối với vấn đề phá giới, chúng ta phải phân biệt hai loại: phạm vào các giới bất cộng trụ, và phạm vào một trong những giới điều thuộc vào sáu nhóm còn lại. Trong số những giới điều thuộc sáu nhóm còn lại, sự phạm giới được chia ra làm hai hạng: những vi phạm dựa trên chuẩn

mục thế gian và những vi phạm dựa trên chế định của Luật (*Vinaya*).

Về tội của các giới bất cộng trụ, vị đó đã phạm tội nặng nhất trong Giáo Pháp này. Nếu vị đó vẫn còn mang y áo, vị đó được xếp loại vào hạng đôi bại. Nếu vị đó xả bỏ phẩm mạo tu sĩ, vị đó trở nên trong sạch thậm chí nếu vị đó ngay lập tức chưa xác định phẩm mạo của mình là cư sĩ, sa-di hay một ẩn sĩ ngoại đạo. Tuy nhiên, nếu vị đó vẫn duy trì làm một tu sĩ đôi bại trong Tăng đoàn, thì những tội lỗi nghiêm trọng phát sanh cho vị đó như được nhắc đến trong *Aggikkhandopama Sutta*<sup>1</sup>, *Ādittapariyāya Sutta*<sup>2</sup>, *Piṇḍola Sutta*<sup>3</sup> và vân vân. Thanh Tịnh Đạo (*Visuddhimagga*) cũng có giải thích chi tiết tính nghiêm trọng của việc vô đạo đức này. Ngày qua ngày, vị đó tích lũy những hành vi bất chánh nghiêm trọng. Phẩm mạo đôi bại này tạo ra những ác nghiệp nặng nề.

Chúng ta có thể trích dẫn nhiều ví dụ về những kết quả tệ hại dành cho những tu sĩ đôi bại. Một vài tu sĩ đôi bại trong thời của Đức Phật *Kassapa*, sau khi chết đi nhưng không chịu xả bỏ phẩm mạo tu sĩ, đã tái sanh làm ma đói tại núi *Gijjhakūṭa* (núi Kỳ-xà-quật). Họ đã hứng chịu đau khổ đến tận thời của Đức Phật *Gotama*. Phần *Nidānavagga Saṃyutta* của Luật Tạng ở mục giới bất cộng trụ (*pārājika*) thứ tư có nhắc đến cảnh ngộ đáng thương của họ. Điều này cũng được nhắc đến trong *Vibhaṅga*. Các giảng sư sẽ giải thích chi tiết những kinh văn này.

Đối với sáu loại vi phạm còn lại, những vị nào không trải qua sự thanh lọc cần thiết thì được xếp loại là vô liêm

---

<sup>1</sup> ND: Độc giả xem Tăng Chi Bộ, Chương Bảy Pháp, Đại Phẩm, Lửa

<sup>2</sup> ND: Độc giả xem Tương Ưng Bộ, Thiên Sáu Xứ, Phẩm Tất Cà, Bị Bốc Cháy

<sup>3</sup> ND: Độc giả xem Phật Tự Thuyết, Chương Meghiya, VI (Ud 42)

si, và đã xúc phạm kỷ luật của Đức Phật; do đó, họ cũng vi phạm tội lỗi nghiêm trọng hơn. Nếu bị gãy vỡ, giới luật (*Vinaya*) sẽ tạo ra một nguy hại được gọi là ‘*paññattikkama antarā*’, tức là nguy hại có được từ việc phá lệnh của Đức Phật. Do đó, những tu sĩ đó không thể chứng đắc được thiên định (*jhāna*), cũng như đạo quả. Hơn nữa, khi thân hoại mạng chung, họ sẽ chịu đau khổ trong địa ngục. Những tu sĩ vô liêm sỉ cũng chịu đau khổ như vậy. Chúng ta sẽ trích dẫn một ví dụ ở đây để minh chứng cho vấn đề này.

Trong Sớ Giải của Pháp Cú Kinh (*Dhammapada*), một tu sĩ đã chịu đau khổ do bởi hành vi sai trái của mình và đã tái sanh làm rồng *Erakapatta*<sup>1</sup>. Nếu họ phạm tội dựa theo các quy tắc cũng như các quy định của thế gian, thì thậm chí vi phạm những lỗi nhỏ nhặt vì không hiểu biết cũng tạo ra những kết quả xấu. Xem trường hợp của những yêu tinh *Sūciloma*<sup>2</sup> và *Kharaloma*<sup>3</sup>. Họ đã vi phạm những giới điều thông thường của thế gian và đã tái sanh làm ma quỷ và yêu tinh. Còn về quả tốt cho việc trì hành giới luật, Thanh Tịnh Đạo (*Visuddhimagga*) cũng có nhắc đến chi tiết. Hơn nữa, đại trưởng lão *Visuddhārāma* có nhắc một cách chi tiết và rõ ràng những kết quả tốt và xấu tương ứng trong *Paramatthasarūpabhedāni*<sup>4</sup>. Những kết quả tốt hoặc xấu do việc trì hành hoặc vi phạm ba loại giới còn lại cũng có thể được tìm thấy trong tài liệu đó.

---

<sup>1</sup> ND: Độc giả xem Chú Giải Kinh Pháp Cú, Phẩm Phật-đà, Long Vương *Erakapatta* do Trưởng lão Pháp Minh biên dịch

<sup>2</sup> ND: Độc giả xem Kinh Tập, Tiểu Phẩm, Kinh *Sūciloma*

<sup>3</sup> ND: *Kharaloma* là một yêu tinh (*yakkha*) khác, được nhắc đến trong Sớ Giải (*Aṭṭhakathā*) của Kinh *Sūciloma*.

<sup>4</sup> ND: Tác phẩm này được viết bằng tiếng Miến bởi Myanmar Sayadaw *Visuddhārāma*.

Trong Sớ Giải của Túc Sanh Truyện (*Jātaka*), một người vi phạm loại giới quán tưởng tứ vật dụng khi thọ thực đã chịu đau khổ trong các đọa xứ. Một tu sĩ đã tái sanh làm một con rận vì do dính mắc vào bộ y. Các chuyên gia về Luật (*Vinaya*) và những giáo thọ sư cổ xưa nói rằng sự dính mắc vào những vật dụng hợp luật (tức là được tiếp nhận và thọ dụng một cách hợp luật) không đưa đến, tức là không trở thành, những nghiệp hoàn hảo dẫn đến khổ cảnh (*akusalakammāpathā*). Do đó, trong trường hợp ở đâu, những kết quả xấu mà vị tu sĩ đã đau khổ gánh chịu là do bởi sự dính mắc và những tội lỗi khác liên quan đến luật (*Vinaya*).

## **Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Mười Hai**

### **Các Yếu Tố Của Tăng Thí (Saṅghikadāna) Là Gì?**

“Các yếu tố của việc cúng dường đến Tăng chúng (*saṅghikadāna*) là gì? Làm sao chúng ta có thể thực hiện hoặc tiến hành loại dâng cúng này?”

Kinh Phân Biệt Cúng Dường (*Dakkhiṇāvibhaṅga Sutta*) trong Trung Bộ Kinh (*Majjhimanikāya*) có nhắc đến bảy loại Tăng thí (*Saṅghikadāna*):

1. Cúng dường đến cả hai Tăng đoàn và Ni đoàn có Đức Phật dẫn đầu,
2. Sau khi Đức Phật nhập diệt (*parinibbāna*), cúng dường đến cả hai Tăng đoàn và Ni đoàn,
3. Cúng dường đến Tăng đoàn,
4. Cúng dường đến Ni đoàn,
5. Cúng dường đến những tỳ-kheo (*bhikkhu*) và tỳ-kheo ni (*bhikkhunī*) như là những đại diện của chư Tăng (*Saṅgha*),



6. Cúng dường đến những tỳ-kheo (*bhikkhu*) là những đại diện của chư Tăng (*Saṅgha*),

7. Cúng dường đến những tỳ-kheo ni (*bhikkhunī*) là những đại diện của chư Tăng (*Saṅgha*).

Khi thực hiện những sự dâng cúng như vậy, một người nên hướng tâm vào việc dâng cúng đến Tăng chúng (*Saṅgha*). Như vậy, Đức Phật đã phân loại ra bảy loại Tăng chúng (*Saṅgha*). Tăng thí (*saṅghikadāna*) này mang lại những phúc lợi vĩ đại nhất cho tất cả. Trước khi thực hiện việc dâng cúng, thí chủ nên niệm tưởng về chín ân đức của Tăng chúng (*Saṅgha*). Thí chủ nên đẩy xa ý tưởng cá nhân tuyển thí cũng như thái độ riêng tư đối với từng vị tu sĩ một, tức là phải nên xem Tăng chúng (*Saṅgha*) là đối tượng thí.

Làm sao có thể có được thái độ này? Thí chủ phải không được chọn những cá nhân theo sở thích của mình. Thí chủ phải đề nén sự thiên vị cũng như những ác cảm. Tác ý cúng dường đến Tăng chúng (*Saṅgha*) phải được tập trung vào những ân đức của Phật, Pháp và Tăng. Tránh những ưu ái cá nhân, thí chủ nên xem bất kỳ vị tu sĩ nào cũng là đại diện cho Tăng chúng (*Saṅgha*). Thí chủ nên quán tưởng rằng: “Vị đó là con của Phật, là đại diện của Tăng chúng, và do đó, vị đó đại diện cho tất cả những ân đức của năm vị đệ tử đầu tiên của Đức Phật, 60 vị A-la-hán đi truyền bá Giáo Pháp lần đầu tiên, 1000 vị A-la-hán trong rừng *Uruvela*, và những vị A-la-hán khác như ngài *Sāriputta*, *Moggallāna* và *Mahākassapa*.” Bằng cách này, thí chủ tập trung tâm trí của mình vào ân đức của toàn bộ Tăng chúng và do đó, thực hiện Tăng thí (*Saṅghikadāna*).

Sớ Giải nói rằng: “Thậm chí khi cúng dường đến những vị tu sĩ đời bại người chỉ mang y quan chổ, nhưng nếu thí chủ chú tâm vào Tăng chúng (*Saṅgha*) thì việc này

giống như là cúng dường đến 80 vị đại A-la-hán dẫn đầu bởi ngài *Sāriputta* và *Moggallāna*.” Những quả tốt đẹp người đó sẽ tiếp nhận là như nhau. Điều này là khả thi vì Tăng chúng (*Saṅgha*), những người con thật sự của Đức Phật, thấm nhuần tâm ảnh hưởng và danh dự đến tận ngày nay do bởi những ân đức đầy quyền lực. Sự cúng dường là phúc lợi to lớn không phải vì bản chất đồi bại của những tu sĩ đó, mà là vì sự trong sạch của Tăng chúng (*Saṅgha*).

Do đó, thí chủ phải chú tâm trên sự trong sạch và năng lực của Tăng chúng (*Saṅgha*) của Đức Phật. Như vậy, thậm chí khi cúng dường đến những tu sĩ đồi bại, nhưng nếu tâm trí được điều phối một cách có kỹ năng thì những phúc lợi và ảnh hưởng tốt đẹp vẫn chiếm ưu thế. Vì thế, cúng dường y phục đến những tu sĩ đồi bại trở thành cúng dường đến những vị A-la-hán trong quá khứ và hiện tại, tức là những bậc đã hoàn toàn tẩy trừ phiền não. Chính vì ý nghĩa này đã khiến cho Tăng thí (*saṅghikadāna*) có những phúc lợi cao thượng nhất. Trong việc cúng dường vật thực, trú xứ và vân vân, thí chủ phải hướng tâm đến Tăng chúng mà thôi. Như vậy, vị đó trở thành người hộ Tăng, tức là người hộ độ Tăng chúng, tất cả những vị đệ tử cao thượng của Đức Phật.

Trong việc cúng dường đến tượng Phật, mặc dầu Đức Phật đã viên tịch, hành động cúng dường đó cũng có cùng bản chất và cùng kết quả. Do đó, xây dựng tượng Phật, chùa chiền và vân vân sẽ có được danh hiệu là “người hộ trì Đức Phật”. Tâm trí nên được hướng thẳng đến sự hộ trì và cúng dường Đức Phật vốn đã viên tịch. Do đó, danh hiệu “người hộ trì Đức Phật” không có nghĩa là hộ trì hình tượng, mà là hộ trì chính Đức Phật.

Với tâm trí tôn kính Đức Phật, người đó có thể thiết lập thái độ đúng đắn trong việc Tăng thí (*Saṅghikadāna*)

thậm chí đến những vị tu sĩ bình thường. Hãy lấy ví dụ trường hợp của những người có đông con cái. Mặc dầu một vài người con có thể đã chết đi, nhưng vẫn còn những người con khác còn sống. Như vậy, khi cha mẹ chết đi, những người con còn sống vẫn kế thừa gia tài. Cũng giống như vậy, tất cả những hạng tu sĩ ngày nay thừa kế bản chất Pháp (*Dhamma*) của những đệ tử thánh thiện trong quá khứ của Đức Phật. Họ hoạt động như là những đại diện, kẻ kế thừa. Cho nên, trong những hành động cúng dường và chia sẻ phước báu, một người phải giữ hình tượng Tăng chúng (*Saṅgha*) trong tâm và dâng cúng các vật dụng đến toàn thể Tăng chúng (*Saṅghagatā*). Sự trau dồi, rèn luyện loại tâm trí này, tức là loại tâm trí quan trọng hướng đến Tăng chúng khi thực hiện việc phước thí (*Saṅghagatā citta*), là thiết yếu. Trong khi thí chủ có thể là thỉnh mời chỉ một vài vị tu sĩ, và tận tay cúng dường đến những vị đó, nhưng tâm trí của thí chủ lại hướng đến Tăng chúng (*Saṅgha*): đây được gọi là *Saṅghagatā*. Dĩ nhiên, vị đó đang cúng dường vật thí đến một vị tu sĩ nhất định nào đó, nhưng thái độ nên hướng đến Tăng chúng (*Saṅgha*). Những tu sĩ ngày nay, nếu họ biết rằng việc cúng dường đó là Tăng thí (*Saṅghikadāna*), họ sẽ sử dụng vật dụng hoặc thọ dụng vật thực một cách rất tôn nghiêm, vì họ biết rằng việc sử dụng không đúng cách sẽ khiến họ trở thành những kẻ phạm tội nghiêm trọng vì hành động đó làm tỳ vết Tăng chúng (*Saṅgha*).

Loại thứ nhất, cúng dường đến cả hai Tăng đoàn và Ni đoàn có Đức Phật dẫn đầu, có thể đạt được bằng cách cúng dường đến Đức Phật và những học trò của Ngài bằng cách tuyên bố: “Chúng con dâng cúng đến cả hai: Tăng đoàn và Ni đoàn, có Đức Phật dẫn đầu (*Buddhappamukhassa ubhatosaṅghassa dema*).” Thái độ phải là đúng đắn. Ngày nay, Đức Phật đã viên tịch (*parinibbāna*); để thực hiện loại Tăng thí

(*Saṅghikadāna*) này, thí chủ phải đặt hình ảnh của Đức Phật bao gồm xá lợi cùng với một bình bát tại một nơi phải lễ. Rồi sau khi cúng dường đến hình ảnh của Đức Phật, vật thực và các vật dụng phải được cúng dường đến các tỳ-kheo (*bhikkhu*) và các tỳ-kheo ni (*bhikkhuni*). Những hình ảnh cùng với xá lợi đại diện cho Đức Phật được dùng để duy trì sự cung kính và tôn trọng cao nhất giữa những thí chủ. Đây là trường hợp đặc biệt. Những hình ảnh thông thường của Đức Phật có thể thay thế cho Đức Phật mặc dầu có thể không có xá lợi có mặt. Thái độ, nếu là cao thượng, sẽ cho cùng kết quả.

Đối với loại Tăng thí (*Saṅghikadāna*) thứ hai, ý nghĩa là rõ ràng và không cần giải thích gì nhiều hơn.

Loại Tăng thí (*Saṅghikadāna*) thứ ba có thể đạt được bằng những sự cúng dường được thực hiện trước một ảnh Phật hay một tượng Phật với xá lợi. Thủ tục thì như trước.

Đối với việc cúng dường đến Ni đoàn (*Bhikkhuni Saṅgha*), việc đó thì bất khả thi ngày nay vì tỳ-kheo ni không còn nữa.

Bốn loại Tăng thí (*Saṅghikadāna*) ở trên luôn luôn được thực hiện bằng cách mời các tu sĩ nói chung đến thọ thực. Sự thỉnh mời phải được thực hiện với Tăng chúng (*Saṅgha*) trong tâm.

Loại Tăng thí (*Saṅghikadāna*) thứ năm, thứ sáu và thứ bảy được xếp loại chung là ‘Tăng thí với sự chỉ định’ (*Uddissaka Saṅghikadāna*). Những trường hợp thuộc loại này là như sau. Thí chủ không có đủ phương tiện/khả năng để dâng cúng đến hàng trăm tu sĩ tại một tu viện. Do đó, thí chủ thỉnh cầu vị trụ trì cho phép một vài tu sĩ đến nhận vật thực tại tư gia. Thí chủ phải không được chọn hoặc nêu tên một vị tu sĩ cụ thể nào. Từ ‘sự chỉ định’ (*uddissaka*) ở đây có nghĩa là sự chọn lựa hoặc sự chỉ định

được thực hiện bởi vị trụ trì để đại diện toàn bộ Tăng chúng (*Saṅgha*).

Trong loại Tăng thí với sự chỉ định (*Uddissaka Saṅghikadāna*) này, nếu thí chủ không làm trong sạch tâm mình, hoặc duy trì một thái độ không đúng đắn, thì nhiều tội lỗi, tai họa sẽ sanh lên nếu vị đó suy tư theo tên gọi, phẩm mạo hoặc cá nhân. Trong Sớ Giải có giải thích như sau:

“Một người nghĩ rằng: ‘Tôi sẽ thực hiện Tăng thí (*Saṅghikadāna*) và chuẩn bị thực phẩm chu đáo. Rồi vị đó đi đến tự viện và thỉnh mời một vị tu sĩ đến để nhận vật thực. Sau khi chọn lựa và phân chia trách nhiệm một cách trình tự, vị trụ trì gửi một vị sa-di đi thọ nhận. Nhìn thấy vị sa-di đại diện đến nhận, vị thí chủ thất vọng vì đang mong đợi một trưởng lão (*mahāthera*). Như vậy, niềm tin của vị thí chủ đã bị hủy hoại do thái độ sai trái đó. Nếu niềm tin của vị đó dao động, vị đó không thể đạt được sự cúng dường cao thượng nhất, tức là loại Tăng thí (*Saṅghikadāna*) này, thậm chí nếu là hài lòng khi đón nhận được một trưởng lão (*mahāthera*). Trong cả hai trường hợp (ND: tức là thất vọng khi thấy vị sa-di đại diện đến nhận vật thực và hân hoan khi thấy vị trưởng lão đại diện đến nhận vật thực), do thái độ sai trái của mình, vị thí chủ đã không duy trì được ý tưởng Tăng thí, tức là tác ý cao thượng nhất. Vào thời cổ xưa, do thí chủ thỉnh mời Tăng thí (*Saṅghikadāna*) theo cách này rất thường xuyên, cho nên các vị trụ trì hay chuẩn bị danh sách các tu sĩ đại diện một cách trình tự, bất chấp tuổi tác và địa vị của các tu sĩ.

Nếu một thí chủ thỉnh cầu vị đại diện là một tu sĩ cao lớn hạ, vị trụ trì phải từ chối lời thỉnh nguyện này. Vị trụ trì phải chỉ định vị đại diện theo thứ tự trong danh sách đã được lập sẵn. Do đó, vị thí chủ có thể tiếp nhận một vị

sa-di mặc dầu là yêu cầu được tiếp đón một vị trưởng lão (*mahāthera*). Bằng mọi cách, tác ý cúng dường đến Tăng chúng (*Saṅgha*) phải không được lay chuyển cho dầu bản chất hay phẩm mạo của vị đại diện (một tỷ-kheo hoặc một sa-di) là như thế nào.

Để thực hiện một Tăng thí (*Saṅghikadāna*), thí chủ phải trau dồi ý nghĩ “cúng dường đến Chư Tăng (*Saṅgha*)” đến mức độ cao nhất. Động lực là quan trọng cho dầu tình huống là như thế nào. Giống như ngài *Sāriputta* và ngài *Moggallāna* cùng với 80 vị đại đệ tử A-la-hán xứng đáng thọ nhận vật thực và trú xứ, Tăng chúng (*Saṅgha*) thời nay cũng đạt được cùng đặc ân đó do bởi năng lực của Tăng chúng (*Saṅgha*). Thậm chí nếu nhận được một vị sa-di đến thọ nhận vật thí, thí chủ cũng phải nên ghi nhận trong tâm rằng Tăng chúng là đối tượng thí ở trong trường hợp này, chứ không phải vị sa-di. Vị sa-di này chỉ là phương tiện cho mục đích cuối cùng, chứ không phải mục đích cuối cùng. Suy ngẫm và quán tưởng trong sự sáng suốt này, thí chủ không nên có bất kỳ thiên vị cá nhân nào trong vấn đề Tăng thí (*Saṅghikadāna*). Chỉ lúc đó, Tăng thí (*Saṅghikadāna*) cao thượng này mới được thành tựu.

Một người yếu đuối với một động lực sai trái sẽ thấy loại cúng dường này là khó nhất trên thế gian. Vị đó không duy trì được ý tưởng cúng dường đến Tăng chúng (*Saṅgha*) khi những ước muốn của vị đó không thành tựu. Thí chủ phải không được có cảm xúc hối tiếc hoặc hân hoan khi đón tiếp một vị tu sĩ cụ thể nào đó. Với một tác ý rõ ràng và sự quyết tâm vững chắc, thí chủ phải không được “nhìn mặt đặt tên”. Nếu những quy tắc này có mặt đầy đủ, thì thí chủ đạt được cơ hội Tăng thí (*Saṅghikadāna*) cao quý. Rất khó thực hiện loại cúng dường này vì tâm thức rất là khó lường.

Thậm chí nếu đón nhận một vị sa-di trẻ hoặc một vị tỳ-kheo đòi bại, thí chủ phải tiếp đón nồng nhiệt như đang tiếp đón ngài *Sāriputta* hoặc ngài *Moggallāna*. Thái độ đúng đắn này phải được đặt trên Tăng chúng cao quý mà thôi. Do đó, mọi sự cung kính và tôn trọng phải được thực hiện đối với vị tu sĩ đại diện đó. Bất kỳ định kiến hoặc thiên vị nào cũng phải nên được gỡ bỏ. Nếu thiếu đi tính vô tư hoàn toàn, tâm trí của thí chủ không thể tập trung vào những vị Thánh như ngài *Sāriputta*. Tâm trí của thí chủ dính với vị sa-di trẻ tuổi hoặc vị tỳ-kheo đòi bại mà vị đó đang cúng dường thực phẩm đến. Tâm trí của vị đó bị giới hạn vào đối tượng như vậy, khiến cho phạm vi vô hạn của tâm trí trở nên bị ô nhiễm và sự trong sáng của tâm trí bị hủy hoại.

Trong bối cảnh này, Sớ Giải có trình bày một câu chuyện khá thú vị từ thời cổ xưa. Một lần nọ, một thí chủ muốn thực hiện một Tăng thí (*Saṅghikadāna*) đến một tự viện và đã thỉnh ngài trưởng lão cho cử một vị đến tiếp nhận. Mặc dầu vị tu sĩ được cử đến là một vị tỳ-kheo đòi bại, vị thí chủ đã cung kính đón tiếp vị tỳ-kheo này và đã thực hiện việc cúng dường đến ngôi tự viện với tâm trí gắn chặt vào Tăng chúng. Vị đó đã dâng cúng vải, màn và thảm. Rồi vị đó đã cư xử, phục vụ vị tỳ-kheo đòi bại đó như là một người đang phục vụ Đức Phật. Vị đó luôn luôn đánh lễ và thành kính đối với vị tỳ-kheo. Khi bị những người khác chỉ trích, vị thí chủ đáp lại rằng mặc dầu vị tỳ-kheo đòi bại là người đại diện đến nhận, nhưng đối tượng thí ở đây chỉ là Tăng chúng. Vị đó giải thích rằng vị đó không chấp thuận những hành vi sai trái của vị tu sĩ đòi bại này; vị đó chỉ hướng tâm đến Tăng chúng cao thượng. Vị đó cúng dường đến Tăng chúng, mặc dầu vị tỳ-kheo đòi bại là người đại diện tiếp nhận. Do đó, động lực đúng và sự hiểu biết đúng đưa đến thành tựu Tăng thí (*Saṅghikadāna*), sự cúng dường cao thượng nhất.

Trong Kinh văn có ghi: “Nếu với tâm trí trong sáng và chân thành, một người tôn kính Tăng chúng cao thượng; thậm chí nếu một người cúng dường thực phẩm đến một tu sĩ đời bại, người đó thật ra đang cúng dường vật thực đến Đức Phật. Do đó, hành động đó là hành động cao thượng nhất.”

Mặc dầu câu hỏi không đề cập đến, nhưng tôi (ND: ngài Ledi Sayadaw) sẽ liệt kê ở đây danh sách theo thứ tự những đối tượng đáng được cúng dường, như được trình bày trong kinh sách. Danh sách này có mười bốn hạng theo thứ tự từ thấp đến cao: thú vật, cư sĩ không giới hạnh, cư sĩ có giới hạnh, đạo sĩ ngoài Phật giáo có chứng đắc thiên (*jhāna*), tám bậc cao thượng trong Phật giáo<sup>1</sup>, Phật Độc Giác (*paccekabuddha*) và Phật Toàn Giác. Cư sĩ có giới hạnh có nghĩa là những người không phải Phật tử nhưng có giới hạnh. Những Phật tử có giới hạnh được bao gồm trong những hạng đang cố gắng trở thành những Thánh nhân.

Sớ Giải nói rằng: “Cư sĩ có giới hạnh là đang trên đường chứng đắc Nhập Lưu nếu vị đó thực hành Đạo lộ. Như vậy, vị đó đang thực hành đúng đắn (*supatipanna*), và xứng đáng được tôn trọng và kính lễ. Nếu ai đó cúng dường vật thực đến một người sở hữu Tam Quy, thì với một tâm trí trong sáng, vị đó sẽ nhận được vô số những phúc lợi do bởi phẩm chất này. Nhiều phúc lợi tối thắng sẽ sanh lên cho người đó. Nếu một người cung kính cúng dường vật thực đến một người giữ năm giới, đây là cách tốt nhất trong số những cách cúng dường đến những cư sĩ, và mang lại vô số phúc lợi. Nếu người đó giữ mười giới, thì việc cúng dường vật thực đến người đó mang lại thậm chí nhiều phúc lợi hơn nữa. Còn việc cúng dường đến vị

---

<sup>1</sup> Tám bậc cao thượng này là: bốn hạng đang cố gắng chứng đắc bốn Đạo, và bốn hạng đã chứng đắc bốn Đạo (tức là bốn bậc Thánh)



Nhập Lưu, đây là loại siêu đẳng trong số những loại cúng dường đến hàng cư sĩ. Điểm mấu chốt cần lưu tâm ở đây là những cư sĩ với ngũ giới và có niềm tin vào Tam Bảo là những người đang trên đường trở thành những bậc Nhập Lưu. Do đó, vị cư sĩ như vậy là một người có hạnh kiểm tốt, xứng đáng được tôn kính và quý trọng.” Đây là những giải thích trong Sớ Giải. Nương theo cách tư duy và ứng xử này, chúng ta có thể đánh giá cao việc cúng dường đến những tỳ-kheo và sa-di bình thường cho đầu tình trạng đạo đức của họ là như thế nào.

Kinh sách có nhắc rằng những người không phải là Phật tử có thể được xếp loại là những cư sĩ đôi bại hoặc cư sĩ đức hạnh. Riêng về mặt này, những hạng cư sĩ, sa-di và tỳ-kheo trong Giáo Pháp không được nhắc đến. Trong Sớ Giải, sự phân loại được thực hiện cho những người trong Giáo Pháp một cách tương tự. Do đó, những tỳ-kheo và sa-di có hạnh kiểm tốt là đáng được tôn trọng và cung kính.

Tuy nhiên, câu hỏi ở đây là: “Những sa-di và tỳ-kheo vô liêm sỉ hoặc đôi bại có thể được xếp loại vào trong mười bốn hạng được nhắc đến ở trên không?” Các giáo thọ sư có những quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, trong Mi-Tiên Vấn Đáp (*Milindapañha*), đáp án được trình bày một cách rõ ràng khi nhà vua hỏi: “Sự khác nhau về đức hạnh giữa một cư sĩ đôi bại và một tu sĩ đôi bại là gì?”

“Bệ hạ, một tu sĩ đôi bại có đức hạnh cao thượng hơn một cư sĩ đôi bại theo mười cách. Những phương cách này không thể có được trong một cư sĩ đôi bại trong khi một tu sĩ đôi bại lại có đầy đủ cả mười. Chúng là gì? Một tu sĩ đôi bại sở hữu mười đức hạnh:

1. Vị đó kính lễ Đức Phật Toàn Giác
2. Vị đó kính lễ Pháp Bảo

3. Vị đó kính lễ Tăng Bảo

4. Vị đó kính lễ những bạn hữu trong đời sống phạm hạnh

5. Vị đó nghe và học Tam Tạng cùng với các Sớ Giải

6. Mặc dầu vị đó đã phá giới và sống không có giới hạnh, nhưng khi vị đó bước vào (tức là hòa nhập vào) hội chúng Tăng, thì vị đó ngay lập tức tiếp nhận phẩm mao và hành xử của những tu sĩ đức hạnh.

7. Vị đó cẩn thận với thân và ngữ nghiệp vì lo sợ những người khác chỉ trích và phê bình.

8. Tâm của vị đó hướng về định và tuệ từ góc độ của một cư sĩ. Vị đó khao khát phẩm mao của một cư sĩ tốt đẹp.

9. Vị đó vẫn được xếp loại là một tu sĩ.

10. Khi vị đó thực hiện những hành động đồi bại, vị đó làm trong bí mật. Điều đó có nghĩa là vị đó có tà (tức là sự hổ thẹn) trong tâm.

Không có điều nào trong số mười điều này có hiện hữu trong một cư sĩ đồi bại; do đó, một tu sĩ đồi bại đáng được tôn trọng hơn một cư sĩ đồi bại.”

Chúng ta đã có nhắc đến vua *Saddhātissa* của Sri Lanka; vị vua này với sự quán sát tinh khéo đã có thể tôn kính một vị tu sĩ đồi bại. Vị vua đã có thể thấy được đặc tính cao quý trong vị sư đồi bại đó, tức là tính cách biết ghê sợ bị chỉ trích và chê bai. Đặc tính duy nhất đó, như được nhắc đến trong Mi-tiên Vấn Đáp (*Milindapañha*), là nguyên nhân thứ bảy mà vị tu sĩ đó đáng được tôn trọng. Một đức hạnh khác nữa mà vị vua nhìn thấy được trong vị tu sĩ đồi bại đó là đặc tính thứ mười, tức là thực hiện những hành động sai trái một cách lén lút do bởi tà và úy. Nếu một người có thể phát hiện và đánh giá cao ít

nhất hai phẩm chất đạo đức này trong một tu sĩ đời bại thì vị đó được gọi là một người có trí. Với trí tuệ, người đó biết được năng lực của những hành vi đạo đức cao thượng này, thậm chí là trong một người xấu xa, tệ hại.

Nếu một tu sĩ đời bại vẫn xưng danh là một tỳ-kheo, thì theo nguyên tắc, vị đó vẫn là một tỳ-kheo vì, khi vị đó vẫn chưa xá y, vị đó không thể được xếp loại là một cư sĩ. Vị đó cũng không phải là một sa-di. Phẩm mạo của vị đó vẫn ở trên vị trí của một cư sĩ hoặc một sa-di. Năng lực của Giới Luật (*Vinaya*) phải được nhấn mạnh nhiều lần ở đây, nếu không nhiều người sẽ đánh giá thấp nó.

Những người chất vấn sẽ hỏi thêm câu hỏi bổ sung rằng: “Nếu vật thực được cúng dường đến một tu sĩ đời bại, việc làm đó có mang lại những kết quả phúc lợi lớn cho thí chủ không?” Điều nên ghi nhận là, đối với vị thí chủ, một tu sĩ đời bại có thể xứng đáng nhận vật dụng thông qua mười sự thanh tịnh được biết đến là ‘*dakkhinaśuddhi*’, sẽ mang lại những phúc lợi lớn lao cho người làm việc thiện.

1. Một tu sĩ đời bại mang y bát, vốn là những dấu hiệu thể hiện sự nhất tâm và tác ý muốn đoạn diệt phiền não.

2. Theo phong cách của đạo sĩ và tu sĩ, ở một chừng mức nào đó, vị đó hành xử một cách đúng đắn.

3. Vị đó vẫn còn đang ở trong sự che chở và bảo vệ của Tăng chúng (*Saṅgha*).

4. Vị đó vẫn còn duy trì Tam Quy.

5. Vị đó vẫn còn sống trong tự viện, nơi mà định và tuệ được thực hành một cách chuyên cần.

6. Vị đó tìm kiếm sự che chở của Tăng chúng (*Saṅgha*).

7. Vị đó thực hành và giảng dạy Pháp cho những người khác.

8. Vị đó nương tựa vào Tam Tạng Pháp bảo (*Tipitaka*) như là nguồn sáng trí tuệ. Tâm của vị đó nghiên hướng về Pháp bảo.

9. Vị đó tin rằng Đức Phật là bậc cao thượng và tôn quý nhất trong tam giới.

10. Vị đó trì hành một vài giới điều *Uposatha* và hạnh kiểm đạo đức.

Như vậy, những việc đáng được cung kính và trong sạch này giúp thí chủ đạt được những phúc lợi khi các tặng phẩm được dâng đến vị đó. Dâng cúng vật thực đến cho vị đó mang lại nhiều lợi ích lớn lao cho thí chủ, không phải vì lỗi lầm nghiêm trọng của vị đó, mà là do bởi mười sự trong sạch này. Sau cùng thì vị đó vẫn còn duy trì phẩm hạnh của một tu sĩ. Nếu một tu sĩ đời bại quay lại đời sống cư sĩ bằng việc thú tội và tuyên bố ra, thì vị đó xả bỏ phẩm mao tu sĩ của mình và trở thành một cư sĩ.

Một vài trường hợp có thể được trích dẫn để ghi nhận tâm quan trọng của động lực và thái độ khéo léo. Một tín nữ thấy một tu sĩ rất tệ hại, đã không tôn trọng kính lễ vị đó cũng như không cúng dường vật thực như thường lệ. Vị thầy của người tín nữ đó đã chỉ dạy cô ta như sau: “Này tín nữ, do phước lành gặp được Giáo Pháp này, mắt của con mới nhìn thấy được một tu sĩ. Chỉ hiện tượng này thôi cũng đã là một sự kiện vô cùng quý hiếm. Hãy suy ngẫm về những chuỗi dài của những kiếp sống lúc mà Giáo Pháp của Đức Phật không có tồn tại, con mắt này chẳng có cơ hội nhìn thấy được một tu sĩ thật sự đâu. Đây là cơ hội quý hiếm mà con đang được nhìn thấy một tu sĩ mang y và đi khất thực. Tại sao lại để phát sanh tham, sân và si đối với hình ảnh cao thượng và quý hiếm này. Việc nhìn thấy được một tu sĩ như thế này là phúc lợi hơn rất

nhiều so với việc đạt được vương quyền. Nó cũng cao thượng hơn quyền năng của vua trời Đế-thích (*Sakka*). Thậm chí một Phạm thiên (*brahmā*) cũng không thể đạt được cơ hội độc nhất vô nhị này vào thời mà Giáo Pháp không tồn tại. Nhìn thấy được hình dáng của một vị tu sĩ chỉ một lần cũng có năng lực hơn nhìn thấy một vị Phạm thiên (*Brahmā*). Trong vòng luân hồi (*samsāra*) vô thủy vô chung này, gặp được Giáo Pháp của Đức Phật là cực kỳ hiếm. Chỉ nhìn thấy được một tu sĩ thôi cũng là một sự kiện may mắn.”

Rồi vị thầy đã hỏi người tín nữ giá của vật thực là bao nhiêu, và làm sao có thể ước đoán được giá trị của việc nhìn thấy y áo của một tu sĩ. Thậm chí nếu cô tín nữ có yêu cầu được diện kiến vị tu sĩ bằng cách chi trả một số tiền, thì việc vị tu sĩ đến hằng ngày (để cô có thể nhìn thấy được y áo của một tu sĩ) là một việc bất khả thi. Thậm chí một số tiền rất lớn cũng không thể trao tặng cơ hội quý hiếm được nhìn thấy y áo của một tu sĩ. Do đó, vị tu sĩ đời bại này đang ban tặng cho cô ta phúc lợi cao quý nhất bằng cách làm thị hiện y áo của một tu sĩ trước mặt của cô, để rời tâm quan trọng của Giáo Pháp của Đức Phật có thể được ghi nhận. Do đó, cô tín nữ phải nên thể hiện sự tôn kính đối với vị tu sĩ đời bại này. Và từ ngày đó trở đi, do bởi lời giáo huấn tài tình này, cô tín nữ cũng đã tận tâm cúng dường vật thực đến vị tu sĩ đó. Niềm tin của cô đã trở nên trong sáng và mạnh mẽ. Thái độ đầy thiện xảo này được nhắc đến trong Mi-tiên Vấn Đáp (*Milindapañha*) như sau: “*Anavajjakavacadharaṇatāyapi dakkhinaṃ visodheti*”, tức là “vị đó đã giúp làm trong sạch vật cúng dường bằng cách mang y áo (tức là thông qua việc mang y áo) của những vị không có tội lỗi.” (Miln. 257)

Một trường hợp khác nhấn mạnh yếu tố thậm chí được nhìn thấy y áo của một tu sĩ cũng là một cơ hội quý

hiếm. Một ngày nọ, một thợ săn nhìn thấy một bộ y của tu sĩ trong một khu rừng. Vì y của tu sĩ là biểu tượng của A-la-hán, hỷ lạc và niềm tịnh tín sanh khởi cho vị đó, cho nên, vị đó đánh lễ bộ y. Sau khi chết, vị đó tái sinh lên thiên giới do bởi phước lành đó. Phước lành này, tức là với sự quán tưởng đúng đắn, được gọi là ‘sự tôn kính dành cho bộ y’ (*cīvarapūja*). Nó cũng có nghĩa là ‘tôn kính những gì đáng được tôn kính’. Vị thiên tử đó đã tái sinh làm người trong thời kỳ của Đức Phật, xuất gia vào Tăng đoàn và đã chứng đắc quả vị A-la-hán.

Trong số mười phẩm hạnh của một vị tu sĩ đời bại, một vài điều tạo ra khổ đau và nguy hại nặng nề cho vị tu sĩ ương ngạnh đó nếu vị đó không lập tức xả y trở về đời sống cư sĩ. Tuy nhiên, đối với một vị cư sĩ có cái nhìn rõ ràng thực hiện việc dâng cúng một cách có kỹ năng với sự trong sạch của một thí chủ, tất cả mười phẩm hạnh đó trở thành nhân dài hạn cho những thân, khẩu và ý nghiệp tốt đẹp.

Một người có thể hỏi: “Tại sao Đức Phật lại dạy chúng ta rằng nếu dâng cúng thực phẩm đến một tu sĩ đời bại, thí chủ chỉ nhận được những phúc lợi nhỏ bé?” Trong giáo lý về mười bốn đối tượng được dâng cúng, mức độ tăng tiến về phúc lợi là rõ ràng. Một tu sĩ cẩn trọng tốt đẹp thì giống như là một mảnh đất tốt. Điều này có thể được nhận thấy thông qua việc suy ngẫm các câu chuyện trong Pháp Cú Kinh (*Dhammapada*). Dĩ nhiên, cúng dường thực phẩm đến một tu sĩ đời bại mang lại ít phúc lợi hơn. Cúng dường thực phẩm đến một tu sĩ cẩn trọng mang lại nhiều phúc lợi hơn.

Tuy nhiên, chúng ta phải đánh giá với sự hiểu biết rõ ràng, tìm kiếm và suy ngẫm tất cả mọi khía cạnh trong quá trình thực hiện việc cúng dường. Đức Phật trình bày những chỉ dẫn cho những tình huống và điều kiện khác

nhau mà một thí chủ có thể phải đổi mặt. Trong bài kinh Phân Biệt Cúng Dường (*Dakkhiṇāvibhaṅga Sutta*: M, iii, 253), mười bốn đối tượng thí được liệt kê ra. Trước hết, cho vật thực và trú xứ đến thú vật sẽ mang lại phúc lợi 100 lần. Tặng biếu vật thực đến một người đòai bại mang lại phúc lợi 1.000 lần. Tặng biếu vật thực đến một người giới hạnh mang lại phúc lợi 100.000 lần. Tặng biếu vật thực đến một người ngoại đạo (tức là không phải là Phật tử) đã đòe nén đòe đòe (thông qua thiền chứng) mang lại phúc lợi hàng triệu lần. Phúc lợi trong việc dâng cúng vật thực đến một người đòe hạnh đòe nỗ lực đòe chứng đòe quả vị Nhập lưu là vô lượng, thì nói gì đến việc dâng cúng vật thực đến một vị Nhập lưu? Rồi thí chủ thậm chí nhận đòe phúc lợi cao đòe hơn nữa từ việc dâng cúng vật thực đến một vị đòe nỗ lực đòe chứng đòe quả vị Nhất lai, vị Nhất lai, vị đòe nỗ lực đòe chứng đòe quả vị Bất lai, vị Bất lai, vị đòe nỗ lực đòe chứng đòe quả vị A-la-hán, vị A-la-hán, Phật Đòe giác, Phật Toàn giác. Như vậy, việc cúng đòe đến một vị Phật Toàn giác mang lại những phúc lợi vĩ đòe nhất và vô lượng nhất.

Đòe với những phúc lợi vô lượng, từ ‘vô lượng’ có nhiều nghĩa tùy theo ngữ cảnh. Ví đòe, cát trong một thành phố là vô lượng, rất nhiều; cát trên toàn thế gian là vô lượng, rất nhiều. Do đòe, những từ ‘những phúc lợi vô lượng’ có nhiều nghĩa.

Trong danh sách mười bốn đối tượng thí, vật đòe dâng cúng cho mỗi đối tượng đòe nhắc đòe trước mang lại ít phúc lợi hơn đối tượng đòe nhắc đòe sau. Kết quả tùy thuộc vào giới hạnh của đối tượng. So sánh với kết quả của việc biếu tặng vật thực đến một người đòe bại, thì việc biếu tặng vật thực đến một người cần đòe mang lại nhiều phúc lợi hơn. Như vậy, những cá nhân có giới hạnh cao nhất sẽ giúp thí chủ có đòe được những phúc lợi cao nhất. Vật đòe dâng cúng đến Đòe Phật Toàn giác mang lại

phúc lợi cao hơn tất cả. Những so sánh nên được thực hiện dựa trên giới hạnh và trí tuệ của các đối tượng. Ngày nay, cơ hội dâng cúng đến những Thánh nhân là rất hiếm. Cơ hội dâng cúng đến những tu sĩ còn phàm là khá phổ biến. Với tình huống hiện tại, việc cúng dường vật thực đến những tu sĩ còn phàm nhưng cần trọng nên được xem là việc làm mang lại phúc lợi cao thượng. Đây là phương cách thực tiễn và hợp lý để phân loại đối tượng thí ngày nay.

Trên đây chỉ là một vài lưu ý, nhận xét chung. Bậc A-la-hán được Đức Phật ca tụng nhất. Chỉ có vị có phẩm hạnh hoàn hảo, tức là bậc A-la-hán, mới cho những kết quả tốt đẹp nhất. Do đó, trong trường hợp này, một tu sĩ còn phàm nhưng cần trọng thì vẫn không thể đưa đến cả hai: những kết quả cũng như những phúc lợi vĩ đại được. Chỉ có việc dâng cúng đến những bậc A-la-hán mới có thể đưa đến cả hai. Do đó, những lời chỉ dạy của Đức Phật phải được phân tích và lý giải dựa vào văn cảnh.

## **Giải Đáp Cho Câu Hỏi Thứ Mười Ba**

### **Loại Cúng Dường Nào Có Phúc Lợi Nhất?**

“Trong hai loại cúng dường: cúng dường đến Tăng chúng và cúng dường đến Đức Phật, loại nào có phúc lợi nhiều hơn?”

Trong bài kinh *Dakkhiṇāvibhaṅga Sutta* (Kinh Phân Biệt Cúng Dường<sup>1</sup>), Đức Phật dạy rằng: “*Na tvevāhaṃ Ānanda kenaci pariyāyena saṅghagatāya dakkhiṇāya pātipuggalikaṃ dānaṃ mahapphalataraṃ vadāmi,*” có nghĩa là: “Này *Ānanda*, ta không nói rằng: thông qua một phương thức nào đó, cá nhân thí thì có phúc lợi nhiều hơn Tăng thí.”

---

<sup>1</sup> Trung Bộ Kinh, Tập 3, Kinh Phân Biệt Cúng Dường



Đức Phật đã trình bày bằng những ngôn từ rõ ràng nhất. Do đó, chúng ta không thể nói rằng cúng dường đến cá nhân Đức Phật thì cao thượng hơn cúng dường đến Tăng chúng (*Saṅghikadāna*).

Sớ Giải cũng giải thích như sau: “*Saṅghe cittikāraṃ kātum sakkontassa hi khīṇāsava dinnadānato uddisitvā gahite dussīlepi dinnaṃ mahapphalatarameva,*” có nghĩa là: “Đối với người có tâm tôn kính Tăng chúng (có nghĩa là hướng đến Tăng chúng), thì việc cúng dường đến Tăng chúng thông qua một vị tỷ-kheo đại diện không có giới hạnh vẫn có phúc lợi nhiều hơn cúng dường đến cá nhân một vị A-la-hán.” Như vậy, Sớ Giải đồng ý với bài kinh (*Sutta*) một cách rành mạch về điểm trọng yếu này. Ngôn từ ở đây cũng rõ ràng.

Trong Chánh Văn *Pāli* cũng vậy, Đức Phật dạy di mẫu của mình rằng: “*Saṅghe Gotami dehi. Saṅghe te dinne ahañceva pūjito bhavissāmi saṅgho ca,*” có nghĩa là: “Này *Gotamī*, hãy dâng cúng [bộ y đó] đến Tăng chúng. Khi người dâng cúng [bộ y đó] đến Tăng chúng, cả ta và Tăng chúng đều được tôn kính cúng dường.” Ở đây cũng rõ ràng rằng chỉ dạy của Đức Phật là Tăng thí (*Saṅghikadāna*) được ưa chuộng hơn cá nhân thí.

Khi di mẫu của Ngài cúng dường hai bộ y, Đức Phật chỉ nhận một bộ mà thôi. Rồi Ngài tuyên thuyết lên những lời quan trọng như được trình bày ở trên. Tại sao Ngài lại khuyến khích bà *Gotamī* cúng dường y đến Tăng chúng và nói rằng việc làm như vậy có nhiều phúc lợi cao cả hơn. Trong quá khứ, thông qua sự kiện này, những kẻ tranh biện đã dựng lên một vấn đề tranh cãi cho rằng cúng dường đến Đức Phật là thấp kém hơn; do đó, để cho thí chủ có được những phúc lợi tốt đẹp hơn, Ngài đã hướng dẫn như vậy.

Trong Sớ Giải của *Dakkhiṇāvibhaṅga Sutta* (Kinh Phân Biệt Cúng Dường), quan điểm của những kẻ tranh biện này đã bị bác bỏ:

*“Nayimasmim loke parasmim vā pana,  
Buddhena seṭṭho sadiso vā vijjati.  
Yamāhuneyyānamaggataṃ gato,  
Puññatthikānaṃ vipulaphalesinan’ti.*

*Vacanato hi sathārā uttaritaro dakkhiṇeyyo nāma natthi. Evamāssā cha cetanā ekato hutvā dīgharattaṃ kitāya sukhāya bhavissantī’ti sandhāya yāvatiyaṃ paṭibāhitvā saṅghassa dāpesi.”*

Ý nghĩa đoạn trích Pāli trên là như sau: Đức Phật hướng dẫn bà *Gotamī* như vậy trong trường hợp này không phải vì Tăng thí (*Saṅghikadāna*) là cao thượng hơn ngay cả việc cúng dường đến Đức Phật. Đây không phải là ý nghĩa. [Lý do là vì] khi nói đến đối tượng nhận thí (tức là đối tượng được cúng dường), không có ai cao thượng hơn Đức Phật cả! Do đó, mục đích của Đức Phật ở đây là: Sau khi Ngài đã nhận một bộ y, nếu bà *Gotamī* cúng dường bộ y còn lại đến Tăng chúng, bà sẽ nhận được phúc lợi của việc có đủ ba tác ý thiện (tức là tư tiền, tư hiện và tư hậu) trong việc cúng dường một lần nữa, tức là Ngài đã thúc đẩy bà có thêm ba tác ý thiện nữa. Từ đó, sáu tác ý thiện sẽ được thực hiện trong hai lần dâng cúng, sẽ mang lại vô số những phúc lợi cho bà *Gotamī*; những phúc lợi này sẽ dẫn đến sự an lạc và hạnh phúc lâu dài cho bà. Với mục đích như vậy, Ngài đã hướng dẫn bà *Gotamī* cúng dường bộ y còn lại đến Tăng chúng, để cao phúc lợi của Tăng thí (*Saṅghikadāna*).

Có thể có một câu hỏi được nêu lên: “Câu giải thích ở trên có mâu thuẫn với đoạn trích dẫn từ chính bài Kinh (*Sutta*) không?” Câu trả lời là: Không có mâu thuẫn gì cả.

Trong vô số những loại cá nhân thí, cúng dường đến Đức Phật là ngoại lệ. Do đó, không có mâu thuẫn gì cả.

Một phương pháp giải thích khác có thể được trình bày ở đây. Lý do là như thế này. Vì bà *Gotamī* sẽ chắc chắn chứng đắc Vô Dư Níp-bàn với tư cách là một tỳ-kheo ni trong phẩm mao A-la-hán, do đó, việc cúng dường y này sẽ chẳng mang lại hiệu quả gì thêm cho bà cả. Một bộ y dâng cúng đến Đức Phật là đủ rồi, bộ y thứ hai là không cần thiết; và Đức Phật lại chẳng có thiên vị hoặc thích thú một vị sư nào cụ thể cả. Do đó, Ngài hướng dẫn bà *Gotamī* cúng dường bộ y thứ hai đến chư Tăng. Mục đích là để bảo tồn và phát triển tính vị tha cũng như để thế gian biết đến năng lực của Tăng bảo.

Tuy nhiên câu giải thích này có lẽ là không hoàn toàn thỏa mãn những vấn đề hoặc yêu cầu được đặt ra trong câu hỏi. Do đó, một câu trả lời hợp lý nên cần được trình bày để cung cấp một giải đáp có tính rõ ràng và chắc chắn. Câu hỏi là: “Cá nhân tuyển thí đến Đức Phật có cao thượng hơn bảy loại Tăng thí không?”

Lời dạy của Đức Phật rằng “Này *Ānanda*, ta không nói rằng: thông qua một phương thức nào đó, cá nhân thí thì có phúc lợi nhiều hơn Tăng thí” là rõ ràng rồi; do đó, không nên có những tranh cãi gì nữa. Thật ra không nên đặt câu hỏi như vậy vì tuyên bố rằng: “Bất kỳ một trong bảy loại Tăng thí (*Saṅghikadāna*) là cao thượng hơn cá nhân tuyển thí” là không thích hợp. Và cũng không thích hợp để trả lời vì không thể nói một cách nhất định rằng một cá nhân nhận thí nào đó là siêu việt hơn. Sau khi suy ngẫm về những chi tiết này, chúng ta thấy rằng diễn giải của Sớ Giải là chính xác, giải thích Chánh Văn một cách đúng đắn.

Ở đây, tôi (ND: ngài Ledi Sayadaw) trình bày một vài trường hợp dành cho người có suy tư ngẫm nghĩ. Khi

các thí chủ dâng cúng thực phẩm đến Đức Phật, họ đã đến gặp trực tiếp Ngài. Sau khi Ngài viên tịch Níp-bàn, nhiều thiện tín cũng đã dâng cúng đến các hình tượng của Đức Phật như là cá nhân thí đến Ngài. Sự việc dâng cúng như vậy có mang lại nhiều phúc lợi hơn Tăng thí (*Saṅghikadāna*) không? Vấn đề thứ hai để suy ngẫm là: “Việc nào mang lại nhiều phúc lợi hơn? Xây chùa hay xây tượng Phật? Và cúng dường thực phẩm đến những đối tượng đó với tư cách là cá nhân thí hay Tăng thí (*Saṅghikadāna*) chẳng hạn như dâng cúng một tự viện đến Tăng chúng?” Những vấn đề này được trình bày ở đây để suy ngẫm vì trong *Vimānavatthu*<sup>1</sup> có nói: “*Tiṭṭhante nibbute cāpi, same citte samaṃ phalaṃ. Cetopaṇidhihetu hi, sattā gacchanti suggatiṃ,*” có nghĩa là: “Nếu một người chú tâm vào Đức Phật, cho dầu người đó có thật sự diện kiến Đức Phật hay không, hiệu quả của việc đó là như nhau vì tác ý là giống nhau. Nhiều chúng sanh đã tái sanh về thiên giới do bởi thái độ đúng đắn này mặc dầu họ thật sự không nhìn thấy Ngài.” Chỉ có tâm trí mới có thể giúp một người đạt được sự chứng đắc thiên giới và Níp-bàn (*Nibbāna*). Nếu động lực là giống nhau, thì kết quả là giống nhau. Niềm tin có thể hiện hữu với sự có mặt của Đức Phật hoặc với sự vắng mặt của Đức Phật.

Tuy nhiên, có được niềm tin ngang bằng trong cả hai trường hợp là một chuyện rất hiếm. Nếu một người được diện kiến Đức Phật, niềm tin của người đó sẽ mạnh hơn rất nhiều khi chỉ nhìn thấy hình tượng của Ngài. Khoảng cách khác nhau lớn như thế nào thì khó có thể xác định được. Đối tượng danh pháp có khả năng tạo ra/làm sanh khởi niềm tin tới mức độ nào? Người trí nên suy ngẫm về những vấn đề này.

---

<sup>1</sup> ND: Đây là một trong những Sớ Giải của Tiểu Bộ Kinh (Khuddakanikāya).

## Vun Bồi Một Thái Độ Điều Luyện, Thuần Thục

Sau khi đã trả lời xong 13 câu hỏi, tôi sẽ ban tặng cho các bạn một lời khuyên để các bạn có thể phát triển, vun bồi một thái độ đúng đắn cũng như những động lực. Những chỉ dạy thiết yếu trong bài kinh *Bālapaṇḍita Sutta* (M. iii. 169)<sup>1</sup> cần nên được suy ngẫm nghiêm túc. Mọi người cần phải ghi nhớ ví dụ về con rùa mù.

### Ví Dụ Về Con Rùa Mù

“Này các tỳ-kheo, ta sẽ cung cấp cho các người một ví dụ: Một người khoét một cái lỗ trên một khúc gỗ và thả nó trôi trên đại dương. Khi có gió thổi từ hướng đông, khúc gỗ sẽ trôi về hướng tây. Khi có gió thổi từ hướng tây, nó sẽ trôi về hướng đông. Tương tự như vậy, gió từ hướng bắc đẩy nó về hướng nam, gió từ hướng nam đẩy nó về hướng bắc. Trong đại dương có một con rùa mù cứ 100 năm là trôi lên mặt nước. Việc con rùa mù sẽ chui đầu vào cái lỗ của khúc gỗ là chuyện có khả thi không?”

Các tu sĩ trả lời rằng, thông thường thì việc đó là bất khả thi, nhưng trong vòng luân hồi (*saṃsāra*) dài vô tận, một cơ hội có thể xảy ra. Nhưng việc đó là một việc vô cùng khó, tức là việc con rùa gặp khúc gỗ trôi dạt. Rồi Đức Phật giải thích như sau:

“Này các tỳ-kheo, việc kỳ lạ đó là khả thi, nhưng còn việc để một người ác xấu tái sanh làm thú vật hoặc vào trong địa ngục được tái sanh trở lại làm người là một việc còn hy hữu và khó khăn hơn nữa.”

Được làm người là một điều hy hữu nhất. Một khi sanh thú hy hữu này không còn nữa, để tái sanh lại làm người là một vấn đề vô cùng khó khăn. Tại sao? Trong

---

<sup>1</sup> ND: Độc giả xem Trung Bộ Kinh, Tập 3, Kinh Hiên Ngụ

những đọa xứ như địa ngục chẳng hạn, không có cơ hội để thực hành thiện pháp. Do đó, chúng sanh trong địa ngục vì thiếu vắng đức hạnh tốt đẹp, phải trải nghiệm đau khổ cùng cực trong vô số những kiếp sống. Những chúng sanh tái sanh làm súc sanh phải vật lộn với sự sinh tồn vì săn bắt lẫn nhau. Thú vật với trí tuệ thấp kém hầu hết đều thực hiện những hành vi bất thiện; thú mạnh đàn áp thú yếu. Do đó, cơ hội vô cùng hiếm hoi cho chúng được tái sanh lại làm người. Xác suất để chúng nâng cấp và thăng tiến là vô cùng thấp.

Việc con rùa mù trôi dạt trên đại dương gặp được cái lỗ của khúc gỗ có thể xảy ra chỉ khi khúc gỗ không bị mục nát và chỉ khi con rùa sống thọ đến hàng triệu năm. Tuy nhiên, cơ hội lại còn nhỏ hơn rất nhiều cho một chúng sanh đang chịu đau khổ trong địa ngục có được sanh thú nhân loại, vì thực hành thiện nghiệp là một việc cực kỳ khó trong các cõi đọa xứ. Sớ Giải thích về vấn đề này như vậy.

Và điều này là thật sự đúng. Vào lúc cận tử, một người rất khẩn thiết cần những suy tưởng tốt đẹp để có được một sanh thú tốt trong kiếp sống liền kề. Vào lúc này, những thiện nghiệp quá khứ sẽ tạo sanh ra những đối tượng tốt đẹp để tâm trí bắt làm cảnh, giúp người đó tái sanh vào những cảnh giới hạnh phúc. Nếu không, những nghiệp ác xấu sẽ chiếm ưu thế tại thời điểm quan trọng này, và những đối tượng thấp kém, xấu xa sẽ dẫn người đó tái sanh vào địa ngục. Trong bốn đọa xứ, chúng sanh chẳng biết gì về giá trị và tầm quan trọng của bố thí, trì giới và tham thiền. Những chúng sanh thấp kém chẳng những đã thiếu kém về thiện nghiệp, mà còn bị thiếu hụt những cơ hội quý giá thực hành thiện pháp. Chúng ta hãy quan sát những hành vi thường nhật của những thú vật như chó, bò, trâu, heo, quạ, và vùn vùn. Nhận thức về đạo đức của chúng rất là giới hạn, do đó, chúng thường xuyên

thực hành những việc ác xấu. Chúng chẳng có cơ hội thực hành việc tốt đẹp.

Do đó, một chúng sanh chết đi từ khổ cảnh hiểm có cơ hội trải nghiệm được những đối tượng thanh cao, tốt đẹp để được tái sanh lên những sanh thú cao hơn. Những bất thiện nghiệp luôn luôn thị hiện, dẫn chúng sanh đó tái sanh lại vào những cảnh giới đau khổ. Thậm chí một người có giới hạnh trong cõi nhân loại này cũng không thể tuyên bố một cách an toàn rằng, tại thời điểm cận tử, những bất thiện nghiệp sẽ không ảnh hưởng, không chi phối kiếp sống liền kề. Mặc dầu đã thực hành bố thí, trì giới và thực hiện những thiện nghiệp khác, một người vẫn có thể trải nghiệm những suy nghĩ thấp kém, xấu xa vào lúc cận tử. Nếu không thực hành tứ chánh cần một cách thường xuyên, không ai có thể đảm bảo rằng những suy nghĩ tốt đẹp sẽ sanh lên vào lúc đó. Mỗi phàm nhân đều đã thực hành vô số những bất thiện nghiệp trong những kiếp sống quá khứ cũng như trong kiếp hiện tại này; những bất thiện nghiệp này có thể chín muồi vào bất kỳ lúc nào và sẽ cho quả tương ứng. Đối với đại đa số chúng ta ngày nay, thiện nghiệp là vô cùng hiếm hoi. Do đó, những bất thiện nghiệp trong quá khứ sẽ phải cho quả vào những kiếp sống kế tiếp.

Những thiện nghiệp hiện tại của một người không thể đánh bật được cơn sóng của những bất thiện nghiệp cùng với những hậu quả đe dọa của chúng, vốn sẽ phải cho quả vào một lúc nào đó. Mỗi người đều phải có trách nhiệm với những hành vi đạo đức của mình: đó là quy luật tự nhiên. Tất cả mọi nghiệp đang đợi chờ cơ hội để chín muồi vào bất kỳ lúc nào. Do đó, vô số những nghiệp quá khứ ở những chủng loại khác nhau vẫn còn tồn tại trong mỗi người như những tiềm lực ẩn tàng. Nếu một người thiếu trí bây giờ lại tiếp tục thu nạp những bất thiện nghiệp, thì cơ hội để những nghiệp bất thiện trong quá

khứ cho quả lại tăng lên, giống như đồng loại thì trợ giúp cho nhau.

Đối với những ai phải hứng chịu khổ đau trong địa ngục, đầu chỉ là một lần, cửa xả lũ của những nghiệp bất thiện được mở và từ đó những kết quả tệ hại tuôn trào ra. Do đó, những trọng bất thiện nghiệp khác nhau nói chung sẽ khiến cho việc hứng chịu khổ đau trong địa ngục trở nên lâu dài hơn và tẻ nhạt hơn, vì những kết quả xấu tệ liên tiếp đã có cơ hội hiển thị theo những cách khác nhau. Những quả bất thiện chiếm ưu thế trong những đọa xứ. Chúng sanh đó phải hứng chịu những khổ đau dài hạn do bởi những bất thiện trong những kiếp sống quá khứ nữa. Hãy suy ngẫm về nghiệp bất thiện được thực hiện trong kiếp hiện tại này để đánh giá bản chất của những hậu quả xấu xa gần xảy ra. Do đó, Sơ Giải của Tạng Thắng Pháp có trình bày một cảnh báo cho khả năng tệ hại này. Một vài người phải tái sanh vào địa ngục chỉ vì một hành vi thiếu đạo đức nho nhỏ. Một khi đã vào địa ngục, những nghiệp nghiêm trọng của những kiếp sống trước sẽ làm cho sự hiện hữu cũng như sự trải nghiệm đau khổ trở nên cùng cực hơn ngàn lần. Những bất thiện nghiệp trong quá khứ đang chờ đợi cơ hội để thể hiện quyền năng và sự ảnh hưởng của chúng, đặc biệt là trong những cảnh giới thấp kém. Câu chú cần ghi khắc trong tâm là: “Đừng ban tặng cơ hội cho tội ác”, hoặc là: “Đừng mở cánh cửa của tội ác.” Đời sống hiện tại là vô cùng quan trọng.

### **Ví Dụ về Người Được Vua Yêu Mến**

Để hiểu rõ ràng hơn, một ví dụ khác được trình bày ở đây. Một người được nhà vua yêu mến, với đặc ân ưu đãi, đã sử dụng quyền hạn cho những lợi ích riêng tư và ích kỷ. Ông ta đã chiếm hữu tài sản của người khác, đã lạm dụng tình dục những cô gái, đã thu nhận của đút lót, vân vân, nhưng chẳng ai dám làm gì ông cả. Vì là người



được nhà vua yêu mến, ông đã không bị truy tố cũng như không bị xử phạt mặc dầu những hành vi của ông là rất tệ hại. Nương vào sự bảo vệ của nhà vua, ông đã sống an toàn trong một thời gian dài. Tuy nhiên, một ngày nọ, ông tình cờ phạm một lỗi lầm nhỏ làm nhà vua tức giận và đã bị nhà vua ra lệnh bắt giam. Ngay khi nghe tin về việc ông bị bắt giam, tất cả những nạn nhân trong những tội ác của ông trước đây đều đưa đơn tố cáo đến nhà vua. Nhà vua ra lệnh điều tra và phán tội nặng nếu các vụ kiện được chứng minh là đúng. Và nhiều người nạn nhân đã tiếp tục đệ đơn tìm kiếm sự bồi thường thiệt hại. Đây là một ví dụ về sự tích lũy những quả xấu dành cho một người gian ác khi vận mệnh của ông ta bị giảm thiểu vì một lỗi lầm nhỏ, và trường hợp như vậy có thể xảy ra.

Lưu ý rằng thậm chí một sơ suất nhỏ cũng có thể đưa đến những hậu quả vô cùng tệ hại. Một khi đã ở trong địa ngục, một chúng sanh phải chịu đau khổ lâu dài hơn vì kết quả của những hành vi tội ác tiềm ẩn lâu ngày bây giờ chín muồi và cho quả thích hợp vào chính thời gian trong địa ngục. Trong tám tầng đại địa ngục, vô số hàng triệu chúng sanh đang bị tra tấn vô số lượng kiếp rồi. Cơ hội để cho họ quay lại trần gian là vô cùng xa vời vì không có nghiệp thiện nào được thực hành ở đó cả. Bản chất tích lũy này của nghiệp (*kamma*) phải được nghiên cứu cùng với ví dụ về con rùa mù. Chúng tương đồng với nhau.

### Năm Điều Hiếm Có

Trong số hàng chục tỉ chúng sanh<sup>1</sup> đang thọ lãnh quả của nghiệp bất thiện trong những đọa xứ, một số rất ít được tái sinh làm người trở lại. Dựa trên đặc tính kế thừa

---

<sup>1</sup> Từ Điển Bách Khoa Toàn Thư Hutchinson có ghi nhận: “Khoảng sáu ngàn tỉ nhuyển thể đang sinh sống tại đại dương cực nam. Số lượng như vậy nặng hơn trọng lượng của toàn bộ nhân loại.”

của Pháp, trong Tăng Chi Kinh (*Āṅguttaranikāya*), Đức Phật tuyên bố năm điều hiếm có, tức là năm điều hy hữu (*dullabha*). Chúng được gọi tên như vậy vì cơ hội đạt được chúng là vô cùng nhỏ nhoi. Tái sinh làm người là một trong những điều hiếm có nhất, vì rất khó đạt được kiếp sống làm người. Một chúng sanh phải vun bồi những ý nghĩ đúng đắn về cảnh ngộ của vô số chúng sanh trong những đọa xứ. Trong Tăng Chi Kinh (*Āṅguttaranikāya*), Đức Phật tuyên bố rằng: “Kiếp sống làm người là điều khó đạt được” (*Manussabhāvo dullabho*).

Bồ-tát *Metteyya* sẽ chứng đắc quả vị Phật vào thời kỳ tuổi thọ của loài người đang tăng trưởng sau giai đoạn khi tuổi thọ của loài người giảm xuống chỉ còn mười năm. Giáo Pháp của Đức Phật *Metteyya* sẽ tồn tại chỉ trong vòng hai hoặc ba trăm ngàn năm. Mặc dầu khoảng thời gian này có thể được xem là dài, nhưng nó lại là quá ngắn để những chúng sanh trong địa ngục trở thành người và gặp được Giáo Pháp của Ngài. Đối với những chúng sanh đó, khoảng thời gian này chỉ tương đương với chỉ hai hoặc ba kiếp sống; do đó, cơ hội để gặp được Ngài là vô cùng xa vời.

Sau Giáo Pháp của Đức Phật *Metteyya*, trong nhiều đại kiếp tiếp theo sẽ không có một vị Phật nào xuất hiện cả; thời kỳ đó sẽ là một thời kỳ đen tối về tâm linh.

Những người trân quý ba ngôi Tam Bảo và Giáo Pháp của Đức Phật ngày nay có được nhiều cơ hội quý báu thực hành bố thí, trì giới và tham thiền. Những người thiện lành như vậy thật sự cảm kích giá trị cao tột của Giáo Pháp của Đức Phật *Gotama*. Hơn nữa, đối với những người tận tâm và có trí trong hiện tại, duyên lành gặp được Giáo Pháp của Đức Phật *Metteyya* là khá cao. Nguyên nhân là vì họ là những người tốt, những tu sĩ có giới hạnh, những thiện tín tận tâm và những hành giả

chuyên cần, vân vân. Họ sẽ đạt được sự giải thoát vì họ tâm cầu trí tuệ trong Giáo Pháp hiện tại này với một thái độ đầy kỹ năng và đức hạnh đáng kính. Họ có thể trở thành những bậc Thánh trong chính kiếp sống này. Nếu không, họ chắc chắn sẽ gặp được Đức Phật *Metteyya* theo như ước nguyện. Điểm cốt yếu là, đối với những người này, những sự chứng đạt nền tảng về đạo đức và tuệ minh sát không bị giảm thiểu nữa. Những giảm thiểu hay yếu kém sẽ không xảy ra. Một cách tự nhiên, với năng lực của thiện nghiệp trong quá khứ và hiện tại, họ nhất định sẽ chứng đạt sự giải thoát trong Giáo Pháp này, hoặc trong thời Giáo Pháp của Đức Phật *Metteyya*.

Khi mà Giáo Pháp của Đức Phật *Gotama* vẫn còn giữ được sự thuần khiết, thì tất cả nhân loại vẫn còn có những cơ hội quý hiếm để vun bồi đức tin, bố thí, trì giới và tham thiền. Nếu có thể nhận ra được những yếu tố cao quý và những đặc tính tốt đẹp, họ sẽ sở hữu được những ba-la-mật quý báu. Họ trân quý tâm quan trọng đặc biệt và năng lực của việc nương nhờ vào Tam Bảo; do đó, họ thực hành thiện pháp hiếm quý. Họ thực hành giới hạnh, thiền định và thiền minh sát, vốn rực sáng chỉ vào thời Giáo Pháp của Đức Phật. Những thiện nghiệp của họ sẽ đưa họ tái sanh lên ít nhất là sáu cõi dục thiên. Nếu đủ duyên, họ có thể chứng đạt quả vị Nhập Lưu hoặc cao hơn trong kiếp sống này hoặc trong kiếp sống kế tiếp. Vì họ tuyệt đối trân quý tâm quan trọng của Tam Bảo, khi những thiên nhân vốn là những bậc Thánh trên thiên giới thuyết Pháp, họ sẽ ngay lập tức trở thành những bậc Thánh nhân. Vì các thiên nhân ở sáu cõi dục thiên có tuổi thọ rất lâu, cho nên Giáo Pháp của Đức Phật ở các cõi đó vẫn còn rực sáng sau khi bị lụi tàn ở cõi nhân loại. Do đó, một phạm nhân thiện lành dĩ nhiên sẽ chứng đạt giải thoát trong các cõi dục thiên nếu người đó có bốn chánh cần. Đối với các Thánh nhân ở thiên giới, Giáo Pháp của Đức Phật ở cõi trần chỉ

tồn tại khoảng vài năm, nhưng đối với họ, Giáo Pháp sẽ tiếp tục tồn tại trong một thời gian dài<sup>1</sup>. Hầu hết những bậc thánh văn vào thời Đức Phật *Gotama* còn tại tiền đã tái sinh lên các cõi thiên giới. Các ngài là những người con thật sự của Đức Phật, và do đó, có thể thuyết giảng Diệu Pháp. Những bậc Thánh Bất Lai là những Phạm thiên đang cư ngụ trong năm cõi Tịnh Cư thiên (*Suddhāvāsa*); do đó, những vị đệ tử chưa chứng đắc Níp-bàn ở thế gian này có thể lắng nghe Diệu Pháp nếu họ tái sinh vào các cõi Phạm thiên. Như vậy, những cơ hội tốt đẹp vẫn còn rực sáng cho những Phật tử thuần thành chứng đắc Níp-bàn trong những cõi thiên giới.

Bồ-tát *Metteyya* hiện tại đang cư ngụ ở cõi trời Đâu Suất (*Tusita*). Cùng với Ngài là những bậc Thánh tinh văn của Đức Phật *Gotama*, tức là những vị đã tái sinh vào cõi thiên giới này trước cũng như sau khi Đức Phật nhập diệt. Những vị Nhập Lưu vào thời cổ xưa của Tích Lan cũng thường tái sinh vào cõi này. Ở mỗi cõi thiên giới, những bậc Thánh của Giáo Pháp này sẽ giúp lẫn nhau thông qua việc thuyết giảng Tứ Diệu Đế.

Những người tin tâm và có trí đều có cảm hứng khi đọc tiểu sử của bà *Visākhā* và ông Cấp-cô-độc (*Anāthapiṇḍika*), và vô cùng ngưỡng mộ những thiện hạnh của các vị đó. Tuy nhiên, họ chỉ biết về những thiện hạnh này thông qua tụng đọc kinh sách. Họ không thật sự đích thân tiếp cận những vị đệ tử nổi tiếng này của Đức Phật. Nếu họ tái sinh vào các cõi thiên giới, họ sẽ đích thân gặp được những vị đệ tử nổi tiếng này. Rồi họ chắc

---

<sup>1</sup> Sau khi lắng nghe xong bài pháp Sakkapañha Sutta, Sakka, tức là vua trời Đế-thích, đã chứng đắc quả vị Nhập Lưu. Ngài sẽ sống 36 triệu năm làm vua của cõi trời Đạo Lợi (*Tāvātimsa*). Do đó, đối với ngài, 2.600 năm của Giáo Pháp hiện tại tương đương với khoảng hai ngày rưỡi trong đời sống của một người có tuổi thọ 100 năm.

chấn cũng sẽ trở thành những bậc Thánh vì có vô số những bậc Thánh đệ tử ở đó hướng dẫn họ tiến đến giải thoát. Những người có tín tâm, do bởi phước bố thí, trì giới và nỗ lực trong việc hành thiền, sẽ tận hưởng những đức lạc vi tế ở những cảnh giới cao hơn, thậm chí nếu họ không trở thành những bậc Thánh nhân. Cuối cùng, sau nhiều kiếp tái sinh vào những cảnh giới tốt đẹp, khi Phật *Metteyya* xuất hiện trên thế gian, họ sẽ chắc chắn chứng đắc được sự giải thoát. Họ chắc chắn sẽ gặp Phật *Metteyya* do nương vào những nghiệp tốt được thực hiện trong Giáo Pháp này, và cũng sẽ chứng đắc được Níp-bàn. Do đó, cần đáng lưu ý và ghi nhận rằng những thiện nam và tín nữ với sự hiểu biết này trong Giáo Pháp của Đức Phật *Gotama* đang sở hữu những cơ hội quý hiếm để chứng đạt được những điều tốt đẹp nhất trong đời sống, cả trong kiếp sống này và về sau.

Tuy nhiên, những thiện pháp thông thường không thể mở cửa đến những cơ hội quý hiếm này cũng như không thể cung cấp cơ hội giải thoát, vì những phàm nhân thực hiện những thiện pháp không có minh sát. Do đó, hàng tại gia không nên chỉ nương tựa vào bố thí. Những vị xuất gia không nên vội thỏa mãn trong Giáo Pháp của Đức Phật nếu họ chỉ mới ở những giai đoạn khởi đầu. Hầu hết những vị xuất gia ngày nay đều là phàm nhân. Nếu các sa-di và các tỳ-kheo thực hành tứ thanh tịnh giới, và chứng đắc bảy yếu tố của một thiện nhân, họ sẽ đạt được giai đoạn an toàn. Vì trong Giáo Pháp này, năng lực của giới hạnh là vô cùng lớn và có thể dẫn đến Níp-bàn, hạng người này ít nhất sẽ đạt đến giai đoạn của vị Tiểu Nhập Lưu (*cūlasotāpanna*). Minh sát là thiết yếu để chứng đạt Níp-bàn.

Vì một vị Nhập Lưu (*sotāpanna*) hoàn toàn không còn vi phạm những hành vi đạo đức và không bao giờ còn chịu đau khổ trong địa ngục, nên vị Tiểu Nhập Lưu

(*cūlasotāpanna*) cũng thoát được những tội lỗi lớn và sự thống khổ này mặc dầu vị đó chưa phải là một vị Nhập Lưu hoàn thiện. Do bởi tuệ minh sát phân biệt danh sắc (*nāmarūpapariccheda ñāṇa*), và sự trì hành ngũ giới thường xuyên, họ giống như những vị Nhập Lưu thật sự. Sống trong những hoàn cảnh quý hiếm với những cơ hội vĩ đại này, không ai nên chỉ trích sự gian ác và thất bại của những người khác. Không ai nên chú tâm đến những lỗi lầm của những người khác, hoặc tốn phí thời gian chỉ trích những hành động ác xấu của người khác. Ai cũng phải nên sống một cách kiên định, chú tâm thực hành Pháp và chỉ nghĩ về những cơ hội quý hiếm của bản thân, vốn cần phải được nắm bắt với những nỗ lực đạo đức vượt trội.

Điều hiển nhiên là trong Giáo Pháp này của Đức Phật, có một vài tu sĩ có những biểu hiện dễ dãi và thụt lùi về mặt giới hạnh và trí tuệ. Họ vô ý hoặc cố tình vi phạm những giới điều (*Vinaya*), có thể là cả nặng và nhẹ, và sống một cách thất niệm. Tuy nhiên, một cư sĩ có trí tuệ và chững chạc không nên chỉ trích hoặc phán định những vị đó vì trách nhiệm lớn lao nhất của bất kỳ một ai là phải chú tâm đi theo đạo lộ chính trực. Chỉ bằng cách bảo vệ và chăm sóc chính mình, chúng ta mới có thể đi vững trên đạo lộ. Những hành động tội lỗi của ai khác không đáng để chúng ta bận tâm; đó không phải là việc của chúng ta.

Nếu chúng ta truy xét tội lỗi của người khác và chỉ trích họ, chúng ta chịu khổ đau vì làm ô nhiễm chính tâm trí của mình, và tích lũy tham, sân và si trong quá trình đó. Chúng ta trở nên bị ô nhiễm và niềm tin của chúng ta bị lay động. Những việc bất thiện vi tế này sẽ thể hiện năng lực của chúng khi chúng ta nằm trên giường bệnh chờ chết, và sẽ đẩy chúng ta xuống địa ngục. Những tạp chất của bản thân về thân, ngữ và ý có thể mang lại những

kết quả vô cùng tệ hại vào lúc cận tử. Kinh sách *Pāli* cũng như các số giải luôn cảnh báo rằng, một khi đã rơi vào địa ngục thì cơ hội tái sinh lại làm người là rất mỏng manh. Một người rơi rớt thường đi xuống, tuần tự tái sinh làm ma đói, súc sanh hoặc rơi vào địa ngục.

Vì các nghiệp bất thiện vận hành có hiệu quả nhất trong những đọa xứ, do đó, tái sinh lại làm người, thiên nhân hoặc Phạm thiên là vô cùng khó khăn. Đức Phật dùng từ '*dullabho*' có nghĩa là "khó đạt được [những sanh thú tốt đẹp]." Do đó, thậm chí nếu chúng sanh trong địa ngục có thể tái sinh lên cảnh giới tốt đẹp hơn do bởi nghiệp quá khứ, hầu hết đều lỡ mất cơ hội đó trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật. Để cộng trú với những bậc Thánh trên thiên giới khi nghiệp tốt cho quả là một khả năng rất xa vời. Những người nhân loại trong Giáo Pháp này khó gặp được Bồ-tát *Metteyya* ở cõi Đâu Suất, hoặc gặp Ngài khi Ngài thành Phật, nếu họ chỉ hài lòng hoặc thỏa mãn với bố thí và giới hạnh thông thường. Khi nhìn từ góc độ này, những hành động bố thí và trì hành giới luật thông thường của họ trở nên chẳng có ích lợi gì cả.

Tại sao? Chúng vô ích theo nghĩa chỉ cho quả trong sự chúng đạt những an lạc thiên nhân, tức là hạnh phúc hiệp thế, vốn là những thứ thông thường và tạm thời. Sau khi hứng chịu đau khổ trong địa ngục, chúng sanh có thể đạt được kiếp sống cao hơn do bởi nghiệp tốt trong quá khứ, nhưng an lạc thiên nhân chẳng có gì là độc đáo cả. Bất kỳ chúng sanh nào cũng đã từng là thiên nhân nhiều lần rồi. Trong vị lai, bất kỳ ai cũng chắc chắn sẽ trở thành một vị vua hùng mạnh hoặc một thiên tử đầy quyền lực. Những phước hạnh đạt được trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật không nên hướng đến những mục tiêu thấp kém như vậy, vì sau khi tận hưởng những hạnh phúc thiên giới, tất cả đều có thể trở thành người nhân loại trở lại như vua chúa hùng mạnh hoặc thương gia giàu có. Những

quả nghiệp này là rất thông thường và đặc biệt chẳng đáng được khao khát trong Giáo Pháp này. Mục tiêu chính của Giáo Pháp này là chứng ngộ Níp-bàn, thật sự biết được Tứ Thánh Đế thông qua thiền minh sát, tức là trở thành Thánh nhân. Nói một cách khác, thông qua thiền minh sát, chúng ta phải chứng đạt được Đạo Quả vốn có Níp-bàn làm cảnh. Ước muốn và cầu nguyện đơn thuần không thể làm được việc đó. Những hạnh nguyện trong quá khứ đã cung cấp cho tín đồ cơ hội chứng đạt mục tiêu cao cả này, tức là chứng đạt Níp-bàn, trong một thời gian ngắn thông qua việc thực hành chánh niệm. Mục đích chính yếu của Giáo Pháp của Đức Phật là giác ngộ Níp-bàn ở đây và ngay bây giờ. Sự giải thoát nhanh chóng, khẩn thiết là tốt nhất vì trong vô số những kiếp sống, chúng ta đã ước nguyện chứng đạt sự giải thoát từ những đau khổ và sầu muộn.

Mục tiêu cao cả này có thể chứng đạt được trong Giáo Pháp của Đức Phật này; do đó, Níp-bàn phải được chứng ngộ thông qua minh sát. Đây là tính năng độc đáo của Giáo Pháp của Đức Phật. Nếu ai đó hướng đến những an lạc thiên nhân hoặc hiệp thế, người đó sẽ không chỉ lỡ mất đi Giáo Pháp của Đức Phật *Gotama* mà còn lỡ mất đi Giáo Pháp của Đức Phật *Metteyya* nữa. Do đó, từ 'vô ích' ở trên chỉ cho những phúc lợi thông thường, chỉ dẫn đến những an lạc trần tục. Nếu vì những nguyên nhân này mà chúng ta lỡ đi cơ hội gặp được Đức Phật *Metteyya*, vô số những đại kiếp trái đất tiếp theo, chẳng có Giáo Pháp nào xuất hiện cả. Do đó, những thiện pháp được gọi là 'vô ích' cũng nên được hiểu theo nguyên nhân này.

Có tồn tại một dạng đặc biệt của những phẩm hạnh đầy kỹ năng đưa đến sự chứng đạt Đạo, Quả và Níp-bàn. Đó được gọi là ba-la-mật (*Pāramī*), tức là những sự toàn hảo thiện lành, dẫn đến chứng đắc sự giác ngộ, vượt qua đại dương sanh tử (*samsāra*). Thậm chí trong những ba-



la-mật này, cũng có hai loại: nhất định (*niyata*) và bất định (*aniyata*). Đối với những vị Bồ-tát (*bodhisatta*), sau khi đã được một vị Phật thọ ký, phẩm hạnh tốt đẹp trở thành tự nhiên và chắc chắn dẫn đến Níp-bàn (*nibbāna*). Đối với một người như vậy, các thiện pháp là có năng lực vô cùng lớn và sẽ không mất đi sức mạnh của chúng. Chúng luôn luôn cho quả đáng được khao khát. Trong bất kỳ một kiếp sống nào, các vị Bồ-tát luôn thực hành đủ loại ba-la-mật cho đến khi chúng đạt Níp-bàn vào kiếp sống cuối cùng.

Ý nghĩa của ba-la-mật bất định là chúng vắng tính sâu sắc và sự vững chãi, và hầu như thiếu đi trí tuệ. Vì chúng có bản chất yếu kém, chúng không chắc chắn sẽ mang lại những kết quả như mong muốn. Một người thực hiện những ba-la-mật như vậy có thể chứng đắc Níp-bàn nếu họ gặp được Phật, và trong trường hợp đó, việc phước đức thông thường như bố thí, trì giới, vân vân có thể dẫn đến Níp-bàn. Với mức độ đó, những phước lành này là tuyệt vời, nhưng vào thời vắng mặt Giáo Pháp của Đức Phật, những thiện nghiệp được thực hiện với thân kiến sẽ chỉ làm kéo dài sự khổ đau của vòng luân hồi (*samsāra*). Năng lực của những thiện nghiệp sẽ giảm thiểu và cuối cùng sẽ biến mất nếu chúng ta lang thang vô số kiếp sống. Do đó, những ai với ba-la-mật bất định, thậm chí nếu gặp được Đức Phật, cũng sẽ không nhận được sự thọ ký trở thành Phật. Nghiệp tốt của họ không phải là loại bền vững và có năng lực. Trong vòng sanh tử, họ có thể thực hiện những tội ác cùng cực và phải tái sanh vào địa ngục, và do đó, những thiện nghiệp không thể cho những ân huệ. Những nghiệp ác có năng lực chiếm ưu thế trong những đọa xứ. Do đó, những nghiệp tốt bất định được xếp loại là thiện bất định (*aniyata kusala*).

Những ai nhận ra được giá trị của kiếp sống làm người trong Giáo Pháp của Đức Phật này thì không nên

lưu tâm đến những lỗi lầm và khuyết điểm của người khác. Không nên chú ý gì đến những công việc, hành động, tư cách hoặc giới hạnh xấu xa của người khác. Chỉ nên chú tâm đến những cơ hội quý hiếm và sự cao quý của Giáo Pháp của Đức Phật. Giữa những hỗn loạn hoặc náo động, phải duy trì sự quân bình và thanh thản mọi lúc. Chỉ trích, phê phán, nói xấu, tố cáo đều mang lại những nghiệp bất thiện cho chính bản thân.

Nhận ra được sự khẩn cấp của chính mình, chúng ta phải kiên định và bình thản, đừng bận tâm đến những lỗi lầm và sai trái của người khác, giữ cho tâm luôn không bị ô nhiễm. Tôi (ND: tức là ngài Ledi) sẽ trình bày một ví dụ để minh họa thái độ có kỹ năng.

### **Ví Dụ Về Tàu Chìm**

Một con tàu bị đắm và chìm. Hành khách đối diện với nguy hại vì có thể chết bất kỳ lúc nào, nên phải bắt đầu bơi để cứu lấy chính mình. Nhìn thấy cánh ngộ đáng thương đó, một thiên nhân trên đại dương muốn cứu vớt họ. Tuy nhiên, vì nghiệp tốt quá khứ của họ quá yếu, việc cứu vớt trực tiếp không thể thực hiện được. Việc tốt nhất vị thiên nhân có thể làm là biến ra một khúc gỗ cho mỗi người đang gặp nạn. Mỗi người sống sót phải bám vào khúc gỗ và cố gắng bơi vào bờ. Điều kiện cần thiết để đạt được sự an toàn là trì hành ngũ giới. Với nỗ lực tinh cần và thường trực, họ phải thúc đẩy chính mình để đạt đến sự an toàn. Trong quá trình rán sức bơi vào bờ đó, những nạn nhân có thể phải bắt gặp cá mập, cá sấu, cá voi và cá kiếm, nhưng họ phải không nên quá chú tâm vào chúng. Họ phải không nên để tâm tức giận, lo sợ hoặc khinh thường những thú vật đó. Trong lúc họ đang vùng vẫy để tìm đến sự an toàn, những yêu tinh và ma quỷ có thể làm họ kinh hãi, và nhấn chìm họ. Các quái vật đại dương có thể giấu cợt trên nỗ lực đáng thương hại của họ, nhưng họ

phải không được tức giận, cũng như không chú tâm vào những biểu hiện kỳ quái của chúng. Họ không nên có những ý nghĩ tội lỗi vì nếu có, họ sẽ chắc chắn tuột mất khỏi khúc gỗ và sẽ bị diệt vong.

Vị thiên nhân trên đại dương đưa ra lời khuyên trên và cảnh báo nghiêm khắc rằng mọi người phải tuân theo lời khuyên đó. Nếu họ tuân thủ theo những hướng dẫn đó, vị thiên nhân đảm bảo rằng họ sẽ chắc chắn bơi được đến một cồn cát lớn. Cồn cát này, mặt đầu giúp họ nghỉ ngơi được một chút, chưa phải là đích đến cũng như không phải là một nơi an toàn để trú lâu dài vì sóng lớn có thể phủ chìm nó bất kỳ lúc nào. Mọi người phải tiếp tục bơi với khúc gỗ đến những cồn cát kế tiếp. Rồi sau mười ngày với nỗ lực liên tục, không ngừng nghỉ, một thiên nhân đại dương khác hiện ra trước họ và đưa họ lên tàu cứu hộ chứa đầy bảy báu. Với con tàu này, những người sống sót sẽ cập bến một thành phố cảng nơi mà họ cuối cùng được sống an toàn và thịnh vượng. Đây là lời khuyên thêm của vị thiên nhân.

Vì lo sợ cho mạng sống của mình, tất cả đã nghe theo những chỉ dẫn của vị thiên nhân đại dương. Trong quá trình bơi trên biển bám vào khúc gỗ, họ tin tưởng một cách mặc nhiên vào những lời tiên tri của vị đó. Với niềm tin bất động và sự quyết tâm kiên định để đạt đến sự an toàn, họ đã nỗ lực và cuối cùng đến được thành phố. Tâm trí của họ chỉ gắn chặt vào sự nỗ lực mà thôi. Tất cả cũng đã trì hành ngũ giới. Do bởi tình trạng khó khăn nguy hiểm, họ đã kiên tâm và hết lòng để đạt đến sự an toàn. Họ đã vững tâm và kiên định trong suốt cuộc tranh đấu đó. Cuối cùng, họ đã thấy được vị thiên nhân thứ hai và đã được vớt lên con tàu cứu hộ chứa đầy bảy báu. Khi họ đến được cảng an toàn, họ đã trở nên giàu có.

Mục tiêu của họ đã được chứng đạt chỉ thông qua việc trì hành giới luật và nỗ lực vượt bậc. Trì hành giới luật bao gồm sự trầm tĩnh và sự tách rời, không bận tâm với những hành vi xấu xa cũng như những sự chỉ trích và châm biếm của những người khác. Tương tự như vậy, mọi người nên tiếp nhận và hành theo thái độ của người sống sót trong vụ chìm tàu để hiểu được một cách đầy đủ những năng lực quý hiếm và cao thượng trong Giáo Pháp này. Chúng ta phải phớt lờ đi những hành vi sai trái và thất bại của những người khác để giữ vững tiến độ tu tập của chính mình từng ngày. Mỗi người cần sự xả bỏ và thanh thản trong đời sống hằng ngày. Do đó, đừng bận tâm đến những lỗi lầm của người khác. Thử trong một giây phút đừng chỉ trích hoặc lên án hành vi sai trái của người khác. Sự quyết tâm dũng mãnh và không dính mắc phải được duy trì mọi giá trong quá trình gắng sức giành được sự giải thoát khỏi khổ đau.

Trong ví dụ ở trên, vị thiên nhân đại dương đầu tiên là Đức Phật *Gotama*. Vị thiên nhân đại dương thứ hai là Đức Phật *Metteyya*. Khúc gỗ là sự chứng đạt được kiếp sống làm người. Những cồn cát là một chuỗi những cảnh giới tái sinh cao hơn, từ cõi người lên đến những cõi thiên giới. Thành phố cảng là Níp-bàn, mục tiêu an toàn tối hậu. Những con cá mập, cá sấu, cá voi và cá kiếm là những phạm nhân. Những yêu tinh và ma quỷ giầu cột thì giống như những tu sĩ vô liêm sỉ và đồi bại trong Giáo Pháp của Đức Phật. Những người nào chú tâm vào những hành vi sai trái của những tu sĩ đó thì chỉ làm ô nhiễm tâm trí họ mà thôi. Mọi người phải phớt lờ hoặc bỏ qua, không bận tâm những hành vi sai trái và những khuyết điểm của người khác nếu muốn chứng đạt mục tiêu cuối cùng. Những điểm còn lại trong ví dụ thì dễ hiểu thôi.

## Chọn Đạo Lộ Đúng

Mọi người phải biết hai đạo lộ một cách rõ ràng với mình sát và phải chọn một cách khéo léo. Mọi người cần phải xem xét đặc tính của chính mình một cách rõ ràng và thông suốt. Mọi người phải tránh chỉ trích những hành vi sai trái, vô liêm sỉ hoặc vô đạo đức của người khác cho đến cuối đời. Một người khôn ngoan phải biết sử dụng đời sống làm người vô cùng quý hiếm này để chứng đạt được sự giải thoát, giới hạnh và sự kiềm chế. Rồi mọi người sẽ đạt đến Níp-bàn trong những cảnh giới cao hơn, có thể là trong Giáo Pháp này hoặc trong Giáo Pháp của Đức Phật *Metteyya*. Bằng mọi cách, sự giải thoát cuối cùng phải được chứng đắc trong thời của Đức Phật *Metteyya*, và phải đặt quyết tâm về việc này. Mọi người phải không nên để tâm trí của mình bị ô nhiễm bởi những hành vi sai trái của người khác.

Để chứng đạt được mục tiêu tối hậu trong thời của Đức Phật *Metteyya*, mọi người phải thực hành bố thí, trì giới và tham thiền. Rồi mọi người sẽ chắc chắn gặp được Giáo Pháp của Ngài và sẽ chứng đạt được sự giải thoát. Mọi người đừng để lỡ mất cơ hội cuối cùng này. Hai đức hạnh nền tảng phải được vun bồi ngay bây giờ bằng cách nỗ lực thực hành tột độ với tứ chánh cần. Hai đức hạnh đó là trí tuệ và hạnh kiểm tốt.

Trí tuệ là gì? Đó là cái nhìn thấu suốt (minh sát) vào các đặc tính vô thường (*aniccānupassanā nāṇa*), khổ (*dukkhānupassanā nāṇa*) và vô ngã (*anattānupassanā nāṇa*).

Hạnh kiểm tốt là gì? Như đã được nhắc đến ở trước, đối với hàng tại gia, điều đó có nghĩa là tám giới với chánh mạng là giới thứ tám, và sự chứng đắc những đặc tính của một người tốt. Đối với hàng tu sĩ, điều đó có nghĩa là tứ thanh tịnh giới. Trong hai yêu cầu cơ bản này, hạnh kiểm

tốt tạo ra những duyên lành đạt đến những cảnh giới tốt đẹp, và điều đó có nghĩa là sự tự do khỏi khổ đau trong địa ngục, khỏi những hành vi sai trái và những hậu quả đau khổ trong những đọa xứ. Do đó, thậm chí giới hạnh tạm thời cũng đảm bảo rằng mọi người sẽ gặp được Đức Phật vị lai. Do đó, những hạt giống hạnh kiểm tốt phải được gieo trồng mới mẻ.

Nếu mọi người cũng gieo trồng hạt giống trí tuệ trong kiếp sống này, mọi người sẽ chắc chắn gặp được Đức Phật vị lai và cũng sẽ đạt được sự giải thoát. Tuy nhiên, nếu chỉ những hạt giống trí tuệ được gieo trồng mà không có giới hạnh thích hợp, chúng ta sẽ phải đối diện với nhiều khó khăn. Nghiệp xấu sẽ cho quả khổ đau trong những đọa xứ. Chúng ta sẽ giống như một lữ hành thiếu vắng vật thực thích hợp cho một hành trình dài và gian truân, và do đó, sẽ chết trước đi đến được đích.

Một dạng người khác cố gắng đạt được giới hạnh ở mức cao tột nhất, nhưng lại không chứng được cái nhìn thấu suốt (minh sát). Mặc dầu người này có hạnh kiểm tốt, nhưng nó lại được đi kèm với trí tuệ hời hợt, không dẫn đến sự giải thoát. Trường hợp này cũng giống như những hạt giống bị thối, trở nên vô ích thậm chí khi được gieo trồng vào đất phì nhiêu. Giới hạnh tốt có thể giúp người đó gặp được Đức Phật *Metteyya*, nhưng người đó lại không thể đạt được sự giải thoát vì thiếu vắng sự vun bồi trí tuệ trong những kiếp sống quá khứ. Do năng lực của giới hạnh, người đó đạt được tài sản, địa vị và phẩm hạnh tốt đẹp trong thời của Đức Phật. Tuy nhiên, vì chỉ có trí tuệ hời hợt, vị đó không chứng đạt được Níp-bàn vào thời Giáo Pháp của Đức Phật *Metteyya*, mặc dầu được gặp Đức Phật và cung kính đánh lễ Ngài. Vị đó chỉ sẽ thỏa mãn với việc trở thành một cư sĩ thuần thành, xây dựng, dâng cúng chùa chiền, nhưng lại không thể trở thành một

Thánh nhân. Nếu gia nhập Tăng đoàn, vị đó chỉ sẽ là một tu sĩ phàm nhân.

### **Ví Dụ Về Những Con Chim**

Tôi sẽ trình bày thêm một ví dụ khác để minh họa những điểm ở trên. Giới hạnh tốt đẹp thì giống như cánh và chân của chim, trong khi trí tuệ thì giống như mắt và mỏ của chim. Khoảng cách đến vườn xoài thơm ngon trong khu rừng lớn thì giống như thời gian giữa Giáo Pháp của Đức Phật *Gotama* đến Giáo Pháp của Đức Phật *Metteyya*. Những vườn xoài hoang dại đại diện cho những cảnh giới may mắn. Dưới những cây xoài là những con rắn hổ mang đang nằm đợi để bắt những con chim rơi xuống từ trên cây. Mỗi con chim nào đậu trên mặt đất thì trở thành mồi cho những con rắn độc này. Do đó, mặt đất tượng trưng cho những đọa xứ. Những con chim có cánh, chân, mắt và mỏ tốt bay đậu trên những cây xoài và thưởng thức những trái xoài theo ước muốn của chúng. Do đó, chúng được hạnh phúc và ăn uống đầy đủ. Nếu một cây hết xoài, chúng bay qua một cây khác có trái để thưởng thức và sống một cách an toàn. Những con chim hạnh phúc và ăn uống đầy đủ này với đầy đủ giác quan sống một cách an toàn thì giống với những cư sĩ và tu sĩ sở hữu trí tuệ và giới hạnh.

Một vài con chim có cánh tốt, nhưng mỏ lại bị khuyết tật; do đó, chúng không thể ăn những trái xoài thơm ngon. Vì chúng có hai cánh tốt giống như những con chim khác, chúng cũng đến được vườn xoài thơm ngon. Tuy nhiên, vì thiếu mỏ tốt, chúng không thể tận hưởng được nước xoài ngon ngọt. Dầu vậy, chúng vẫn có được sự an lạc của trú xứ trên cây và có thể đậu nghỉ trên cành. Chúng tận hưởng được phong cảnh và sự êm đềm của những vườn xoài đẹp và quý này, nhưng vì có mỏ khuyết

tật, chúng không thể tận hưởng được quả của Pháp cũng như không thể hiểu được hương vị gì của nó cả.

Nhưng con chim này thì giống như những người trong Giáo Pháp này chỉ thỏa mãn với giới hạnh mà thiếu vắng đi trí tuệ. Họ sống không tu tập trí tuệ. Do đó, họ sẽ gặp được Đức Phật tiếp theo, nhưng sẽ không tận hưởng được sự giải thoát vì họ không có cái nhìn thấu suốt.

Có một loại chim thứ ba. Chúng có mỏ tốt, nhưng cánh của chúng bị hư hoại. Chúng không thể bay đến được vườn xoài để tận hưởng những quả xoài thơm ngon; do đó, chúng sống trong đau khổ. Tương tự như vậy, trong Giáo Pháp này, có những tu sĩ và cư sĩ học và nghiên cứu Kinh (*Sutta*), Luật (*Vinaya*) và Thắng Pháp (*Abhidhamma*), nhưng họ lại thiếu giới hạnh. Không biết được hương vị của sự giải thoát, họ giống như những chim đi bộ trên mặt đất nơi mà chuột và rắn đang đợi chờ chúng.

Những cư sĩ thuần thành và những tu sĩ khôn ngoan hiện tại đang bắt gặp được Giáo Pháp cực kỳ quý hiếm này thì nên giống như loại chim thứ nhất. Cả hai trí tuệ và giới hạnh phải được vun bồi. Nếu họ có được những khả năng vun tròn, sau kiếp sống này, họ sẽ tái sinh lên những cảnh giới cao hơn, và sẽ bắt gặp được Giáo Pháp kế tiếp. Khi lắng nghe Pháp (*Dhamma*), họ sẽ chắc chắn chứng đạt được sự giải thoát.

Điều mấu chốt là trong kiếp sống này, khi đã bắt gặp được Giáo Pháp, trí tuệ và giới hạnh phải được vun bồi một cách nghiêm túc. Mọi người phải tu tập giới hạnh và trí tuệ xác thật với nỗ lực rất ráo và niềm tin vững chắc trong thời Giáo Pháp của Đức Phật hiện tại, vì cơ hội cực kỳ vĩ đại và quý hiếm này chỉ tồn tại ngay bây giờ.

Những lời giáo huấn này dành cho những người đã đặt ra mười ba câu hỏi có liên quan đến hạnh kiểm bất



chánh của những tu sĩ, và những vấn đề phát sanh từ mối quan hệ giữa hàng tại gia và Tăng chúng.

## PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ

--ooOoo--

Ấn danh	Gđ Danh Minh An
Anh Trìn	Gđ Hoa Minh
Balamat	Gđ Hoàng Yến
Bao Nguyen	Gđ Huệ Đức
Bảo Thư	Gđ Hùng Trinh
Bảo Trân	Gđ Keo
Be Milo	Gđ Kieu Dieu
Bùi Đức Lương	Gđ Liên Đài
Bui Le Quyên	Gđ Minh Hạnh
Bùi Trọng Cường	Gđ Mỹ Văn (USA)
Bùi Tuệ	Gđ Nguyen Van Duan
Cao Dang Đức	Gđ Oai Trần
Chân Giác Phúc	Gđ Thương Thanh, bé Tâm
Cô Tina Nguyen (UC)	Gđ Tuấn và Hồ Châu Phan
Đàm Nguyễn Anh Khoa	Gđ Tuong Thanh
Đào Duy Thắng	Gia đình tu nữ Như Phước
Dao Thi Hong Hai	Giác Tâm và Minh Hạnh
Dgd Vinh Nhi	Hà Thị Hương
Dinh Duy Thuan	Hà Trần Thị Phương Anh
Đỗ Đức Hạnh	Hanh An
Đỗ Hoàng Cường	Ho Nguyen Van Chuong
Đỗ Văn Cường	Hồ Thị Đa
Đoan Ky Nguyên	Hoang Phuong Dung
Đoàn Thị Luyến	Hoàng Thị Kim Liên
Đoàn Thị Minh Tuyết	Hoang Thi Phuong
Duy Hoang	Hoàng Trung Kiên
Faith Tram	Hoàng Việt Nguyên
Fb Sâm Phát Võ	Hong Son
Gđ Chú Lộc	Hue Chau

Hương Thượng  
Huyen My  
Huyền Võ  
Huỳnh Hồng Thúy  
Huỳnh Nguyễn Hà My  
Huỳnh Nguyễn Thùy Trang  
Huỳnh Tấn Đạt  
Huỳnh Thị Bé (cô Bé)  
Huỳnh Thị Bé (Hiên)  
Huỳnh Thị Trúc Dao  
Huỳnh Thiên Lộc  
Huỳnh Văn Đăng  
Huỳnh Văn Dũng  
Jeni và Gd Yến Bình  
K Phương  
Khanh Nguyen  
Kiều Đức Quyên  
Kieu Tuyen Mi Tho  
Kim Dung  
Kusala Citta & Panna Aloka  
Ky Thanh Chuong  
La Quỳnh Chi  
La Thị Kim Phụng  
La Thị Quỳnh Loan  
Lại Thế Quân  
Lê Hà Nha Trang  
Le Ngọc  
Lê Ngọc Diệp  
Lê Ngọc Linh  
Lê Phạm Vương  
Lê Quỳnh Tiên Đan  
Lê Thanh Thủy Tiên  
Lê Thị Anh Xuân

Le Thi Que An  
Lê Thụy Lưu  
Lê Thúy Quỳnh Trang  
Lê Thị Thanh Thảo  
Loan Trinh  
Luong My Lien  
Lưu Quang Sơn  
Ly Diem Toan  
Lý Xuân Vạn Tú  
Mai Duong  
Mai Văn Hùng  
Man Nguyen  
Mẹ Trang Tâm Tuệ  
Minh Tâm  
My Canh  
Ng Van Khanh  
Ngô Minh Hải  
Ngô Tư Hà  
Nguyễn Công Chính  
Nguyen Cong Uyen  
Nguyễn Hà  
Nguyễn Hạ Anh  
Nguyễn Hoàng Đức  
Nguyễn Hồng Diệp  
Nguyễn Hồng Ngọc  
Nguyen Huu Trung  
Nguyen Kim Chi  
Nguyễn Ma Ngọc Phương  
Nguyen Mai Phuong  
Nguyen Minh Phuong  
Nguyen Minh Tuyen  
Nguyễn Ngọc My  
Nguyen Ngoc Oanh

Nguyen Phan  
Nguyễn Phú Châu Phi  
Nguyen Phu Dat  
Nguyễn Phúc Đại  
Nguyen Phuong Thao  
Nguyễn Quang Thái  
Nguyen Thanh Thao  
Nguyen Thao Lien  
Nguyen Thi Bach Tuyet  
Nguyễn Thị Chính Nghĩa  
Nguyen Thi Hoai  
Nguyen Thi Huan  
Nguyễn Thị Lệ Thu  
Nguyễn Thị Luyến  
Nguyen Thi Minh Thuy  
Nguyễn Thị My  
Nguyễn Thị My My  
Nguyễn Thị My Thu  
Nguyen Thi Nhanh  
Nguyễn Thị Phương Hà  
Nguyễn Thị Thu Trang  
Nguyen Thi Thuy Thuy  
Nguyễn Thị Trang Đài  
Nguyen Thi Tuyen  
Nguyễn Thị Vân Phương  
Nguyễn Trần Hoàng  
Nguyễn Tường Hà  
Nguyễn Tuyết Trinh  
Nguyễn Văn Linh  
Nguyễn Vương  
Nguyen Xuan Lan  
Nguyen Xuan Thanh  
Nhân và Thanh

Nhóm cư sĩ Áo Trắng  
Nhom Lien Mai  
Nhóm Nguyễn Thị Thanh  
Thủy  
Oanh Trần  
Panna Sammu  
Pham Duc Thai  
Pham Ngoc Lan  
Pham Quang Man  
Phạm Quốc Cường  
Phạm Thanh Loan  
Pham Trong Nghia  
Phan Hà  
Phan Hoàng Tuấn Phê  
Phan Minh Ky  
Phan Thanh Son  
Phan Thi Thuy  
Phuong Nguyen  
Phuong Thuy  
Quyên Hoàng  
Ryan Huỳnh  
Su Wara Methi  
Suriya Nicca  
Ta Thi Ngoc  
Tạ Trang  
Tâm Như Hạnh  
Tan Hoang Quang  
Thanh An  
Thuong  
Tinh An Tram  
Tống Văn Hai  
Trần Anh Thư  
Tran Ba Duy

Trần Duy Thức  
Trần Khánh Tiên  
Trần Minh Mẫn  
Trần Ngọc Tuấn Anh  
Trần Nguyên Phước  
Trần Tấn Lộc  
Trần Thị Mỹ Hạnh  
Tran Thi Phuong Mai  
Tran Thi Quynh Phuong  
Trần Thu Hà  
Trần Văn Hào  
Trần Văn Phương  
Trang Văn Dung  
Tri Tran Minh  
Trịnh Ngọc Trác  
Trịnh Trung Hiếu  
Truong Dang Hieu  
Trương Quỳnh Như  
Trương Thị Bích Diệp

Truong Thi Minh Hai  
Tu nữ Hạnh Quang  
Tue Khanh  
Tường Hằng Hải Phòng  
Võ Đình Bảo  
Võ Đình Khôi  
Vo Huy Danh  
Võ Mỹ Liên  
Vo Ngọc Pho  
Vo Tan Hien  
Võ Thị Tường Vi  
Vũ Châu Giang  
Vũ Huyền Vy  
Vũ Thị Hồng Loan  
Vũ Thị Lan  
Vũ Thị Mai Chi  
Vu Thu Hang  
Yen Nhi

## **ĐỊA CHỈ PHÂN PHỐI**

- ❖ TP. Hồ Chí Minh  
**Vũ Thị Châu Giang**  
511/9 Huỳnh Văn Bánh  
P. 14, Q. Phú Nhuận  
ĐT: 0909129098
  
- ❖ Đà Nẵng  
**Nguyễn Thị Chính Nghĩa**  
16 Hoàng Văn Thụ - Q. Hải Châu  
ĐT: 0905688670
  
- ❖ Huế  
**Võ Trọng Phi**  
40 Bà Triệu  
ĐT: 0979165701

**Mười Ba Câu Vấn Đáp Phật Pháp**

Tác giả: **Ledi Sayādaw**

Dịch giả: **Pháp Triều**

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

53 Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội

ĐT: 024-37822845

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc

**ThS. Nguyễn Hữu Có**

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng Biên tập

**Lê Hồng Sơn**

Biên tập

**Nguyễn Thị Hà**

Bìa & Trình bày: **Thiện Tuệ**

Sửa bản in: **Pháp Triều**

Đơn vị liên kết: Ông **Võ Trọng Phi**

Địa chỉ: 40 Bà Triệu, Thành Phố Huế

*Số lượng in 5000 bản, khổ 14,3 x 20,3 cm tại Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng, 420 Lê Duẩn, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.*

*Số ĐKXB: 2339-2023/CXBIPH/01-97/TG. Mã ISBN: 978-604-61-9650-1. QĐXB: 457/QĐ-NXBTG ngày 21/7/2023. In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2023.*